

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 460/2024/VIX-CBTT

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Mã chứng khoán: VIX

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 4456 8888, số máy lẻ: 5103; Fax: (024) 3978 5379

Email: info@vixs.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX") xin công bố thông tin bất thường:

- Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng
- Bản cáo bạch

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VIX vào ngày 18/07/2024 tại đường dẫn:

<https://vixs.vn/qhcd/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng
- Bản cáo bạch

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



ĐU VĂN TOÀN

THÔNG BÁO

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chứng số 112/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/07/2024)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX
- Tên viết tắt: VIX
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-24) 4456 8888, Số fax: (84-24) 3978 5380, Website: <http://vixs.vn/>
- Vốn điều lệ: 6.694.447.250.000 đồng
- Mã cổ phiếu: VIX
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Số hiệu tài khoản: 1220551117.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0102576064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 25/07/2023.
 - Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Môi giới chứng khoán
 - + Tự doanh chứng khoán
 - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - + Môi giới chứng khoán
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - + Tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành
 - + Lưu ký chứng khoán
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 70/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 10/12/2007, Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động gần nhất số 52/GPĐC-UBCK cấp ngày 23/06/2023.

II. Mục đích chào bán:

Bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.

III. Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu phát hành và chào bán: 789.861.432 cổ phiếu, trong đó:
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023: 66.944.472 cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới). Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 588 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm để trả cổ tức tương ứng là $(588:10) \times 1 = 58,8$ cổ phiếu, làm tròn xuống là 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,8 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 66.944.472 cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới). Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng



vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 588 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng là $(588 : 10) \times 1 = 58,8$ cổ phiếu, làm tròn xuống là 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,8 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 635.972.488 cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện: 100:95 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 100 quyền được mua 95 cổ phiếu mới). Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 588 cổ phiếu. Khi đó, với tỷ lệ thực hiện quyền 100:95, số cổ phiếu cổ đông A được mua là $(588:100) \times 95 = 558,6$ cổ phiếu, làm tròn xuống là 558 cổ phiếu.
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): 20.000.000 cổ phiếu.
4. Giá chào bán:
- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Giá chào bán cho người lao động theo chương trình ESOP: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng giá trị vốn huy động: 6.559.724.880.000 đồng, trong đó:
- Vốn huy động từ chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu: 6.359.724.880.000 đồng
 - Vốn huy động từ phát hành theo chương trình ESOP: 200.000.000.000 đồng
6. Phương thức phân phối:
- Đối với cổ đông hiện hữu: Theo phương thức thực hiện quyền mua
 - Đối với chương trình ESOP: Theo danh sách được HĐQT Công ty phê duyệt
7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 01 cổ phiếu
8. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 09/08/2024 đến ngày 30/08/2024
9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
- Đối với cổ đông đã lưu ký: Làm thủ tục đăng ký mua tại các thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Làm thủ tục đăng ký mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước công dân.
10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 09/08/2024 đến ngày 30/08/2024
11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:
- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
 - Số tài khoản: 100234488
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
12. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX**
- Địa chỉ: Tầng 22, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Số điện thoại: (84-24) 4456 8888
 - Website: <http://vixs.vn/>



Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Ngọc Lân

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2007, Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 52/GPĐC-UBCK cấp ngày 23/06/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 112.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 7 năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: ...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 4456 8888

Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Dư Văn Toàn

Chức vụ: Trợ lý Hội đồng quản trị

Điện thoại: (84-24) 4456 8888

Fax: (84-24) 3978 5380

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2007, Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 52/GPĐC-UBCK cấp ngày 23/06/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 789.861.432 cổ phiếu, trong đó:
 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 66.944.472 cổ phiếu
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 66.944.472 cổ phiếu
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua: 635.972.488 cổ phiếu
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP): 20.000.000 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 7.898.614.320.000 đồng (Bằng chữ: Bảy nghìn tám trăm chín mươi tám tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- ❖ CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 VÀ NĂM 2023)

Trụ sở chính: Tầng 8, Toà nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3831 5100

Fax: (84-24) 3831 5090

Website: www.ey.com

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro về luật pháp.....	9
3.	Rủi ro đặc thù.....	10
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	12
5.	Rủi ro pha loãng.....	12
6.	Rủi ro về quản trị công ty	13
7.	Rủi ro khác.....	13
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ HOẶC NHÓM TỪ VIẾT TẮT	14
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	14
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	14
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	16
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý Công ty	16
5.	Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:	20
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty.....	20
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.....	24
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	24
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	24
10.	Hoạt động kinh doanh	24
11.	Chính sách đối với người lao động	47
12.	Chính sách cổ tức	52
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	53
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty.....	55
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	55
16.	Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích	55
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	56

1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	56
2.	Tình hình tài chính.....	58
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty.....	62
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	63
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	63
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	63
2.	Thông tin về cổ đông lớn.....	63
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	64
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	77
1.	Loại cổ phiếu.....	77
2.	Mệnh giá cổ phiếu.....	77
3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	77
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	77
5.	Giá chào bán dự kiến.....	78
6.	Phương pháp tính giá.....	78
7.	Phương thức phân phối.....	78
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	82
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	83
10.	Phương thức thực hiện quyền.....	83
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	84
12.	Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	84
13.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	84
14.	Các loại thuế có liên quan.....	84
15.	Thông tin về các cam kết.....	85
16.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	86
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	86
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	86
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	87
XI.	PHỤ LỤC.....	87

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Ông: Thái Hoàng Long

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Trương Ngọc Lân

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thu Hằng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là chỉ báo quan trọng phản ánh tốc độ tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và tổ chức trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Kinh tế Việt Nam năm 2021 tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước và năm 2022 tốc độ tăng trưởng tăng nhanh với mức tăng 8,02% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do dịch Covid-19 đã được kiểm soát và ổn định nên ảnh hưởng của đại dịch tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế đã

giảm đáng kể. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Tăng trưởng GDP năm 2023 tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,91% và 2,58% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, khu vực dịch vụ tăng 6,82%. Trên đà phục hồi sau đại dịch, Chính Phủ đặt ưu tiên hàng đầu việc cải thiện những ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đây chính là nền tảng vững chắc để nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm.

Tại phiên họp Kinh tế - Xã hội tháng 3 và Quý I/2024 do thủ tướng Phạm Minh Chính tổ chức ngày 02/04/2024, Bộ Kế hoạch – Đầu tư đã báo cáo: Tăng trưởng GDP Quý I/2024 ước tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, vượt kịch bản đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP (5,2% - 5,6%), là mức tăng cao nhất từ năm 2020 đến nay. Khu vực công nghiệp và xây dựng dần lấy lại được đà tăng trưởng, ước tăng 6,28%, trong đó công nghiệp tăng 6,18%; khu vực nông, lâm, thủy sản và dịch vụ lần lượt tăng 2,98% và 6,12% so với cùng kỳ năm trước.

GDP Quý II/2024 thể hiện rõ xu hướng phục hồi của nền kinh tế với tốc độ tăng ước đạt 6,93% so với cùng kỳ năm trước, vượt xa mức kế hoạch 6,2% của Chính Phủ. Tính chung GDP sáu tháng đầu năm 2024 tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của sáu tháng đầu năm 2022, và khả năng có thể vượt kế hoạch 2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế sáu tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%. Về sử dụng GDP sáu tháng đầu năm 2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 5,78% so với cùng kỳ năm 2023, đóng góp 64,26% vào tốc độ tăng chung của toàn nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 6,72%, đóng góp 35,15%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,89%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,95%, chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 0,59% (Nguồn: Tổng cục thống kê ngày 29/06/2024).

Sự phát triển của thị trường chứng khoán (TTCK) chịu ảnh hưởng lớn từ sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế vững mạnh và tăng trưởng mở ra cơ hội tăng trưởng cao và ổn định cho doanh nghiệp, giúp lành mạnh hoá các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và thúc đẩy nhà đầu tư tích cực tham gia thị trường. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế cũng là động lực thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường huy động nguồn lực tài chính trên thị trường chứng khoán, làm cho TTCK trở nên sôi động hơn và phát triển một cách bền vững. Ngược lại, khi nền kinh tế bất ổn hoặc chậm phát triển, “sức khoẻ” của doanh nghiệp và sự lạc quan của nhà đầu tư sẽ bị giảm sút, thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động kinh doanh của VIX nói riêng sẽ gián tiếp bị ảnh hưởng bất lợi.

1.2 Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã kim hãm được đà tăng của lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng (CPI).

Biểu 2: Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam qua các năm

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

CPI bình quân năm 2022 lần lượt tăng 3,15% và lạm phát cơ bản tăng 2,59% so với năm trước. Xu hướng giảm dần của CPI bình quân và lạm phát cơ bản bình quân tiếp tục được thể hiện trong 9 tháng đầu năm 2023 với các mức tăng lần lượt là 4,24% và 3,16% so với bình quân cùng kỳ năm 2022.

CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,58%; giáo dục tăng 7,44%; lương thực tăng 6,85%; thực phẩm tăng 2,33%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,65%; điện sinh hoạt tăng 4,86%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,23%. Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2023: Giá xăng dầu trong nước giảm 11,02% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá thế giới. Giá gas trong nước giảm 6,94% theo giá thế giới.

CPI tháng 6/2024 tăng 0,17% so với tháng trước. So với tháng 12/2023 CPI tháng 6/2024 tăng 1,40% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,34%. Nguyên nhân chính là do giá thịt lợn tăng do dịch tả lợn châu Phi tại một số địa phương, giá dịch vụ y tế của một số tỉnh/thành phố được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế. CPI bình quân Quý II/2024 tăng 4,39% so với cùng kỳ năm trước; bình quân sáu tháng đầu năm 2024 tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 6/2024 tăng 0,18% so với tháng trước, tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân sáu tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,75% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,08%) (Nguồn: Tổng cục Thống kê).

Các chi phí chính trong hoạt động kinh doanh của VIX là chi phí liên quan đến các nghiệp vụ do Công ty cung cấp, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong đó, chi phí liên quan đến nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất (khoảng 83% - 92% tổng chi phí). Các chi phí này phụ thuộc chủ yếu vào các biến động trên thị trường chứng khoán. Chi phí quản lý doanh nghiệp chủ yếu là các chi phí lương, chi phí thuê văn phòng và các chi phí thuê ngoài. Do vậy, trong ngắn hạn, lạm phát sẽ không trực tiếp ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty. Lạm phát tăng sẽ kéo theo những điều chỉnh trong việc điều hành chính sách tiền tệ mà cụ thể là lãi suất. Điều này sẽ tác động đến các chi phí tài chính của Công ty.

1.3 Lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng duy trì ở mức thấp, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2020 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động, lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

Bước sang năm 2022, trong bối cảnh hầu hết các nước đều tăng lãi suất, thị trường ngoại hối quốc tế biến động mạnh, việc điều hành lãi suất và tỷ giá đã được NHNN cân nhắc kỹ lưỡng. Trong năm 2022, Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã có 7 đợt tăng lãi suất nâng biên độ lãi suất cho vay cơ bản lên 4,5%. Năm 2023, FED tiếp tục tăng lãi suất và duy trì lãi suất quỹ liên bang ở khoảng 5,25%-5,5%, cao nhất 22 năm tính từ năm 2001. Việc tăng lãi suất của FED đã gây sức ép lên mặt bằng lãi suất Việt Nam trong năm 2022 và năm 2023. Tuy nhiên, cuối năm 2023, lãi suất tiền gửi bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại trong nước ở mức 0,2% - 0,3%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 2% - 3,3%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 3,5% - 5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 5% - 6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 5,3% - 6,5% đối với kỳ hạn trên 24 tháng.

Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay trong nước 6 tháng đầu năm 2024 duy trì xu hướng giảm, tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định, thị trường chứng khoán duy trì xu hướng tăng trưởng theo đà phục hồi của nền kinh tế. Tính đến thời điểm 24/06/2024, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 1,50% so với cuối năm 2023 (cùng thời điểm năm trước tăng 3,68%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 4,45% (cùng thời điểm năm trước tăng 3,83%). (Nguồn: Tổng cục Thống kê).

VIX có sử dụng vốn vay các tổ chức để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, do vậy những biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của VIX. Hơn nữa, sự thay đổi của lãi suất có thể làm thay đổi quyết định đầu tư của các nhà đầu tư, ảnh hưởng lớn đến TTCK, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Năm 2024, FED dự kiến cắt giảm lãi suất 3 lần trong bối cảnh bức tranh lạm phát ở Mỹ có sự cải thiện đáng kể. Trong giai đoạn hiện nay, mặt bằng lãi suất đang duy trì ở mức thấp là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và của VIX nói riêng. Vì vậy, các rủi ro tài chính liên quan đến lãi suất trong thời điểm hiện tại nằm trong tầm kiểm soát của Công ty.

1.4 Tỷ giá

Từ đầu năm 2023, tiền Đồng Việt Nam đã tăng giá khoảng 0,7%-0,8% so với USD, cuối năm tiền Đồng Việt Nam lại giảm so với tiền USD, tuy nhiên tỷ giá cơ bản cả năm 2023 trong đó ổn định.

Trong 2 tháng đầu năm 2024, VND mất giá 1,54% so với USD, tỷ giá tiếp tục leo dốc. Tuy nhiên, so với các đồng tiền khác, tính từ đầu năm 2024, đồng VND ổn định thứ hai, sau CNY. Bước sang tháng 3/2024, áp lực tỷ giá chưa vơi khi ngày 11/03/2024, giá USD trên thị

trường tự do cán mốc 25.500 – 25.700 VND/USD (mua vào-bán ra) – mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây.

Theo giới phân tích, áp lực tỷ giá chỉ mang tính thời điểm khi (1) sản xuất phục hồi khiến nhu cầu ngoại tệ phục vụ hoạt động nhập khẩu lên cao và (2) chênh lệch lãi suất VND – USD hiện âm sâu, thanh khoản hệ thống dư thừa kích thích các hoạt động đầu cơ ngoại tệ. Vì vậy 11/03/2024, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện đấu thầu tín phiếu kho bạc kỳ hạn 28 ngày trên thị trường mở, đây là động thái nhằm rút bớt thanh khoản thị trường 2 để giảm áp lực đầu cơ tỷ giá trong ngắn hạn trong bối cảnh thanh khoản trong hệ thống ngân hàng dồi dào, tăng trưởng tín dụng thấp và tỷ giá USD/VND tăng cao. Đáng chú ý, trong giải pháp kiểm soát áp lực tỷ giá, từ 22/04/2024 - 27/05/2024, Ngân hàng Nhà nước đã bán ra khoảng 4,1 tỷ USD, tương đương khoảng 105.500 tỷ đồng để ổn định tỷ giá, động thái này đảm bảo nguồn cung thị trường, nguồn cung ngoại tệ thông suốt, giúp đảm bảo nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2024 giảm 0,04% so với tháng trước; tăng 4,17% so với tháng 12/2023; tăng 7,66% so với cùng kỳ năm trước; bình quân sáu tháng đầu năm 2024 tăng 5,64%.

VIX không có nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, đồng thời hoạt động kinh doanh của VIX không gắn trực tiếp doanh thu và chi phí với ngoại tệ, do vậy những biến động của tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và các đồng ngoại tệ khác không ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của VIX. Tuy nhiên, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái có thể làm thay đổi quyết định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (lực lượng đầu tư quan trọng trên TTCK Việt Nam) hoặc làm dịch chuyển luồng vốn từ TTCK sang kinh doanh ngoại hối, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần trong lĩnh vực chứng khoán, hoạt động của VIX chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Bất cứ một sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VIX là một công ty chứng khoán đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời là công ty chứng khoán thành viên, mọi hoạt động của Công ty đều được giám sát bởi hệ thống cơ quan Nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Tổng Cục Thuế ... Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh và quản trị công ty. Ngoài ra, các rủi ro về luật pháp sẽ xuất hiện khi các công ty chứng khoán không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, hoặc thực hiện các giao dịch không được phép của pháp luật dẫn đến những tổn thất trong hoạt động kinh doanh hoặc tổn hại đến danh tiếng và uy tín của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đội ngũ pháp chế của VIX luôn

ngiên cứu, đánh giá quy định pháp luật mới liên quan đến hoạt động của Công ty và đưa ra những khuyến nghị kịp thời. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn có những đơn vị tư vấn luật chuyên nghiệp, có thể đưa ra giải pháp đối với những vấn đề liên quan đến quy định mới hoặc các vấn đề hợp tác quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về nguồn nhân lực

Những biến động liên tục trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán trong thời gian gần đây tạo ra những thay đổi lớn về nhân sự và tạo áp lực cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành trong việc lôi kéo, giữ chân nhân sự chất lượng cao. Trong lĩnh vực chứng khoán, một lĩnh vực đặc thù đòi hỏi sự tích lũy kinh nghiệm, độ nhạy bén cao, trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi và khả năng chịu áp lực, thì đội ngũ nhân sự là yếu tố cạnh tranh mang tính quyết định. Khi nền kinh tế và thị trường chứng khoán tăng trưởng, nhu cầu sử dụng nhân sự càng tăng nóng, thì nguồn nhân sự càng trở nên khan hiếm. Trong thực tế, năng lực và trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc, do đó việc cạnh tranh lôi kéo nhân sự tốt giữa các công ty chứng khoán diễn ra thường xuyên.

Nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố con người và hạn chế những rủi ro có thể xảy ra liên quan đến nguồn nhân lực, VIX đã có những chính sách hợp lý về mặt nhân sự kể từ khi mới thành lập. Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo để mỗi nhân viên có điều kiện trang bị thêm kiến thức cũng như các kỹ năng nghề nghiệp cho mình. Ngoài ra, các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, điều kiện làm việc luôn được Công ty chú tâm duy trì nhằm đem lại môi trường làm việc tốt và hiệu quả nhất cho các cán bộ nhân viên.

3.2 Rủi ro về cạnh tranh

Cuộc chiến cạnh tranh giành thị phần giữa các công ty chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng trở nên gay gắt. Trong đó, cuộc cạnh tranh giảm phí môi giới, phí tư vấn để thu hút khách hàng có ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của các công ty chứng khoán. Ngoài ra, cuộc chạy đua về công nghệ, quy mô hoạt động,... làm cho chi phí vận hành và đầu tư phát triển doanh nghiệp ngày càng cao.

Mặc dù vậy, cạnh tranh cũng tạo động lực và cơ hội vươn lên cho các công ty chứng khoán năng động, có chiến lược phát triển kinh doanh và chính sách nhân sự hợp lý.

Để thực hiện chiến lược phát triển và nâng cao hoạt động kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay, Công ty đang thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ và toàn diện. Các giải pháp VIX tập trung thực hiện như sau:

- Tăng cường mở rộng hoạt động truyền thông, marketing và ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động kinh doanh;
- Xây dựng chiến lược khách hàng toàn diện và hợp lý như xây dựng các chiến lược phân theo nhóm đối tượng, theo nghiệp vụ kinh doanh, các chính sách ưu đãi, chính sách tiếp cận khách hàng, chính sách chăm sóc khách hàng...;

- Triển khai các giải pháp tăng doanh thu các mảng hoạt động chính như môi giới, tự doanh, bảo lãnh, tư vấn....

- Đầu tư đổi mới công nghệ giao dịch để tăng cạnh tranh và thu hút giao dịch đầu tư, cụ thể đầu tư, nâng cấp hệ thống core và phần mềm giao dịch, tiêu chuẩn hóa hệ thống thông tin khách hàng, xây dựng các phương án dự phòng để ứng phó với các tình huống đặc biệt xảy ra đảm bảo không ảnh hưởng đến giao dịch của khách hàng.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế với các công ty chứng khoán nước ngoài để thu hút các quỹ đầu tư, các nguồn vốn ngoại;

- Nâng cao năng lực phân tích, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới;

- Nâng cao năng lực tài chính nhằm mở rộng các hoạt động nghiệp vụ thông qua việc tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu, hợp tác kinh doanh...;

Với hệ thống giải pháp đồng bộ và toàn diện như trên, VIX kỳ vọng sẽ có những tăng trưởng tốt đối với hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

3.3 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động có thể xảy ra khi nhân viên môi giới nhập sai lệnh của khách hàng hay những phát sinh bất thường từ hệ thống công nghệ thông tin cũng như những lỗi phát sinh từ việc nhân viên công ty không tuân thủ các quy trình đã đề ra. Thêm vào đó, với một tỷ lệ rất thấp, hệ thống giao dịch điện tử và hệ thống số liệu kế toán lưu trữ của Công ty bị sai lệch, hoặc gián đoạn, dẫn đến việc giao dịch của khách hàng và Công ty bị đình trệ, các số liệu về số dư tiền mặt và chứng khoán của khách hàng và Công ty không còn chính xác. Để hạn chế loại rủi ro này, VIX đã xây dựng và hoàn thiện các quy trình hoạt động chuẩn với các khâu kiểm soát và tổ chức huấn luyện nhân viên chặt chẽ nhằm giảm thiểu sai sót. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn rà soát, cập nhật và đánh giá lại việc vận hành của hệ thống công nghệ thông tin. Đồng thời, toàn bộ dữ liệu hoạt động của Công ty được sao lưu thường xuyên và định kỳ. Ngoài ra, VIX cũng sử dụng giải pháp bảo mật mạng máy tính của các nhà cung cấp giải pháp bảo mật hàng đầu thế giới và luôn đổi mới, cập nhật hệ thống. Thêm nữa, bộ phận quản trị rủi ro của Công ty cũng thường xuyên rà soát việc tuân thủ quy trình và pháp luật của các bộ phận phòng ban để đảm bảo sự vận hành thường xuyên của Công ty.

3.4 Rủi ro khủng hoảng tài chính

Là một tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam nên hoạt động của VIX cũng gắn chặt chẽ với sự biến động của nền tài chính Việt Nam nói riêng và nền tài chính toàn cầu nói chung. Vì vậy, rủi ro khi khủng hoảng tài chính xảy ra là hiện hữu. Khi khủng hoảng tài chính xảy ra, các khoản đầu tư của VIX và các hoạt động cung cấp dịch vụ chứng khoán chắc chắn sẽ chịu những ảnh hưởng. Sự sụt giảm giá các cổ phiếu sẽ dẫn đến giá trị các khoản đầu tư của Công ty bị giảm trong ngắn hạn. Đồng thời khi khủng hoảng tài chính xảy ra, dòng tiền của các nhà đầu tư sẽ rút khỏi thị trường chứng khoán, qua đó giá trị giao dịch sẽ giảm xuống và các khoản phí dịch vụ của các công ty chứng khoán nói chung và VIX nói riêng cũng sẽ bị thu hẹp lại.

Để hạn chế các rủi ro này xảy ra, VIX xây dựng bộ phận phân tích, đánh giá sự biến động của thị trường, sự thay đổi của các ngành và các công ty trong từng giai đoạn, từng thời kỳ. Qua đó tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty để ban hành các quyết sách phù hợp.

4. Rủi ro của đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt chào bán này, VIX dự kiến chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu là 635.972.488 cổ phiếu (theo tỷ lệ 100:95) với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 66.944.472 cổ phiếu (tương ứng với tỷ lệ 10%), số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 66.944.472 cổ phiếu (tương ứng với tỷ lệ 10%) và số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) là 20.000.000 cổ phiếu với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Việc chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành, các yếu tố vĩ mô, yếu tố tâm lý của các Nhà đầu tư và sự hấp dẫn của cổ phiếu VIX. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chào bán cho cán bộ nhân viên trong Công ty. Khi đó số lượng cổ phiếu không đặt mua hết được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác theo các quy định của pháp luật hoặc sử dụng nguồn vốn vay hoặc các nguồn vốn khác để thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

4.2. Rủi ro của phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Phương án sử dụng vốn của Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty nói riêng và xu hướng của thị trường nói chung trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang dần hồi phục và TTCK có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai. Rủi ro của việc sử dụng nguồn vốn có thể bắt nguồn từ sự không hiệu quả trong các hoạt động kinh doanh được phân bổ nguồn. Để giảm thiểu rủi ro, Ban lãnh đạo Công ty luôn nghiên cứu, đánh giá để nâng cao hiệu quả trong các quyết định đầu tư, sử dụng nguồn vốn.

5. Rủi ro pha loãng

Giá cổ phiếu VIX sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá thị trường của cổ phiếu VIX sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (Pr_1 \times I_1) + (Pr_2 \times I_2) + (Pr_3 \times I_3)}{1 + I_1 + I_2 + I_3}$$

Trong đó:

- P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_t : Giá cổ phiếu VIX tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pr_1 : Giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu)
- Pr_2 : 0 đồng/cổ phần (cổ tức bằng cổ phiếu giá 0 đồng/cổ phiếu)
- Pr_3 : 0 đồng/cổ phần (cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu giá 0 đồng/cổ phiếu)
- I_1 : là tỷ lệ tăng vốn do chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- I_2 : là tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu
- I_3 : là tỷ lệ phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu

Giả định tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền, giá thị trường của cổ phiếu VIX là 20.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:95 (tương đương 95%) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, phát hành cổ phiếu trả cổ tức 10% và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu 10% thì giá cổ phiếu VIX sau khi pha loãng là:

$$\frac{20.000 + (10.000 \times 0,95) + 0 \times 0,1 + 0 \times 0,1}{1 + 0,95 + 0,1 + 0,1} = 13.720 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

6. Rủi ro về quản trị công ty

6.1. Rủi ro về quản trị công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty khi tăng vốn là chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết lượng cổ phiếu chào bán thêm là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và có thể, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành, quản trị kinh doanh. Để hạn chế rủi ro này, trong trường hợp phải phân phối cổ phần cho các đối tượng khác, VIX sẽ tìm kiếm các nhà đầu tư có chung tầm nhìn chiến lược, định hướng kinh doanh để có thể chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau phát triển trong dài hạn.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề kinh doanh hiện tại. Cùng với việc tăng vốn, VIX cũng tiếp tục mở rộng quy mô kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động. Điều này tạo ra áp lực lớn, yêu cầu một cơ chế quản lý hiệu quả và thông suốt để triển khai một cách hiệu quả số vốn mới tăng thêm và theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Trong thời gian qua, VIX không ngừng nâng cao năng lực quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao, một môi trường làm việc chuyên nghiệp để đáp ứng được chiến lược, quy mô phát triển mới.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra như: Thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Để chủ động đối phó, Công ty luôn xây dựng các kịch bản hoạt động trong đó có tính đến các tình huống xấu nhất.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ HOẶC NHÓM TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
TTCK	Thị trường chứng khoán
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐVT	Đơn vị tính
VND	Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX
- Tên viết tắt: VIX
- Tên Tiếng Anh: VIX SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102576064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/07/2023.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 70/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 10/12/2007, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động gần nhất số 52/GPĐC-UBCK cấp ngày 23/06/2023
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 4456 8888 Fax: (84-24) 3978 5380
- Vốn điều lệ: 6.694.447.250.000 đồng (Sáu nghìn sáu trăm chín mươi bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Môi giới chứng khoán;
 - + Tự doanh chứng khoán;
 - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Người đại diện theo pháp luật:
Ông: **Trương Ngọc Lâm** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Mã cổ phiếu: VIX
- Sàn niêm yết: HOSE

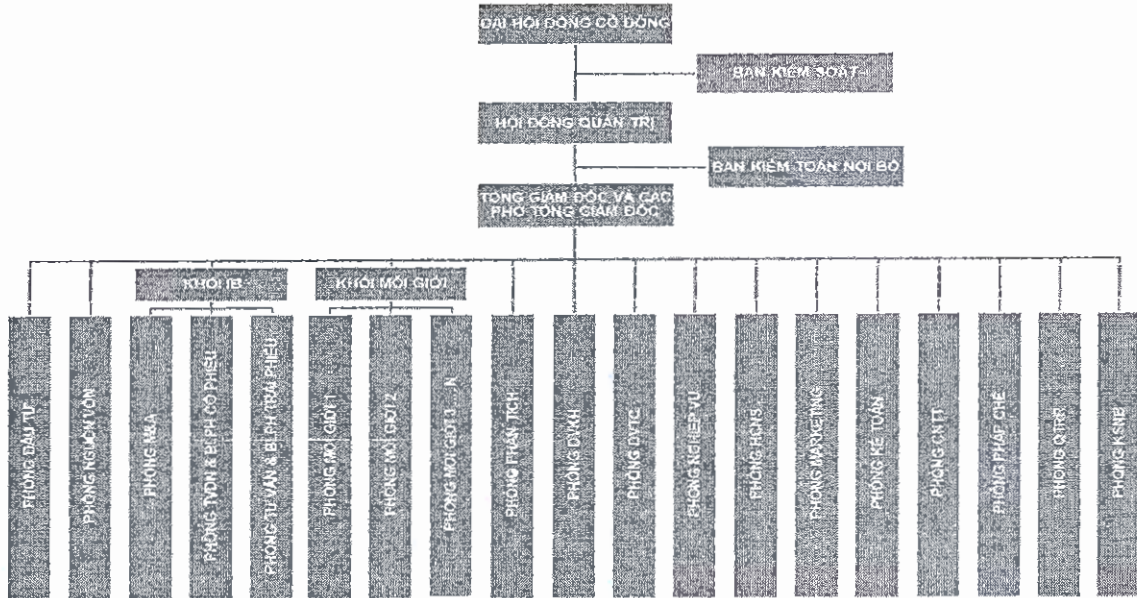
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 10/12/2007: Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom, vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng). Trụ sở chính đặt tại Tầng 4, Tầng 15 Tòa nhà Vincom City Towers, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Công ty được phép hoạt động và kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán. Cùng ngày 10/12/2007, Công ty cũng được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 01/UBCK-GCN.
- Ngày 24/12/2009: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có quyết định số 1036/QĐ – SGDHN chấp thuận cho cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VIX. Ngày 29/12/2009 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VIX.
- Ngày 01/12/2010: Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 374/UBCK-GP chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh và đặt tại Tầng L2, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Ngày 06/05/2011: Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành. Cũng trong năm 2011, Công ty đã chuyển trụ sở chính từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội theo Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK đặt tại Tầng 5+6, Số 37 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Năm 2014 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (IBSC) và chuyển trụ sở chính về Tòa nhà Gelex, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Sau hơn 10 năm hình thành và phát triển, ngày 20/10/2020 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK.
- Ngày 08/01/2021: Công ty chính thức chuyển niêm yết từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
- Ngày 17/11/2021, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 103/GPĐC-UBCK với vốn điều lệ 2.745.952.290.000 đồng.
- Ngày 27/09/2022, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 92/GPĐC-UBCK với vốn điều lệ 5.821.391.890.000 đồng.
- Trải qua hơn 15 năm hình thành và phát triển, VIX đã và đang khẳng định vị thế Công ty với mức vốn điều lệ đạt 6.694.447.250.000 đồng (Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 52/GPĐC-UBCK ngày 26/06/2023), đứng thứ 5 trên thị trường xét về quy mô vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2023, nằm trong Top 10 công ty chứng khoán quy mô Vốn chủ sở hữu và Tài sản lớn nhất tại Việt Nam, và Top 5 công ty chứng khoán có lợi nhuận năm 2023 lớn nhất.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Công ty không có công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và liên doanh.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý Công ty



4.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

❖ Quyền và nghĩa vụ Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2026:

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| - Ông Thái Hoàng Long | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trương Ngọc Lâm | - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc |
| - Bà Cao Thị Hồng | - Thành viên HĐQT |
| - Bà Trần Thị Hồng Hà | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Tuấn Dũng | - Thành viên HĐQT |

- ❖ Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- ❖ Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các cán bộ quản lý của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội

- đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.3. Ban kiểm soát

Danh sách Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| - Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ | - Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Duyên | - Thành viên Ban Kiểm soát |
| - Bà Trần Hồng Vân | - Thành viên Ban Kiểm soát |
- ❖ Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
 - Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
 - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Danh sách Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| - Ông Trương Ngọc Lân | - Tổng Giám đốc |
| - Ông Đỗ Ngọc Đĩnh | - Phó Tổng Giám đốc |
- ❖ Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - ❖ Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - Tuyển dụng lao động;
 - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4.5. Các phòng ban khác

- | | |
|-------------------|----------------------------|
| - Phòng Đầu tư | - Phòng Nghiệp vụ |
| - Phòng Nguồn vốn | - Phòng Hành chính nhân sự |
| - Phòng Marketing | - Phòng Kiểm soát nội bộ |
| - Khối IB | - Phòng Kế toán |

- Khối Môi giới
- Phòng Công nghệ thông tin
- Phòng Phân tích
- Phòng Pháp chế
- Phòng Dịch vụ khách hàng
- Phòng Quản trị rủi ro
- Phòng Dịch vụ tài chính

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của VIX

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
10/12/2007	300.000	-	Vốn góp ban đầu	- Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 70/UBCK-GP ngày 10/12/2007
08/05/2015	606.930	306.930	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 15/2014/XTS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014; - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 42/2014/IBSC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/08/2014; - Giấy chứng nhận số 06/GCN-UBCK ngày 11/02/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 27/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2015.
01/10/2015	667.622,97	60.692,97	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2015. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GPĐC-UBCK ngày 26/10/2015.
17/06/2016	701.001,65	33.378,68	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2016/IBSC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2016. - Công văn số 4284/UBCK-QLKD

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
			5%	ngày 01/07/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 19/GPĐC-UBCK ngày 01/07/2016.
21/06/2017	736.045,8	35.044,15	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016 tỷ lệ 5%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2017/IBSC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2017. - Công văn số 4595/UBCK-QLKD ngày 06/07/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 25/GPĐC-UBCK ngày 06/07/2017.
28/05/2018	809.645,83	73.600,03	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018/IBSC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2018. - Công văn số 4052/UBCK-QLKD ngày 29/06/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 29/06/2018.
22/01/2019	1.009.645,83	200.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018/IBSC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2018. - Công văn số 707/UBCK-QLKD ngày 24/01/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 09/GPĐC-UBCK ngày

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				01/02/2019.
31/05/2019	1.161.086,38	151.440,55	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 15%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2019/IBSC/NQ-ĐHCĐ ngày 10/04/2019. - Công văn số 3914/UBCK-QLKD ngày 21/06/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 39/GPĐC-UBCK ngày 21/06/2019.
16/07/2020	1.277.189,75	116.103,37	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 10%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2020/IBSC/NQ-ĐHCĐ ngày 17/04/2020. - Công văn số 4628/UBCK-QLKD ngày 27/07/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 47/GPĐC-UBCK ngày 06/08/2020.
25/10/2021	2.745.952,29	1.468.762,54	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 tỷ lệ 15% và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/VIX/NQ-ĐHCĐ ngày 25/06/2021. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 139/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/08/2021. - Công văn số 6788/UBCK-QLKD ngày 28/10/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán số 103/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2021.
14/04/2022	5.491.904,58	2.745.952,29	Chào bán cổ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 số

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
			phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1	02/2021/VIX/NQ-ĐHCD ngày 23/12/2021. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 19/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/02/2022. - Công văn số 2259/UBCK-QLKD ngày 25/04/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán số 38/GPĐC-UBCK ngày 20/05/2022.
29/08/2022	5.821.391,89	329.487,31	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 tỷ lệ 6%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 01/2022/VIX/NQ-ĐHCD ngày 30/06/2022. - Công văn số 6070/UBCK-QLKD ngày 12/09/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán số 92/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2022.
26/05/2023	6.694.447,25	873.055,36	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 tỷ lệ 5% và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 01/2023/VIX/NQ-ĐHCD ngày 15/04/2023. - Công văn số 3458/UBCK-QLKD ngày 09/06/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán số 52/GPĐC-UBCK ngày 23/06/2023.

Nguồn: VIX

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

❖ Tên doanh nghiệp: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam

- Giá trị đầu tư: 1.178.982.997.479 đồng, chiếm 12,97% tổng tài sản của VIX theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
- Phương thức thực hiện: Mua cổ phiếu trên sàn và nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trong nước	44.731	607.161.150	90,70
i. Cá nhân	44.644	573.724.721	85,70
ii. Tổ chức	87	33.436.429	5,00
Nước ngoài	313	62.283.575	9,30
i. Cá nhân	272	5.152.950	0,77
ii. Tổ chức	41	57.130.625	8,53
Tổng cộng	45.044	669.444.725	100

Nguồn: Danh sách cổ đông VIX chốt ngày 18/03/2024

8.2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác: Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có): Không giới hạn
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại: 9,3% (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2024).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a. Các sản phẩm, dịch vụ chính

i. Môi giới chứng khoán

Là hoạt động mà Công ty đứng ra làm trung gian giao dịch (mua, bán) chứng khoán cho nhà đầu tư. Với triết lý kinh doanh "Công nghệ vượt trội, dịch vụ hoàn hảo", VIX luôn chú trọng

đầu tư hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán, nâng cao chất lượng dịch vụ để phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Ngoài khả năng hỗ trợ bám sát và phân tích thị trường để khách hàng có thể quản lý danh mục đầu tư hiệu quả, bộ sản phẩm giao dịch trực tuyến của VIX còn giúp khách hàng đầu tư linh hoạt thông qua hàng loạt các công cụ được “trực tuyến hoá” sau:

Giao dịch qua Internet

VIX luôn chú trọng đầu tư hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán, nâng cao chất lượng dịch vụ để phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Với giao dịch qua Internet VIX cung cấp giải pháp hệ thống VIX Web Trading System (Web Trading). Qua đây, nhà đầu tư có thể đặt lệnh mua, bán, huỷ, sửa chứng khoán trực tuyến, theo dõi chi tiết tình trạng lệnh và kiểm tra lãi/lỗ của danh mục đầu tư theo giá thị trường trực tuyến, đồng thời cập nhật các thông tin về tài khoản như số dư tiền mặt, số dư chứng khoán, sao kê tài khoản. Với cấu trúc ưu việt, hệ thống giao dịch qua Internet của VIX cho phép không hạn chế số lượng người truy cập với tốc độ truyền lệnh chỉ tính bằng % giây. Nhờ đó, VIX luôn nằm trong top các công ty chứng khoán có tốc độ truyền và khớp lệnh nhanh nhất tại hai sàn chứng khoán.

Giao dịch qua hệ thống Call Center

Hệ thống Call Center của VIX được chia thành nhiều lines dành riêng cho đặt lệnh, tư vấn, và các yêu cầu khác. Mỗi line trượt vào nhiều máy tới trực tiếp đội ngũ cán bộ môi giới và tư vấn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu giao dịch hoặc tham vấn của nhà đầu tư.

Giao dịch qua điện thoại di động

Chỉ với một chiếc điện thoại di động kết nối WIFI hoặc 3G/4G, khách hàng có thể lựa chọn giao dịch qua App XPower (ứng dụng cài đặt điện thoại – Mobile Trading) để thực hiện giao dịch. Sau khi khách hàng truy cập vào hệ thống bằng cách xác thực 2 lớp mật khẩu (mật khẩu truy cập và mã PIN) khách hàng có thể theo dõi giá chứng khoán trực tuyến với các thông tin cụ thể về chỉ số, giá trị thay đổi, phần trăm thay đổi, giá trị giao dịch; thực hiện các giao dịch lệnh mua, bán, huỷ/sửa chứng khoán; thực hiện các giao dịch về tiền hoặc theo dõi danh mục đầu tư, số dư tiền và chứng khoán, giá thị trường, tỷ lệ lãi lỗ theo giá thị trường... Đây chính là những ưu điểm của hệ thống, được thiết kế tiện dụng với những thao tác đơn giản và an toàn nhằm đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư do đặc thù công việc phải di chuyển nhiều.

Đặc biệt, từ ngày 27/01/2024, VIX đã thành công thay đổi phần mềm lõi chứng khoán mới FLEX của Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm Tài chính FSS, theo đó nền tảng giao dịch chứng khoán mới XPower là hệ thống giao dịch chứng khoán hoàn toàn mới của VIX. XPower mang lại những tiện ích ưu việt tới khách hàng như: tăng tốc độ xử lý lệnh, bổ sung các tiện ích giao dịch, là cơ sở để tích hợp các sản phẩm, dịch vụ mới trong tương lai.

XPower được triển khai đồng bộ trên cả hai nền tảng là Web Trading và Mobile Trading giúp khách hàng có thể quản lý tài sản và thực hiện đầu tư thuận tiện, nhanh chóng và hiệu quả. XPower cho phép nhà đầu tư có thể cá nhân hoá Danh mục quan tâm, cài đặt cảnh báo và tối ưu hoá hiệu suất đầu tư. Ngoài ra, nhằm mang tới những trải nghiệm không giới hạn, an toàn, vượt trội đến với Khách hàng, VIX đã thực hiện triển khai dự án nâng cao năng lực xử lý, lưu trữ, bảo mật của hệ thống và kết hợp trí tuệ nhân tạo (AI) cùng với dữ liệu lớn (Big Data) từ hệ thống X-Wealth của DATX trong giao dịch chứng khoán. Theo đó, VIX sẽ mang đến cho khách hàng nhiều dịch vụ đa dạng và các tiện ích mới nhất trong giao dịch chứng khoán như cung cấp các khuyến nghị, các tín hiệu cổ phiếu, tín hiệu đầu tư, cung cấp thông tin danh mục đầu tư...

Các dịch vụ môi giới VIX cung cấp bao gồm:

- Mở tài khoản giao dịch trực tuyến; tài khoản lưu ký chứng khoán;
- Hỗ trợ thực hiện các giao dịch Cổ phiếu/Trái phiếu;
- Tư vấn, hỗ trợ thực hiện quyền (bao gồm cổ phiếu thưởng, cổ tức, thực hiện quyền mua; chuyển nhượng quyền mua; nhận lãi/gốc Trái phiếu...);
- Thực hiện các giao dịch thoả thuận;
- Dịch vụ giao dịch ký quỹ;
- Cung cấp các tiện ích giao dịch tốt nhất dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại với nhiều tính năng ưu việt;
- Các công cụ hỗ trợ, cảnh báo: Báo cáo phân tích chuyên sâu, các khuyến nghị đầu tư; các cảnh báo chứng khoán...;
- Cung cấp các bản tin, khuyến nghị tới khách hàng (bao gồm xếp hạng thị trường, tín hiệu mua bán, tín hiệu dòng tiền theo ngành ...).

ii. Hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành

Gần 20 năm hoạt động hiệu quả trên thị trường chứng khoán, VIX đã hiểu rõ hoạt động của các doanh nghiệp và môi trường kinh doanh tại Việt Nam, từ đó thiết lập được mạng lưới khách hàng ở nhiều lĩnh vực. VIX cung cấp đầy đủ các nghiệp vụ tư vấn tới các doanh nghiệp bao gồm:

Tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch

Thị trường chứng khoán là một sân chơi chuyên nghiệp, một kênh ghi nhận sự phát triển cũng như quảng bá doanh nghiệp, đặc biệt hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu tiếp cận nguồn lực tài chính xã hội thay vì các kênh truyền thống như huy động vốn của các cổ đông sáng lập hoặc vay vốn ngân hàng. Chuẩn hoá các điều kiện, tư vấn xây dựng hồ sơ và xác định giá niêm yết... là những công việc đòi hỏi kinh nghiệm, am hiểu về tài chính và pháp luật, am hiểu về doanh nghiệp cũng như thị trường. VIX sẽ hỗ trợ doanh nghiệp ngay từ khâu lập kế hoạch đến khâu thực hiện niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)/Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán UPCoM theo lộ trình cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và thị trường. Nội dung tư vấn bao gồm:

- Tư vấn chuẩn hoá các điều kiện;
- Tư vấn đại chúng hóa doanh nghiệp;
- Tư vấn đăng ký cổ phiếu/trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Tư vấn niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)/Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc đăng ký giao dịch UPCOM;
- Tư vấn niêm yết/đăng ký giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp.

VIX cam kết luôn đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình tư vấn niêm yết cũng như sau niêm yết doanh nghiệp.

Tư vấn thu xếp nguồn vốn và Bảo lãnh phát hành

VIX sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu nâng cao năng lực tài chính, bổ sung nguồn vốn tài trợ các dự án, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ, ... Với vai trò tổ chức tài chính trung gian, đối tác và khách hàng đa dạng, VIX sẽ hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện phương án huy động vốn khả thi và hiệu quả. Chúng tôi sẽ đồng hành cùng doanh nghiệp trong phát hành chứng khoán từ: xác định nhu cầu, xây dựng phương án đến phân phối chứng khoán. Căn cứ vào nhu cầu và hoạt động của doanh nghiệp cũng như phân tích các yếu tố thị trường, VIX sẽ tư vấn cho Khách hàng thực hiện phát hành chứng khoán trên thị trường vốn (cổ phiếu) hay thị trường nợ (trái phiếu). Nhờ vào uy tín, sự chuyên nghiệp của VIX và mối quan hệ sâu rộng với các đối tác, các ngân hàng, các quỹ và các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, chúng tôi đóng vai trò là cầu nối, là tổ chức tư vấn thu xếp nguồn vốn giúp các doanh nghiệp tiếp xúc được với các nguồn vốn một cách nhanh chóng, dễ dàng hơn.

Với tình hình tài chính lành mạnh, với vốn chủ sở hữu lớn, VIX có đủ khả năng thực hiện các hợp đồng bảo lãnh đa dạng theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Dịch vụ tư vấn:

- Tư vấn phát hành cổ phiếu/trái phiếu riêng lẻ/ra công chúng;
- Tư vấn chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng (IPO);
- Bảo lãnh phát hành và Đại lý phát hành.

Các bước thực hiện bao gồm:

- Tư vấn tài chính và tái cấu trúc vốn doanh nghiệp;
- Xác định quy mô vốn huy động tối ưu;
- Xác định giá trị doanh nghiệp;
- Định giá cổ phiếu (hoặc tư vấn lãi suất trái phiếu) phát hành;
- Xác định mức giá nhận bảo lãnh phát hành (nếu có);
- Lập hồ sơ xin cấp phép phát hành (riêng lẻ/ra công chúng; cổ phiếu/trái phiếu);
- Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, tiếp xúc, đàm phán với đối tác cung cấp vốn;
- Đàm phán và ký kết hợp đồng huy động vốn;
- Hỗ trợ thúc đẩy tiến độ giải ngân theo đúng yêu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp;
- Thực hiện phát hành chứng khoán.

Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp/chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc của chúng tôi được triển khai dựa trên khảo sát toàn diện và đánh giá tổng thể, chi tiết hiện trạng của từng khách hàng doanh nghiệp, cũng như những mong muốn của doanh nghiệp và các nhu cầu như cổ phần hoá, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp... Chúng tôi sẽ tư vấn các giải pháp về tài chính cũng như hỗ trợ tái cơ cấu tổ chức và hoạt động. Từ đó giúp doanh nghiệp ổn định tình hình hoạt động kinh doanh và tối đa hoá hiệu quả sử dụng vốn. Dịch vụ này bao gồm các nội dung công việc:

- Phân tích và đánh giá hiện trạng của doanh nghiệp;
- Xác định nhu cầu của doanh nghiệp, ưu nhược điểm trong hoạt động kinh doanh để xây dựng kế hoạch tái cấu trúc tài chính, quản trị của doanh nghiệp, loại hình doanh

nghiệp phù hợp;

- Đề xuất các giải pháp tối ưu để tái cấu trúc;
- Tái cấu trúc nợ, xây dựng cơ cấu vốn tối ưu cho đặc thù của doanh nghiệp, chuẩn hoá các vấn đề về tài chính;
- Xây dựng phương án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp (nếu cần);
- Tư vấn triển khai thực hiện phương án tái cấu trúc.

Tư vấn mua bán và sáp nhập công ty (M&A)

VIX đóng vai trò là cầu nối cho tiến trình thực hiện mua bán và sáp nhập doanh nghiệp/tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp thông qua việc giới thiệu cơ hội đầu tư, tư vấn định giá, tư vấn cấu trúc giao dịch và hỗ trợ đàm phán nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng. VIX cung cấp các giải pháp tư vấn trọn gói cho các thương vụ mua bán, sáp nhập, chia tách, thoái vốn, liên doanh, mua cổ phần sử dụng đòn bẩy (LBO), tư vấn các thủ tục pháp lý, lập kế hoạch cấu trúc giao dịch và định giá, thẩm định, giới thiệu và đánh giá các cơ hội đầu tư... Với kinh nghiệm thực tế triển khai thành công nhiều thương vụ trên thị trường, chúng tôi tin tưởng sẽ mang lại cho khách hàng những dịch vụ có chất lượng nhất và làm hài lòng khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn. Các bước tư vấn bao gồm:

- Xây dựng chiến lược, tìm kiếm và lựa chọn đối tượng sáp nhập/thâu tóm;
- Khảo sát và xác định giá trị doanh nghiệp để M&A;
- Tư vấn thẩm định chuyên sâu (Due Diligence);
- Tư vấn lựa chọn phương thức mua bán sáp nhập;
- Tư vấn thẩm định pháp lý liên quan;
- Tư vấn tái cấu trúc nguồn vốn và xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn.

iii. Hoạt động lưu ký chứng khoán

Hệ thống quản lý hiện đại của VIX cho phép quản lý tài sản của khách hàng một cách tốt nhất, nhanh chóng, minh bạch và đảm bảo các quyền và lợi ích liên quan đến chứng khoán của Khách hàng.

Nhận ký gửi, bảo quản an toàn, chuyển giao và ghi nhận sở hữu chứng khoán của khách hàng trên hệ thống tài khoản lưu ký chứng khoán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) quản lý, các nghiệp vụ cụ thể:

- Tái lưu ký cổ phiếu, chứng chỉ quỹ;
- Đề nghị rút chứng khoán đã lưu ký;
- Chuyển khoản chứng khoán không qua sàn;
- Phong tỏa chứng khoán để thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba;
- Thực hiện quyền liên quan đến chứng khoán đã lưu ký.

iv. Hoạt động Tư vấn đầu tư

Am hiểu khách hàng, tối đa hóa giá trị đầu tư là phương châm cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư của VIX. Công ty thường xuyên tiến hành đánh giá chất lượng dịch vụ thông qua chất lượng của đội ngũ nhân viên nhằm tối đa hoá lợi ích của khách hàng. Nhân viên tư vấn đầu tư của VIX

sẽ cung cấp cho khách hàng kết quả phân tích, báo cáo phân tích và đưa ra khuyến nghị của Công ty liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán theo quy định của pháp luật. VIX sẽ trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy trong mỗi quyết định đầu tư của khách hàng.

Thế mạnh Tư vấn đầu tư của VIX:

- Đội ngũ chuyên gia tư vấn đầu tư dày dặn kinh nghiệm;
- Các gói sản phẩm dịch vụ và báo cáo đa dạng, chuyên sâu;
- Cập nhật thông tin liên tục, đưa ra các khuyến nghị đầu tư kịp thời;
- Tư vấn lập kế hoạch tài chính đầu tư phù hợp, chất lượng;
- Tư vấn ra quyết định và quản trị rủi ro hiệu quả.

Để cung cấp cho nhà đầu tư đầy đủ thông tin và bức tranh toàn cảnh thị trường, ngành và bản thân doanh nghiệp nhằm dễ dàng ra quyết định đầu tư hiệu quả, chuyên viên tư vấn đầu tư của VIX bên cạnh việc liên tục cập nhật tình hình thị trường còn thường xuyên tổ chức các chuyến khảo sát doanh nghiệp để thực hiện nghiên cứu và phân tích chuyên sâu về các mã chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết mà nhà đầu tư quan tâm. Nhờ đó, VIX đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đưa ra những gói dịch vụ tư vấn đầu tư đa dạng và ý kiến tư vấn phù hợp trên cơ sở thấu hiểu được khả năng tài chính, mức độ chấp nhận rủi ro và mục tiêu của từng đối tượng nhà đầu tư cụ thể.

v. Dịch vụ hỗ trợ tài chính

Cho vay giao dịch ký quỹ

Với nguồn vốn chủ sở hữu lớn, VIX đáp ứng tốt nhất nhu cầu vay vốn giao dịch ký quỹ của khách hàng với lãi suất hấp dẫn, danh mục cổ phiếu cho vay đa dạng.

Hỗ trợ giao dịch ứng trước tiền bán

Lãi suất ứng trước hấp dẫn, không giới hạn số tiền vay khi nhà đầu tư thực hiện ứng trước tiền bán chứng khoán.

vi. Đầu tư tự doanh chứng khoán

Tự doanh là một trong những nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi của VIX, với lợi thế nguồn vốn lớn, hoạt động phân tích, đánh giá hiệu quả, hoạt động tự doanh của Công ty luôn mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty và các cổ đông.

VIX luôn xem xét tất cả các cơ hội đầu tư trên cơ sở cân nhắc giữa rủi ro và lợi nhuận, đồng thời tối ưu hoá nguồn vốn. Danh mục đầu tư của VIX là bao gồm cả các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn, bao gồm cả cổ phiếu đã niêm yết, chưa niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ. VIX luôn theo sát thị trường và tìm kiếm các cơ hội đầu tư ở những công ty có P/E thấp, có tiềm năng phát triển và tăng trưởng bền vững trong tương lai. Trên thị trường VIX là một trong những công ty chứng khoán có hoạt động đầu tư tự doanh hiệu quả nhất, mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty.

b. Tính thời vụ của các hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của VIX diễn ra đều đặn và liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.

c. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm 2022, 2023 và Quý I/2024

❖ Cơ cấu doanh thu

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm dịch vụ	2022		2023		Quý I/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	766.730	64,57	1.070.231	65,90	204.353	56,67
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	-	198.000	12,19	25	0,01
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	187.947	15,83	247.690	15,25	115.031	31,90
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	155.246	13,07	86.349	5,32	40.155	11,13
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	69.495	5,85	17.940	1,11	-	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.206	0,27	3.626	0,22	1.001	0,28
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.824	0,41	120	0,01	30	0,01
Tổng cộng	1.187.448	100	1.623.956	100	360.595	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I/2024 của VIX

Các năm qua, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng quanh mức 65% Tổng doanh thu hàng năm của Công ty, tương ứng 766,73 tỷ đồng năm 2022 và 1.070 tỷ đồng năm 2023. Tiếp đó là Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (chiếm khoảng hơn 15% Tổng doanh thu mỗi năm, đạt 187,95 tỷ đồng năm 2022 và 247,69 tỷ đồng năm 2023), tiếp theo là Doanh thu từ nghiệp vụ Môi giới chứng khoán (đạt 155,2 tỷ đồng năm 2022 và 86,3 tỷ năm 2023). Các hoạt động còn lại như doanh thu từ nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính mang tỷ lệ không đáng kể (dưới 1% mỗi hoạt động). Riêng năm 2023, giá trị khoản Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn mang lại doanh thu đáng kể cho Công ty, đóng góp 12,19% vào Tổng doanh thu của Công ty (tương đương 198 tỷ đồng), trong khi năm 2022 và Quý I/2024 hoạt động này không mang lại doanh thu hoặc doanh thu không đáng kể.

Năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh của VIX tăng trưởng mạnh với tổng doanh thu năm 2023 đạt gần 1.624 tỷ đồng, tăng hơn 36,76% so với năm 2022. Trong đó, Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ chiếm 65,90% tổng doanh thu.

Quý I/2024, doanh thu chủ yếu của Công ty cũng đến từ lãi từ các tài sản tài chính ghi

nhận thông qua lãi/lỗ, đạt 204,3 tỷ đồng, chiếm 56,67% Tổng doanh thu của Công ty. Tiếp theo đó là Lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt 115,03 tỷ đồng, chiếm 31,9% Tổng doanh thu. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán cũng đạt kết quả cao với 40,15 tỷ đồng doanh thu, chiếm 11,13% Tổng doanh thu Quý I/2024.

❖ **Chi phí hoạt động**

Bảng 4: Cơ cấu chi phí Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Quý I/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí hoạt động kinh doanh	754.823	92,20	393.589	90,72	135.029	83,71
2	Chi phí tài chính	37.920	4,63	-	-	14.095	8,74
3	Chi phí quản lý	25.970	3,17	38.627	8,90	12.184	7,55
4	Chi phí khác	-	-	1.659	0,38	-	-
Tổng cộng		818.713	100,00	433.875	100,00	161.308	100,00

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I/2024 của VIX

Năm 2023, Tổng chi phí của Công ty là 433,8 tỷ; giảm gần 385 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng với tỷ lệ giảm là 47%, trong đó Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty có sự sụt giảm mạnh nhất (giảm 361 tỷ đồng so với năm 2022) và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí với mức 90,72%. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023 tăng trong chi phí hoạt động kinh doanh giảm 361 tỷ đồng cho thấy hoạt động kinh doanh của VIX trong năm 2023 hiệu quả hơn so với năm 2022.

Trong Quý I/2024, chi phí hoạt động kinh doanh vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 83,71% Tổng chi phí, giảm khoảng 118 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (từ 253 tỷ đồng Quý I/2013 xuống 135 tỷ đồng Quý I/2024). Chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp đều chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong tổng chi phí của Công ty, lần lượt là 8,74% và 7,55%.

Bảng 5: Cơ cấu Chi phí hoạt động và tỷ lệ chi phí/doanh thu hoạt động

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Quý I/2024	
		Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	%/ Doanh thu
1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	626.834	52,79	300.554	18,51	104.387	28,95
2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính	-	-	-	-	-	-
3	Chi phí hoạt động tự doanh	36.910	3,11	35.900	2,21	10.026	2,78

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Quý I/2024	
		Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	%/ Doanh thu
4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	82.570	6,95	47.730	2,94	17.780	4,93
5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.560	0,47	6.428	0,40	1.736	0,48
6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.959	0,16	1.779	0,11	689	0,19
7	Chi phí khác	990	0,08	1.198	0,07	411	0,11
Tổng cộng		754.823	63,56	393.589	24,24	135.029	37,44

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I/2024 của VIX

Chi phí hoạt động 2023 của VIX giảm 361,2 tỷ đồng tương ứng với mức giảm là 47,86%. Chi phí lớn nhất trong Chi phí hoạt động của Công ty là Lãi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ với giá trị gần 301 tỷ đồng, chiếm 18,51% Tổng doanh thu. Các chi phí khác đều chiếm tỷ lệ nhỏ trong Tổng chi phí hoạt động. Trong đó, Chi phí hoạt động tự doanh năm 2023 giảm 2,74% đạt 35,9 tỷ đồng; Chi phí môi giới giảm 42,19% đạt 47,7 tỷ đồng; Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán đạt 6,4 tỷ đồng (tăng 15,61%); Chi phí hoạt động tư vấn tài chính giảm từ 1,9 tỷ đồng năm 2022 xuống hơn 1,7 tỷ đồng năm 2023.

Trong Quý I/2024, chi phí lớn nhất trong chi phí hoạt động của Công ty là Lãi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ với giá trị đạt gần 104,4 tỷ đồng, chiếm 28,95% Tổng doanh thu. Các chi phí khác đều chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong Tổng doanh thu tuy nhiên chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán có xu hướng tăng, cụ thể đạt 17,78 tỷ đồng, chiếm 4,93% Tổng doanh thu. Nguyên nhân là do Công ty đang đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong mảng môi giới chứng khoán, doanh thu mảng hoạt động này tăng mạnh và đi kèm với đó là chi phí cũng tăng một mức tương ứng.

10.2. Tài sản

Bảng 6: Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2022

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	19.695.268.759	16.634.274.707	3.060.994.052
1	Máy móc, thiết bị	13.698.437.391	12.590.677.773	1.107.759.618
2	Phương tiện vận tải	4.206.985.315	2.372.089.591	1.834.895.724
3	Thiết bị văn phòng	964.278.339	964.278.339	0
4	Khác	825.567.714	707.229.004	118.338.710
II	Tài sản cố định vô hình	12.452.656.371	12.013.566.370	439.090.001
1	Phần mềm	12.452.656.371	12.013.566.370	439.090.001

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tổng cộng	32.147.925.130	28.647.841.077	3.500.084.053

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của VIX

Bảng 7: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2023

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	26.857.739.816	14.327.966.698	12.529.773.118
1	Máy móc, thiết bị	17.901.026.477	10.242.453.282	7.658.573.195
2	Phương tiện vận tải	7.284.235.518	2.599.144.153	4.685.091.365
3	Thiết bị văn phòng	616.305.107	616.305.107	-
4	Khác	1.056.172.714	870.064.156	186.108.558
II	Tài sản cố định vô hình	23.930.081.371	12.383.788.449	11.546.292.922
1	Phần mềm	23.930.081.371	12.383.788.449	11.546.292.922
	Tổng cộng	50.787.821.187	26.711.755.147	24.076.066.040

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của VIX

Bảng 8: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/03/2024

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	26.857.739.816	(15.330.719.125)	11.527.020.691
1	Máy móc, thiết bị	17.901.026.477	(11.022.132.738)	6.878.893.739
2	Phương tiện vận tải	7.284.235.518	(2.781.250.042)	4.502.985.476
3	Thiết bị văn phòng	616.305.107	(616.305.107)	-
4	Tài sản cố định hữu hình khác	1.056.172.714	(911.031.238)	145.141.476
II	Tài sản cố định vô hình	23.930.081.371	(12.994.103.199)	10.935.978.172
1	Phần mềm	23.930.081.371	(12.994.103.199)	10.935.978.172
	Tổng cộng	50.787.821.187	(28.324.822.324)	22.462.998.863

Nguồn: BCTC Quý I năm 2024 của VIX

10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh và các sản phẩm dịch vụ của VIX chỉ cung cấp cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, Công ty không phát sinh doanh thu và lợi nhuận đến từ các thị trường quốc tế.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện Quý I/2024	Thực hiện 2023/Kế hoạch 2023	Thực hiện Quý I năm 2024/Kế hoạch 2024
1	Lợi nhuận trước thuế	1.150	1.198,8	1.320	201,8	104,24%	15,29%
2	Lợi nhuận sau thuế	920	966,4	1.056	161,9	105,04%	15,33%

Nguồn: VIX

Năm 2023, VIX đã thực hiện vượt kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra (vượt cả kế hoạch kinh doanh trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 và kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2023), cụ thể như sau:

Bảng 10: Kế hoạch kinh doanh năm 2023

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023	Kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 15/04/2023	Kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2023	Tỷ lệ điều chỉnh tăng
1	Lợi nhuận trước thuế	676	1.150	170,1%
2	Lợi nhuận sau thuế	540	920	170,4%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2023

Kết thúc năm 2023, Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty đạt gần 1.624 tỷ đồng, tương ứng với tăng 36,76% so với năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế năm 2023 của Công ty đạt 1.198,8 tỷ đồng, đạt 104,24% so với kế hoạch điều chỉnh (tương đương với 177,37% kế hoạch ban đầu được ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/04/2023) và bằng 318,56% so với thực hiện năm 2022.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 966 tỷ đồng, bằng 319,38% so với năm 2022 và hoàn thành 105,04% kế hoạch của cả năm 2023.

Tính đến hết Quý I/2024, Công ty đã thực hiện được 15,29% kế hoạch năm 2024 với lợi nhuận trước thuế đạt 201,8 tỷ đồng, theo đó lợi nhuận sau thuế đạt 15,33% kế hoạch năm.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 11: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn của TCPH
1	01/2023/H ĐTVBLPH /BAF-VIX	300	Tháng 6/2023	Năm 2023 – Năm 2024	Đang thực hiện	Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Không có
2	1509/2023/H ĐTVPH/ AAN - VIX	300	Tháng 9/2023	Năm 2023 – Năm 2025	Đang thực hiện	Hợp đồng tư vấn chào bán và đại lý phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	CTCP Lương thực A An	Không có
3	2112/2021/H ĐTVĐLP H/VIX-GEX	1.500	Tháng 12/2021	Năm 2021 – Năm 2022	Đã hoàn thành	Hợp đồng Tư vấn và Đại lý phát hành Trái Phiếu	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex (“GELEX”)	Ông Nguyễn Văn Tuấn (Tổng giám đốc GELEX) là người có liên quan của bà Nguyễn Thị Tuyết – cổ đông lớn của VIX
4	08/2021/H ĐTV&ĐLP HTP/VIX - VCSC	10.000	Tháng 6/2021	Năm 2021 - Năm 2026	Đang thực hiện	Hợp đồng Tư vấn và Đại lý phát hành Trái Phiếu	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Kim	Không có

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn của TCPH
5	09/2021/H ĐTV&ĐLP HTP/VIX-MIV	3.150	Tháng 6/2021	Năm 2021 - Năm 2026	Đang thực hiện	Hợp đồng Tư vấn và Đại lý phát hành Trái Phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	Không có
6	11/2021/H ĐTV&ĐLP HTP/VIX-3CI	4.275	Tháng 8/2021	Năm 2021 - Năm 2025	Đang thực hiện	Hợp đồng Tư vấn và Đại lý phát hành Trái Phiếu	Công ty cổ phần máy tính - truyền thông - điều khiển 3C	Không có
7	05092023/F SS-VIX	10.700	Tháng 9/2023	Năm 2023 - 2024	Đã xong giai đoạn 1, đang tiếp tục triển khai	Hợp đồng cung cấp và triển khai hệ thống phần mềm FLEX	Công ty Cổ phần giải pháp Phần mềm Tài chính	Không có
8	MMD2017 242/HĐTD/ PL06 ngày 06/11/2023	550.000	Tháng 4/2023	Năm 2023 - 2024	Đang thực hiện	Hợp đồng hạn mức tín dụng năm 2023-2024	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	Không có
9	BCLC-2107-01 ngày 08/03/2024	100.000	Tháng 03/2024	Năm 2023 - 2024	Đang thực hiện	Hợp đồng hạn mức tín dụng năm 2023-2024	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Không có

Nguồn: VIX

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 12: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn của TCPH
1	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	300	Năm 2023 – Năm 2024	Tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	Không có
2	CTCP Lương thực A An	300	Năm 2023 – Năm 2025	Tư vấn chào bán và đại lý phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	Không có
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex (“GELEX”)	1.500	Năm 2021 - 2022	Tư vấn và Đại lý phát hành Trái Phiếu	Ông Nguyễn Văn Tuấn (Tổng giám đốc GELEX) là người có liên quan của bà Nguyễn Thị Tuyết – cổ đông lớn của VIX
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Kim	10.000	Năm 2021 - Năm 2026	Tư vấn và Đại lý phát hành Trái Phiếu	Không có
5	Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	3.150	Năm 2021 - Năm 2026	Tư vấn và Đại lý phát hành Trái Phiếu	Không có
6	Công ty cổ phần máy tính - truyền thông - điều khiển 3C	4.275	Năm 2021 - Năm 2025	Tư vấn và Đại lý phát hành Trái Phiếu	Không có
7	Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm Tài chính (FSS)	10.700	Năm 2023-2024	Cung cấp và triển khai hệ thống phần mềm FLEX	Không có

Nguồn: VIX

10.7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

VIX là một trong số những công ty được phép kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán. Là một công ty chứng khoán với quyết tâm xây dựng một tổ chức tài chính chuyên nghiệp và chiến lược kinh doanh phù hợp, VIX đã tạo dựng được vị thế nhất định trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Với những thành tựu đạt được sau 17 năm trưởng thành và phát triển, số vốn điều lệ hiện tại của Công ty hơn 6.694 tỷ đồng, VIX là công ty chứng khoán đứng thứ 5 trên thị trường xét về quy mô Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2023, nằm trong Top 10 công ty chứng khoán quy mô Vốn chủ sở hữu và Tài sản lớn nhất tại Việt Nam, và Top 5 công ty chứng khoán có lợi nhuận năm 2023 lớn nhất. Mặc dù thị phần môi giới của Công ty không cao, nhưng hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty trong những năm vừa qua đến chủ yếu từ

hoạt động đầu tư tự doanh và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tính đến hết ngày 31/03/2024, toàn thị trường có khoảng 80 công ty chứng khoán đang hoạt động, trong đó VIX đứng thứ 6 về quy mô vốn điều lệ.

Danh sách các Công ty Chứng khoán có quy mô Vốn điều lệ lớn trên thị trường

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023	Vốn điều lệ tính đến 31/03/2024
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	15.011	15.011
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	15.000	15.000
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (VND)	12.178	12.178
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)	8.131	8.131
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	6.694	6.694
6	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	4.000	7.000

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023 và Báo cáo tài chính Quý I/2024 của các công ty chứng khoán

Nhờ có hoạt động đầu tư tự doanh và kinh doanh vốn một cách hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận của Công ty đạt con số ấn tượng, đứng thứ 5 toàn thị trường trong năm 2023 xét về lợi nhuận, mang lại lợi ích lớn cho các cổ đông, cụ thể như sau:

Top 20 Công ty Chứng khoán có lợi nhuận lớn nhất năm 2023

CTCK	2022	2023	(%±)
TCBS	2,426.7	2,895.7	(12)
SSI	1,697.7	2,173.2	78
VND	1,220.3	2,017.5	65
VPBankS	433.7	1,003.8	131
VIX	312.0	966.4	210
HCM	852.5	674.4	(21)
VPSS	806.3	656.6	(19)
MBS	514.2	584.0	14
MiraeAsset	752.6	566.3	(25)
SHS	162.2	559.3	245
VCI	869.0	491.9	(43)
VCBS	202.8	487.8	141
KIS	149.1	469.4	215
FTS	318.2	444.9	40
BSI	112.4	408.4	263
ACBS	77.9	396.4	409
HDBS	360.2	336.2	(7)
VDS	(115.0)	327.3	
MSI	178.8	239.6	34
DNSE	77.8	229.0	194
...			
Tổng	12,263.8	17,797.0	45

Nguồn: VietstockFinance

Trong tương lai, với kế hoạch tăng vốn lên hơn 14.593 tỷ đồng, cùng với triển vọng thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển bền vững, thị trường được nâng hạng cùng với năng lực về tài chính, nhân sự, sự minh bạch trong quản trị công ty, VIX tin tưởng sẽ phát huy được tiềm năng hiện có và vươn lên chiếm lĩnh vị thế đứng đầu trên thị trường.

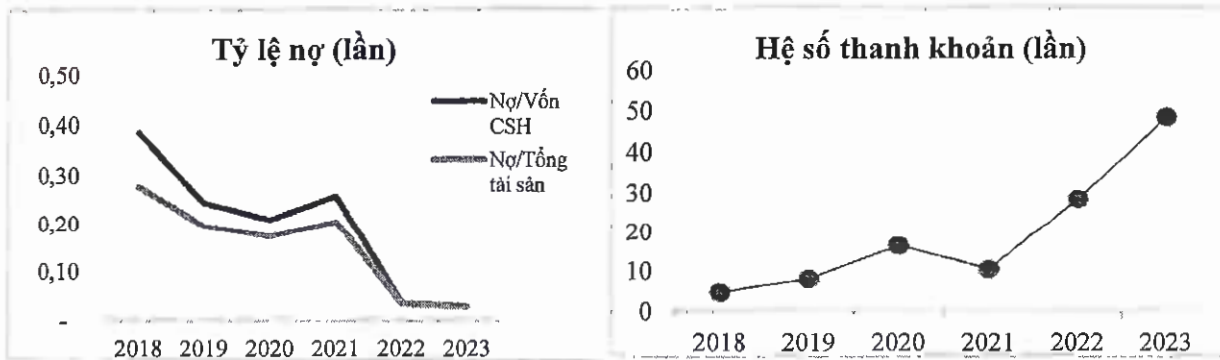
❖ **Phân tích SWOT**

Điểm mạnh

- VIX đã xây dựng được *Văn hoá doanh nghiệp vững mạnh*, lấy việc phát triển con người là trung tâm, tạo thành thể mạnh để phát triển bền vững, văn hoá đó đến từ các yếu tố: Thân thiện và Đoàn kết; Chuyên nghiệp; Sáng tạo; Hiệu quả; và Trung thực:
- + *Thân thiện và Đoàn kết*: VIX luôn tin rằng, sự thành công của một doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào chuyên môn của từng thành viên trong Công ty mà còn phụ thuộc vào sự phù hợp và gắn kết của cả tập thể. Theo đó, VIX luôn xem con người là tài sản quý giá nhất của Công ty. VIX định hướng và đang thực hiện xây dựng một môi trường làm việc đoàn kết trong nội bộ và thân thiện trong quan hệ với Khách hàng.
- + *Chuyên nghiệp*: Mỗi cán bộ nhân viên của VIX luôn thể hiện tính chuyên nghiệp của mình trong công việc, trong việc tư vấn, phục vụ Khách hàng.
- + *Sáng tạo*: VIX tiên phong trong việc sáng tạo – đổi mới, tạo ra môi trường làm việc đầy thử thách và đòi hỏi sự sáng tạo cao độ. VIX luôn ủng hộ những ý tưởng mới, có tính đột phá trong công việc, trong phục vụ Khách hàng. VIX hiểu rằng đội ngũ nhân viên trẻ nhiệt huyết, năng động, sáng tạo là nguồn lực quý giá nhất của Công ty, do đó Công ty luôn đặt nhiệm vụ đầu tư và phát triển nguồn lực con người lên hàng đầu. Với cam kết tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch trong đó mỗi thành viên đều có cơ hội học hỏi và thăng tiến, VIX đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ với nền tảng kiến thức bài bản, nhạy bén trong kinh doanh, tận tâm, trung thực trong quá trình phục vụ khách hàng, hiểu biết và tuân thủ nghiêm túc luật pháp cũng như các quy định liên quan, thực hiện nghiêm túc những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, và đặc biệt luôn trung thành với mục tiêu phát triển Công ty.
- + *Hiệu quả*: VIX hướng tới hoạt động có hiệu quả dựa trên nguồn lực về tài chính, về con người, về cơ sở vật chất, hạ tầng, tài nguyên công nghệ thông tin của Công ty. Các giá trị tạo ra có ích cho tổ chức, cho các cán bộ nhân viên, cho cổ đông và cho xã hội.
- + *Trung thực*: Mỗi cán bộ nhân viên của VIX luôn nhận thức trung thực và ngay thẳng là yêu cầu hàng đầu và là yếu tố căn bản tạo nên giá trị uy tín của Công ty và của từng cá nhân hành nghề trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Từ đó chủ động ngăn chặn các rủi ro liên quan đến đạo đức nghề nghiệp. Mỗi thành viên VIX xây dựng tinh thần trung thực trong công việc, góp phần tạo lập và duy trì môi trường làm việc chính trực, đồng thời nâng cao uy tín của Công ty.
- *Công nghệ hiện đại*: Lấy công nghệ hiện đại làm thế mạnh cạnh tranh mũi nhọn và xây dựng hình ảnh Công ty thành một nhà môi giới trực tuyến sáng tạo là phương châm được Công ty đặt ra ngay từ khi mới thành lập. Với phần mềm lõi tiên tiến có độ mở cao, VIX đã vận động không ngừng bằng việc xây dựng một đội ngũ IT hùng hậu và liên tiếp cho ra

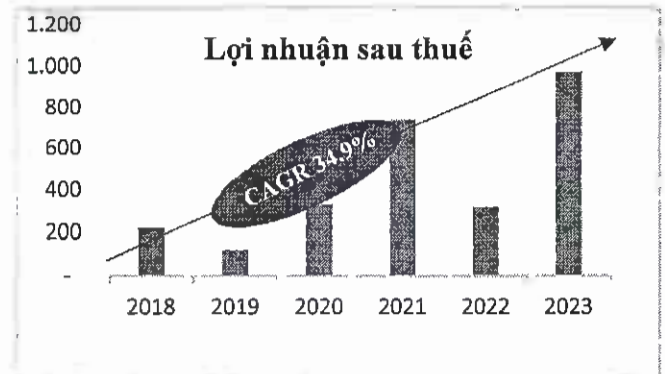
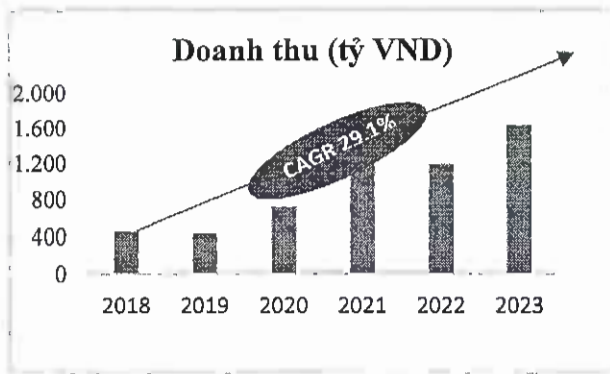
đòi những sản phẩm công nghệ sáng tạo do IT của Công ty tự phát triển. Thực tế những sản phẩm gia tăng này được đông đảo nhà đầu tư đón nhận và hưởng ứng thời gian qua. VIX đã triển khai đồng bộ các dự án nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin bao gồm đầu tư nâng cấp hạ tầng phần cứng và Core giao dịch mới, thay đổi website mới, tăng cường khả năng bảo mật thông tin và năng lực lưu trữ, dự phòng... Việc thay đổi hệ thống phần mềm lõi chứng khoán mới đầu năm 2024 vừa qua nằm trong chiến lược đổi mới mạnh mẽ và toàn diện của VIX, hỗ trợ Công ty trong định hướng phát triển về số hóa nền tảng giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

- *Tiềm lực tài chính vững chắc:* Với quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu tăng trưởng mạnh mẽ, VIX thực hiện đầy đủ tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, tạo lợi thế cạnh tranh lớn đối với các công ty chứng khoán trên thị trường. Nguồn tài chính dồi dào cũng là cơ hội lớn trong điều kiện thị trường chứng khoán và kinh tế Việt Nam đang phục hồi mạnh như hiện nay. Ngoài ra, với hệ thống quản trị rủi ro đồng bộ và bao gồm nhiều lớp, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của VIX luôn đạt mức an toàn. Hệ số nợ của VIX duy trì ở mức thấp, khả năng thanh khoản luôn duy trì trạng thái tích cực.



Nguồn: VIX

- Bên cạnh tiềm lực vốn, VIX có mối quan hệ mật thiết với các ngân hàng và quỹ đầu tư, các định chế tài chính trong và ngoài nước cho phép VIX cung cấp được đa dạng các dịch vụ tài chính hỗ trợ khách hàng, nhằm gia tăng giá trị cho Nhà đầu tư như: dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, cầm cố chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giới thiệu/tư vấn tìm kiếm đối tác chiến lược, ...
- Cùng với việc nâng cao tiềm lực tài chính, VIX cũng đã nỗ lực thực hiện các chiến lược xây dựng những nền tảng để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty. Các trụ cột hỗ trợ hoạt động kinh doanh như Công nghệ, Môi giới, Tư vấn tài chính, Phân tích đầu tư,... đều được đẩy mạnh một cách đồng bộ nhằm hướng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh. Kết quả kinh doanh của VIX đã có tăng trưởng bùng nổ trong những năm gần đây. Tổng kết giai đoạn 2018 - 2023, doanh thu của VIX đạt tăng trưởng kép 2 chữ số, tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) = 29,1%, đặc biệt Lợi nhuận sau thuế có tăng trưởng vượt trội đạt tăng trưởng kép giai đoạn này là 34,9%.



Nguồn: VIX

Điểm yếu

- Sau quá trình tái cơ cấu mạnh mẽ, hiện nay Công ty đã cắt giảm các chi nhánh và địa điểm giao dịch trên cả nước. Việc cắt giảm này phần nào hạn chế phát triển hoạt động môi giới của Công ty, do đa số nhà đầu tư có tâm lý sử dụng dịch vụ của những công ty chứng khoán có chi nhánh, địa điểm giao dịch ở địa phương mình. Tuy nhiên, với hệ thống công nghệ cho phép quản lý đa tầng, VIX đánh giá điểm yếu này hoàn toàn có thể khắc phục được trong thời gian tới khi nền tảng giao dịch được thực hiện trực tuyến là chủ yếu, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ thông tin khi VIX đã bước đầu triển khai thành công phần mềm lõi giao dịch chứng khoán mới FSS.

Cơ hội

- Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, dịch bệnh tại Việt Nam đã được kiểm soát, dòng tiền từ các nhà đầu tư tiếp tục chảy vào thị trường tạo ra sự hứng khởi đối với các nhà đầu tư.
- Nhu cầu huy động vốn của các doanh nghiệp để mở rộng sản xuất kinh doanh ngày càng tăng, thúc đẩy các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển kinh doanh lên sàn và tạo thêm hàng hoá tốt cho thị trường chứng khoán.
- Kỳ vọng hệ thống KRX đi vào hoạt động sẽ là yếu tố quan trọng giúp nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ cận biên lên mới nổi, điều này sẽ khiến thị trường chứng khoán Việt Nam hoạt động sôi nổi hơn.
- Tỷ lệ tham gia vào thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng tại Việt Nam vẫn thấp. Bên cạnh đó, nguồn vốn trong xã hội khá dồi dào, tạo ra nhiều dư địa cho sự phát triển và tăng trưởng của thị trường.

Thách thức

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn những rủi ro suy thoái.
- Mức độ cạnh tranh giữa các CTCK ngày càng gay gắt khi ngày càng có nhiều Công ty chứng khoán nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam.
- Tâm lý nhà đầu tư dễ bị lung lay, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư mới. Do đó TTCK Việt Nam luôn phải đối mặt với thách thức bán tháo khi nhà đầu tư đánh mất niềm tin vào thị trường, nền kinh tế hoặc những bất ổn định về mặt chính trị trong và ngoài nước.

b. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Dưới đây là bảng so sánh một số công ty cùng ngành có quy mô lớn tương tự VIX hiện đang niêm yết cổ phiếu để cung cấp thêm thông tin cho nhà đầu tư:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp (Mã cổ phiếu)	Tổng tài sản tại 31/12/2023	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023	Lợi nhuận trước thuế năm 2023	Lợi nhuận sau thuế 2023	EPS (đồng/cổ phiếu)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (VIX - HOSE)	9.086.811	8.829.497	1.198.861	996.423	1.444
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HCM - HOSE)	17.910.675	8.312.085	842.231	674.359	1.475
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI - HOSE)	69.241.327	23.240.892	2.848.567	2.294.473	1.531
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND - HOSE)	41.742.090	16.507.820	2.482.342	2.022.251	1.661
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán (MBS - HNX)	15.325.125	5.038.196	716.147	584.016	1.254

Nguồn: BCTC/BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của VIX, HCM, SSI, VND và MBS

c. Triển vọng phát triển ngành

- Sau hơn 20 năm thành lập và phát triển, tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đến hết năm 2023 đạt hơn 240 tỷ USD, tương đương 56,4% GDP, riêng sàn HOSE đạt khoảng 186 tỷ USD. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 là một năm ghi nhận nhiều biến động với nửa đầu năm 2023 giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm 2022 do sự suy giảm tăng trưởng, lạm phát dai dẳng cùng chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài của các nền kinh tế lớn và căng thẳng chính trị, sang Quý III/2023 chỉ số VN-Index có chuyển biến tích cực, nhưng sau đó lại giảm mạnh. Tuy nhiên, quy mô vốn hóa và quy mô niêm yết của thị trường cổ phiếu vẫn tiếp tục tăng so với cuối năm 2022. Chốt phiên giao dịch ngày 29/12/2023, mức vốn hóa thị trường đạt gần 6 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 14% so với cuối năm 2022. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường tính đến cuối tháng 12/2023 đạt 2.128 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so với cuối năm 2022 với 739 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán và 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM. Có thể thấy, nguồn vốn được huy động qua thị trường chứng khoán ngày càng có xu hướng tăng, đáp ứng được nhu cầu phát triển của một hệ thống các doanh nghiệp rộng lớn.

- Đáng chú ý, trong năm 2023, thị trường chứng khoán tiếp tục thu hút sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư. Trong tháng 12/2023, có tới 40 nghìn tài khoản chứng khoán được mở mới, nâng tổng số tài khoản chứng khoán đạt gần 7,3 triệu tài khoản, tương đương hơn 7,3% dân số. Đây là con số vượt mức 5% dân số theo mục tiêu được Chính phủ đưa ra trong Đề án Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Theo số liệu từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), số lượng tài khoản của nhà đầu tư trong nước đã tăng thêm 132.010 tài khoản trong tháng 5/2024, cao hơn 21.000 tài khoản so với mức tăng của tháng 3 trước đó. Lũy kế từ đầu năm, số lượng tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước đã tăng gần 645.000 tài khoản, nâng tổng số lượng tài khoản của các nhà đầu tư trong nước lên đến gần 7,9 triệu tài khoản. Trong đó, nhà đầu tư cá nhân có hơn 7,87 triệu tài khoản, tương đương gần 8% dân số.
- TTCK Việt Nam đã thu được nhiều thành công và có những bước phát triển đáng kể. Thị trường đã ghi nhận những nỗ lực to lớn của Chính phủ, các cơ quan quản lý và các chủ thể tham gia nhằm phát triển thị trường thông qua việc củng cố hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh các hoạt động của thị trường, tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng cũng như mở cửa thị trường và hoàn thiện phong cách phục vụ để tạo niềm tin, thu hút các luồng vốn đầu tư trong và ngoài nước. Hiện nay, hành lang pháp lý đầy đủ hơn với rất nhiều luật mới được ban hành và có hiệu lực kể từ năm 2020 – 2021, cụ thể như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường.... Ngoài ra, một số quy định mới hỗ trợ sự phát triển của thị trường như việc rút ngắn thời gian thanh toán giao dịch chứng khoán từ T+3 xuống còn T+2 theo quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 19/08/2022 và Quyết định số 112/QĐ-VSD ngày 23/08/2022 của Tổng Giám đốc Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam). Điều này giúp tăng tính thanh khoản của thị trường, hấp dẫn các nhà đầu tư mới và tiến dần đến thông lệ giao dịch chứng khoán quốc tế và thu hút thêm nhà đầu tư nước ngoài.
- Cùng với việc hoàn thiện khung pháp lý, hệ thống giao dịch và thanh toán bù trừ trên thị trường dự kiến sẽ có nhiều thay đổi trong năm 2024, tạo nên sự thuận tiện và hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Ngày 27/3/2024, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 122/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển thị trường chứng khoán năm 2024. Theo đó, về công tác nâng hạng thị trường chứng khoán từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi, Thủ tướng Chính Phủ yêu cầu các cơ quan như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của các ngành nghề kinh doanh có điều kiện ... để đơn giản hóa thủ tục hồ sơ, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào thị trường chứng khoán. Nghiên cứu triển khai việc thanh toán, bù trừ an toàn, hiệu quả, đúng quy định pháp luật và phù hợp với quy luật của thị trường. Ngoài ra, trong tiến trình phát triển của Thị trường Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh vận hành chính thức hệ thống KRX trong năm 2024 để góp phần nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam, từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi.

- Theo chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 mới được phê duyệt, Việt Nam hướng tới mục tiêu đạt mốc 9 triệu tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư năm 2025 và 11 triệu tài khoản vào năm 2030. Trong đó, Chính Phủ yêu cầu tập trung phát triển nhà đầu tư có tổ chức, nhà đầu tư chuyên nghiệp và thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài.
- d. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**
- Thị trường chứng khoán đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam. Do vậy, Đảng và Chính Phủ luôn có những chính sách thúc đẩy và hỗ trợ sự phát triển đối với thị trường chứng khoán. Nắm bắt được các chủ trương đó, VIX tiếp tục đầu tư về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ hiện đại để đưa Công ty phát triển bền vững, tuân thủ pháp luật, tích cực đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.
 - **Tiếp tục theo đuổi mục tiêu: “Đầu tư chuyên nghiệp, tư vấn hiệu quả”** nhằm cung cấp tới nhà đầu tư dịch vụ tư vấn tài chính chất lượng cao, góp phần thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển ngày càng chuyên nghiệp, sánh ngang với thị trường chứng khoán trong khu vực và trên thế giới.
 - Ý thức được ưu thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh, Công ty xác định **tập trung phát triển các nghiệp vụ mũi nhọn** như chú trọng hoạt động tự doanh, môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
 - **Đẩy mạnh đầu tư tự doanh:** Qua quá trình xây dựng và phát triển, bộ phận tự doanh của Công ty đã hoàn thiện quy trình nghiệp vụ và đưa ra các biện pháp hạn chế rủi ro trong đầu tư tự doanh cho Công ty đồng thời đề ra các tiêu chí đầu tư phù hợp trong từng giai đoạn của thị trường. Vì vậy, trong những năm vừa qua, hoạt động tự doanh là một trong những hoạt động hiệu quả, góp phần vào thành công chung của VIX.
 - **Không ngừng phát triển nguồn nhân lực** bằng các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho cán bộ nhân viên của Công ty được học tập nâng cao trình độ, phục vụ tốt nhất cho các hoạt động của Công ty đồng thời thực hiện áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến nhằm tối đa hóa hiệu quả trong sử dụng nguồn nhân lực.
 - Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt hiện nay, Công ty luôn tập trung vào chiến lược phát triển đã đặt ra. Với mục tiêu và định hướng trở thành một tổ chức tài chính “đầu tư chuyên nghiệp, tư vấn hiệu quả”, VIX tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, đẩy mạnh hoạt động đầu tư, tư vấn doanh nghiệp và hoạt động môi giới.
 - Trong giai đoạn cạnh tranh hiện nay, Công ty tận dụng các ưu thế hiện có để tạo động lực tăng trưởng, góp phần gia tăng lợi ích cho cổ đông và các nhà đầu tư. Các ưu thế cụ thể của Công ty gồm:
 - + Chính sách chăm sóc khách hàng tận tình, chu đáo: Luôn quan tâm, chăm sóc khách hàng. Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ, tiện ích tốt nhất. Giải đáp kịp thời mọi thắc mắc, khiếu nại của khách hàng và cung cấp cho khách hàng các chính sách phù hợp với các biến động trên thị trường tại từng thời điểm.

- + Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại: VIX luôn chú trọng đầu tư hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán, nâng cao chất lượng dịch vụ để phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Đồng thời, hệ thống công nghệ hiện đại, tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) từ hệ thống X-Wealth của DATX và các giải pháp công nghệ mới của phần mềm lõi FSS mới đi vào hoạt động từ đầu năm 2024, giúp VIX nâng cao năng lực xử lý, lưu trữ và bảo mật của hệ thống, sẵn sàng việc tích hợp với hệ thống KRX của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam khi KRX chính thức “go-live”. Nhờ đó tăng khả năng cạnh tranh, giảm chi phí hoạt động cho Công ty và hỗ trợ ra quyết định cho các nhà đầu tư thông qua các công cụ, khuyến nghị đầu tư và báo cáo chuyên nghiệp.
- + Mô hình hoạt động tinh gọn, cơ chế ra quyết định nhanh, hệ thống quản trị doanh nghiệp theo mô hình hiện đại, bám sát thực tế: Điều này giúp Công ty có thể tận dụng các cơ hội một cách nhanh chóng và nâng cao khả năng cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay.
- + Bộ máy nhân sự chuyên nghiệp, đặc là với những chuyên gia đầu tư, tư vấn giàu kinh nghiệm, hoạt động đầu tư chứng khoán vẫn là một trong những mũi nhọn của VIX trong thời gian tới.

Như vậy, với mục tiêu Chính Phủ định hướng nâng hạng thị trường chứng khoán từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong thời gian tới thì chiến lược và mục tiêu phát triển của VIX trong những năm tiếp theo là hoàn toàn phù hợp.

10.8. Hoạt động Marketing

a. *Hoạt động nghiên cứu thị trường*

Ngay từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn chú trọng công tác đầu tư, nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm dịch vụ. Công ty đã và đang triển khai các hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể:

- Tiến hành thu thập ý kiến khách hàng về các sản phẩm dịch vụ cung cấp, sản phẩm tư vấn của VIX qua nhiều phương tiện như tiếp nhận thông tin từ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, từ hòm thư góp ý tại Công ty, số điện thoại nóng, để từ đó tiếp nhận những thông tin phản hồi nhằm phát triển và cải tiến hoàn thiện những sản phẩm, dịch vụ tư vấn đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, đồng thời thiết kế và đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tư vấn mới thoả mãn mong muốn của khách hàng.
- Tổ chức khảo sát nhu cầu thị trường, từ đó xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường thông qua việc hợp tác với các tổ chức đầu tư trong và ngoài nước, các Tổ chức đăng ký giao dịch.
- Tiến hành khảo sát hình thức và chất lượng các sản phẩm online và dịch vụ website của các CTCK khác để từ đó có được những đánh giá khách quan nhằm cải tiến, hoàn thiện dịch vụ Công ty đang cung cấp hơn nữa.
- Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ và hoạt động kinh doanh nói chung của Công ty, góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng doanh thu và hiệu quả hoạt động của Công ty trong những năm qua.

b. Hoạt động quảng cáo, tiếp thị

- Những năm gần đây, nhận thức và sự quan tâm của người dân Việt Nam đến TTCK ngày càng được nâng cao, vì vậy VIX luôn tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý thị trường, các cơ quan thông tấn báo chí thực hiện các chương trình nhằm phổ cập kiến thức chứng khoán và thị trường chứng khoán; cung cấp những phân tích, nhận định chuyên sâu để khẳng định năng lực chuyên môn; đồng thời thông qua đó giới thiệu hình ảnh VIX như là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp đến với công chúng đầu tư. Bên cạnh đó, VIX còn tham gia các hoạt động hội thảo chuyên đề về tài chính, ngân hàng và chứng khoán,... để quảng cáo và khuếch trương hình ảnh của Công ty.
- Để tăng cường quảng bá thương hiệu và hình ảnh, thu hút khách hàng, tăng cường mối quan hệ mật thiết và hỗ trợ kiến thức thị trường cho nhà đầu tư, Công ty tổ chức các buổi hội thảo về thị trường và đầu tư chứng khoán do các chuyên gia hàng đầu trình bày. Ngoài ra, các hoạt động khuyến mại giảm phí giao dịch, giảm lãi suất giao dịch ký quỹ, sản phẩm VIX 30 với lãi suất giao dịch ký quỹ ưu đãi cho danh mục 30 cổ phiếu do VIX lựa chọn cũng được VIX chú trọng nhằm khuyến khích khách hàng mở tài khoản và giao dịch với khối lượng lớn.
- Mong muốn xây dựng hình ảnh một nhà cung cấp dịch vụ tài chính mang lại giá trị gia tăng cho nhà đầu tư, VIX luôn nỗ lực tìm tòi thiết kế sản phẩm, tiện ích mới. Điều này thể hiện qua việc Công ty đã tiến hành thay đổi phần mềm lõi chứng khoán XPower hoàn toàn mới kể từ ngày 27/01/2024, đồng thời tăng cường hợp tác với các ngân hàng hàng đầu để thiết kế những sản phẩm tài chính hỗ trợ như ứng trước, cầm cố và giao dịch ký quỹ.
- Không ngừng nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp thông tin qua các kênh của VIX như trang thông tin điện tử www.vixs.vn với giao diện mới, thuận tiện hơn nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cho khách hàng kịp thời, đầy đủ và thuận tiện, thông qua đó giới thiệu một hình ảnh chuyên nghiệp và thân thiện của Công ty đến công chúng đầu tư.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: www.vixs.vn

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty chủ yếu ở việc phát triển các dịch vụ, sản phẩm phục vụ khách hàng trong các ngành nghề kinh doanh của Công ty như môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn đầu tư,... Hệ thống công nghệ thông tin của Công ty được tập trung đầu tư nhiều nhất trong giai đoạn 2019 – 2024 để đảm bảo nền tảng công nghệ thông tin luôn đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và được cập nhật công nghệ mới nhằm tăng trải nghiệm của khách hàng cũng như hướng tới mục tiêu không giới hạn về không gian và thời gian.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Để đảm bảo cơ cấu nguồn thu bền vững hơn, tránh sự phụ thuộc vào hoạt động đầu tư tự doanh khi thị trường biến động, Công ty đang tích cực đẩy mạnh nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư IB (Investment Banking) thông qua việc tiếp tục thu xếp vốn và đầu tư vào các doanh nghiệp vốn hoá lớn, lợi nhuận cao và nghiệp vụ Môi giới chứng khoán. Ngoài ra, Công ty luôn chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao tính hiệu quả, đảm bảo việc kiểm soát rủi ro. Trong năm 2023, doanh thu mang lại từ nghiệp vụ tự doanh đạt 1.070 tỷ đồng, tăng 39,58% so với năm 2022. Trong các năm tới, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tự doanh cũng như nâng cao hiệu quả của nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, nghiệp vụ Môi giới hướng tới phân khúc khách hàng đại chúng, nhóm khách hàng đang có sự gia tăng mạnh mẽ thời gian qua, đồng thời ổn định đội ngũ môi giới nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng sự tin tưởng của khách hàng.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan

- Điều kiện về vốn: theo Điều 175 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán tại Việt Nam là:
 - Môi giới chứng khoán: 25 tỷ đồng
 - Tự doanh chứng khoán: 50 tỷ đồng
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán: 165 tỷ đồng
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán: 10 tỷ đồng

Tại thời điểm 31/12/2023, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX là 6.694.447.250.000 đồng, đáp ứng các điều kiện về vốn theo quy định để thực hiện kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ.

- Điều kiện về cơ sở vật chất: Công ty có trụ sở làm việc bảo đảm cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, có đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị phù hợp với nghiệp vụ về hoạt động kinh doanh chứng khoán.
- Điều kiện về nhân sự: Công ty có Tổng Giám đốc và số lượng nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với từng nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép theo quy định.
- Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của VIX trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt.

- Tính đến thời điểm 10/06/2024, tổng số lao động trong Công ty là 79 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 13: Tình hình lao động trong Công ty tại thời điểm 10/06/2024

Phân loại	31/12/2022		31/12/2023		10/06/2024	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<i>Theo trình độ</i>	52	100%	63	100%	79	100%
Đại học và trên đại học	47	90%	58	92%	72	91%
Cao đẳng, trung cấp	5	10%	5	8%	7	9%

Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán VIX

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

11.2.1. Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày/tuần và 8 giờ/ngày, áp dụng chung cho toàn bộ CBCNV và cán bộ lao động. Những trường hợp khác sẽ quy định rõ trong Hợp đồng lao động. Công ty và nhân viên có thể thoả thuận về việc làm thêm giờ nếu cần thiết nhưng không quá 04 giờ/ngày/người và 200 giờ/năm/người. Công ty thực hiện chế độ làm việc theo đúng Luật Lao động.

11.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu phục vụ kinh doanh. Tùy thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp đảm bảo đảm trách được các công việc được giao, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với VIX, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện,... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để VIX đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.
- Ban lãnh đạo đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước.

11.2.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Ngoài các khoản phải trả cho người lao động theo luật định như tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, Công ty còn trích các phụ cấp trả cho cán bộ, nhân viên như: phụ cấp chức vụ, phụ cấp đi lại, phụ cấp điện thoại,... làm tăng thêm thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, hằng năm Công ty đều có các hoạt động ngoại khóa tập thể nhằm khích lệ tinh thần làm việc và nâng cao tình đoàn kết của cán bộ nhân viên trong Công ty.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Thực hiện triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Quy chế ESOP) theo Nghị quyết HĐQT số 13/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 24/04/2024 và chi tiết nguyên tắc phát hành cổ phiếu ESOP theo Nghị quyết HĐQT số 18/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 11/06/2024. Cụ thể như sau:

11.3.1. Mục đích của chương trình ESOP

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ nhân viên, đồng thời khích lệ tinh thần làm việc, gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động và sự phát triển của Công ty.
- Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

11.3.2. Chương trình ESOP năm 2024

Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia:

- Là người lao động đã có quá trình gắn bó hoặc có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty.
- Có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty và có khả năng phát triển trong tương lai.
- Có điều kiện để tiếp tục cống hiến cho Công ty.
- Các đối tượng được xét chọn tham gia chương trình theo quyết định của HĐQT Công ty.
- Các trường hợp đặc biệt khác: Các chuyên gia, cố vấn, đội ngũ cán bộ kế cận thuộc diện quy hoạch.

Quyền lợi khi tham gia chương trình:

Các thành viên (cán bộ nhân viên) tham gia chương trình ESOP (sau đây gọi tắt là “Thành viên ESOP”) sẽ được các quyền lợi sau:

- Được quyền mua cổ phiếu chào bán tương ứng với thành tích đạt được.
- Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông theo quy định trong Quy chế này.
- Trường hợp Thành viên ESOP vi phạm các quy định, quy chế của Công ty sẽ lập tức bị thu hồi lại quyền mua cổ phiếu chào bán của chương trình ESOP.

Nguyên tắc phân phối cổ phiếu ESOP:

Ban điều hành ESOP công khai danh sách xét chọn các thành viên tham gia chương trình ESOP.

Cách tính cổ phiếu được quyền mua của mỗi thành viên ESOP như sau:

- Số cổ phiếu được quyền mua được tính dựa trên 3 tiêu chí: Hệ số thời gian làm việc, Hệ

số chức vụ và Hệ số đóng góp.

$$CPduocquyenmua = HSdonggop \times HSthoigian \times HSchucvu \times 1.000$$

Trong đó:

- CPduocquyenmua : Số số phiếu được quyền mua.
 - HSdonggop : Hệ số đóng góp.
 - HSthoigian : Hệ số thời gian làm việc.
 - HSchucvu : Hệ số chức vụ.
- + **Nguyên tắc làm tròn:** Số cổ phiếu được quyền mua (CPduocquyenmua) được làm tròn đến hàng nghìn cổ phiếu.
- + **Hệ số đóng góp:** Căn cứ vào các tiêu chí và đặc thù công việc của mỗi nhân sự tại các bộ phận/phòng ban, hệ số đóng góp sẽ được tính toán dựa theo Thời gian làm thêm giờ (OT) và Số lần được khen thưởng, có thành tích đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty. Hệ số đóng góp được tính như sau:

- Đối với Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc: Hệ số đóng góp = 10
- Đối với Thành viên HĐQT: Hệ số đóng góp = 1
- Đối với những CBNV còn lại Hệ số đóng góp được xác định:

$$\text{Hệ số đóng góp} = \text{Hệ số OT} + \text{Hệ số khen thưởng}$$

Trong đó:

- ✦ **Hệ số OT (Hệ số làm thêm giờ):** Là số giờ làm thêm bình quân tháng trong 6 tháng gần nhất của mỗi người lao động (Tính từ tháng 10/2023 – tháng 03/2024). Mỗi giờ làm thêm sẽ có hệ số là 1, trường hợp người lao động có số giờ làm thêm bình quân tháng bị lẻ, Hệ số OT sẽ được tính làm tròn đến hàng thập phân thứ 2.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A có số giờ làm thêm hàng tháng như sau:

Tháng	Thời gian làm thêm giờ
Tháng 10/2023	5
Tháng 11/2023	3
Tháng 12/2023	4
Tháng 1/2024	2
Tháng 2/2024	4
Tháng 3/2024	1
Bình quân tháng	3,16666

Hệ số OT của ông A được làm tròn là 3,17

- ✦ **Hệ số khen thưởng = Số Giấy khen thưởng x 10**

Người lao động được khen thưởng là: Người có sáng kiến, ý tưởng trong việc xây dựng hệ thống giao dịch; Người viên có thành tích trong việc sáng tạo, xây dựng sản phẩm mới; Người viên đạt thành tích, kết quả công việc tốt; Người viên có đóng góp trong cải tiến công việc đem lại hiệu quả cao,... và được nhận Giấy khen thưởng do Tổng Giám đốc Công ty ký trong 10 năm gần đây, kể từ năm 2015 – nay.

- + Hệ số thời gian làm việc: Căn cứ vào Thời gian công tác của từng nhân sự tại Công ty, Hệ số thời gian làm việc được xác định theo bảng sau:

STT	Năm công tác tại VIX (Năm)	Hệ số Thời gian làm việc
1	≥ 8	3
2	3 - 7	2
3	< 3	1

- + Hệ số chức vụ: Căn cứ vào vị trí, chức vụ của mỗi nhân sự tại Công ty, Hệ số chức vụ được tính theo bảng sau:

STT	Mã chức vụ	Chức vụ	Hệ số Chức vụ
1	HĐQT	Hội đồng quản trị	50
2	BDH	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	50
		Phó Tổng Giám đốc	30
3	TL.HĐQT	Trợ lý HĐQT	20
4	GĐK/GĐ	Giám đốc Khối/Giám đốc	20
5	KTT	Kế toán trưởng	20
6	PT	Phụ trách	20
7	TP	Trưởng phòng/Phó phòng	20
8	CV	Chuyên viên	10
9	NV	Nhân viên	5

- Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế quy định các hệ số để phân phối quyền mua cổ phiếu cho người lao động.
- Số cổ phiếu còn dư do người lao động không mua hết và/hoặc không mua cổ phiếu được Hội đồng quản trị tiếp tục phân phối cho người lao động khác đủ điều kiện với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Người lao động đã tham gia mua cổ phiếu ESOP vẫn có thể tiếp tục được phân phối số cổ phiếu ESOP chưa phân phối hết theo phê duyệt của HĐQT Công ty.

Các trường hợp bị thu hồi quyền mua cổ phiếu

Thành viên ESOP sẽ bị bãi nhiệm tư cách thành viên và bị thu hồi toàn bộ quyền mua cổ phiếu nếu:

- Cán bộ, nhân viên chuyển công tác;
- Cán bộ, nhân viên vi phạm kỷ luật Công ty;
- Riêng trường hợp cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí đúng tuổi thì không bị thu hồi;
- Trường hợp cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trước tuổi, qua đời, Ban điều hành ESOP sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định cho thành viên đó hoặc người thừa kế theo luật định hưởng các quyền lợi của cổ phiếu trong chương trình ESOP.

Kết thúc ESOP

Khi chương trình ESOP kết thúc, tất cả những thành viên ESOP được hưởng toàn quyền sở hữu cổ phiếu đã được phân phối và các lợi ích khác liên quan trong năm kết thúc chương trình.

Ban điều hành ESOP:

Ban điều hành ESOP do HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm, có trách nhiệm lựa chọn đối tượng tham gia, phân phối, theo dõi và điều hành toàn bộ hoạt động của chương trình ESOP cho đến khi kết thúc chương trình.

Thời gian của Chương trình ESOP:

Chương trình sẽ thực hiện từ ngay sau khi HĐQT Công ty thông qua nghị quyết triển khai Chương trình ESOP cho đến khi kết thúc chương trình hoặc đến khi Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông Công ty có quyết định khác.

Nguồn cổ phiếu cho chương trình ESOP:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán theo chương trình ESOP: 20.000.000 cổ phiếu.
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 200.000.000.000 đồng.
- Hạn chế chuyển nhượng: Số lượng cổ phiếu chào bán theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Cán bộ nhân viên tham gia chương trình ESOP không được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác.

Triển khai thực hiện:

- **Bước 01:** Ban điều hành ESOP căn cứ Quy chế ESOP để lựa chọn cán bộ nhân viên đủ điều kiện tham gia ESOP và trình HĐQT phê duyệt.
- **Bước 02:** Tuyên truyền chính sách ESOP đến tất cả các cán bộ nhân viên trong Công ty.
- **Bước 03:** Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty.
- **Bước 04:** Đánh giá lại kết quả thực hiện của từng cá nhân người lao động tham gia chương trình cũng như hiệu quả của chương trình ESOP mang lại để trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời nhằm mang lại hiệu quả tối ưu của chương trình.

12. Chính sách cổ tức

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức.
- Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển

khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất:

Bảng 14: Tỷ lệ cổ tức các năm gần nhất (2021 – 2023)

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ cổ tức	12%	5%	10% (*)
Hình thức thanh toán	Cổ phiếu: 6% Bằng tiền: 6%	Cổ phiếu	Cổ phiếu

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên VIX các năm

(*) Tỷ lệ trả cổ tức năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên VIX năm 2024 thông qua ngày 12/04/2024. Hiện nay, Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đợt trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu dự kiến sẽ thực hiện cùng đợt chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty năm 2024.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán này là đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu ngày 14/04/2022 của Công ty tăng vốn từ 2.745.952.290.000 đồng lên 5.491.904.580.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN-UBCK ngày 10/02/2022. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng trên đã được Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán theo báo cáo số: 11542654/E-66979513-BCSDV ngày 15/04/2024.

13.1. Phương án sử dụng vốn theo kế hoạch đã công bố

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN-UBCK như sau:

Tài khoản nhận tiền	1126 1878 9789 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long
Ngày nhận tiền	Từ 05/04/2022 đến 14/04/2022
Ngày tiền được giải tỏa	25/04/2022

Tổng tiền thu được	4.118.958.436.151 VND
Trừ: - Tiền nộp quyền mua cổ phiếu không hợp lệ	30.000.000 VND
- Chi phí phát hành	1.100.000 VND
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.151 VND

Tổng tiền ròng thu được từ đợt chào bán **4.118.927.335.000 VND**

Trong đó:

Tăng vốn góp của chủ sở hữu	2.745.952.290.000 VND
Tăng thặng dư vốn cổ phần từ phát hành mới	1.372.975.045.000 VND

Phương án sử dụng vốn đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/VIX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/12/2021, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39/2021/VIX-HĐQT ngày 24/12/2021 (“Nghị quyết số 39”): Bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán. Theo đó, tổng số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán là 4.118.928.435.000 VND sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)	Tỷ lệ tương ứng	Tiến độ sử dụng vốn
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh	2.059.464.217.500	50%	Ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
2	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	2.059.464.217.500	50%	Ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
	Tổng cộng	4.118.928.435.000	100%	

13.2. Tình hình sử dụng vốn thực tế của Công ty

Số tiền thu được từ đợt phát hành được giải tỏa trên tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu phát hành thêm số 1126 1878 9789 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long. Số tiền nêu trên sau đó đã được Công ty phân bổ và sử dụng cho các hoạt động phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/VIX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/12/2021 và HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/VIX-HĐQT ngày 24/12/2021.

Số liệu các hoạt động kinh doanh của Công ty cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền lũy kế đã thanh toán/ giải ngân	Trong đó số tiền thanh toán/giải ngân từ nguồn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	Thời gian sử dụng
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh	2.260.074.341.513 (*)	2.059.463.117.500	Từ ngày 25/04/2022 đến ngày 15/06/2022
2	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	2.059.978.167.532 (**)	2.059.464.217.500	
	Tổng cộng	4.320.052.509.045 (****)	4.118.927.335.000 (***)	

Nguồn: Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán của VIX

(*) Tổng số tiền Công ty đã thanh toán trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 cho các hợp đồng mua chứng khoán bao gồm cả thanh toán bù trừ cho giao dịch thực hiện qua sàn giao dịch chứng khoán của Công ty.

(**) Tổng số tiền giải ngân cho vay ký quỹ trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022.

(***) Ngoài sử dụng cho hoạt động tự doanh chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty sử dụng 1.100.000 đồng trong số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán phí ngân hàng.

(****) Ngoài dòng tiền thu được từ phát hành cổ phiếu, các hoạt động trên cũng được tài trợ bằng các nguồn khác như huy động từ vay các ngân hàng thương mại, phát hành trái phiếu, nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh...

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích theo các quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 18 và điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024	% tăng giảm 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	8.148.070	9.086.812	10.280.917	11,52%
Doanh thu thuần	1.187.449	1.623.956	360.595	36,76%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	376.327	1.198.198	201.836	218,39%
Lợi nhuận khác	7	663	-	
Lợi nhuận trước thuế	376.334	1.198.861	201.836	218,56%
Lợi nhuận sau thuế	311.985	966.423	161.948	219,38%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (số tiền trả cổ tức/lợi nhuận sau thuế)	30,11%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	5%	10%	-	-

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I năm 2024 của VIX

Do doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng đáng kể, Doanh thu tăng 436 tỷ đồng so với năm 2022 (tương ứng với mức tăng 36,76%), trong khi Lợi nhuận sau thuế tăng 654 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với Lợi nhuận sau thuế năm 2022, do đó, Tổng giá trị tài sản của Công ty tăng lên hơn 938 tỷ đồng. Vì vậy, tỷ lệ cổ tức sẽ chỉ trả là 10% năm 2023 so với mức chỉ trả 5% đã được thực hiện năm 2022.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

a. Thuận lợi

- Mặt bằng lãi suất trong năm 2023 duy trì ở mức thấp, nguồn tiền nhàn rỗi tiếp tục chuyển hướng sang kênh đầu tư chứng khoán, dòng vốn từ những nhà đầu tư mới vẫn tiếp tục tham gia vào thị trường. Trong năm 2023 thị trường chứng khoán tiếp tục thu hút sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư. Trong tháng 12/2023, có tới 40 nghìn tài khoản chứng khoán được mở mới, nâng tổng số tài khoản chứng khoán đạt 7,3 triệu tài khoản, tương đương hơn 7,3% dân số. Con số này đã tăng thêm khoảng 645.000 tài khoản trong tháng 5 tháng đầu năm 2024, nâng số lượng tài khoản của nhà đầu tư trong nước lên gần 7,9 triệu tài khoản, cao nhất từ trước đến nay.
- Nền kinh tế toàn cầu đã bước đầu phục hồi sau những chính sách nới lỏng tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương các nước.

- Một số chính sách đã được thông qua ở kỳ họp của Quốc hội và dự kiến triển khai giai đoạn tới như: Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản sửa đổi, gia hạn giảm 2% thuế VAT, bổ sung nguồn ngân sách đầu tư công trung hạn... được kỳ vọng thẩm thấu và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế 2024, tạo ra cơ hội đầu tư với những nhóm ngành liên quan.
- Đầu tư công được kỳ vọng tiếp tục trở thành động lực tăng trưởng chính trong năm 2024 sẽ giúp nhiều ngành hưởng lợi trong đó nổi bật như nhóm doanh nghiệp vật liệu xây dựng, xây dựng.
- Vốn FDI đầu tư vào Việt Nam dự báo tăng trưởng tích cực trước xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Vốn FDI giải ngân năm 2023 đã đạt mức cao nhất trong 5 năm qua kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp hưởng lợi, đặc biệt là tại các khu vực thu hút vốn FDI lớn.
- Các sản phẩm tài chính trên thị trường chứng khoán ngày một đa dạng sẽ thu hút được các nhà đầu tư mới, nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường.
- Bộ máy lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm, gắn bó với sự phát triển của Công ty. Cơ cấu nguồn vốn an toàn, lành mạnh. Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại với phần mềm lõi chứng khoán hoàn toàn mới, đáp ứng được nhu cầu phát triển trong tương lai.
- Việc thực hiện tăng vốn thành công sẽ giúp VIX gia tăng năng lực tài chính cũng như khả năng cạnh tranh trong việc thu hút khách hàng đến giao dịch thông qua mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ, giúp hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán bắt nhịp tốt hơn với những biến động thị trường, qua đó giúp gia tăng thu nhập cho Công ty trong thời gian tới.

b. Khó khăn

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn những rủi ro suy thoái. Tình hình vĩ mô quốc tế đang diễn biến phức tạp, Fed duy trì mặt bằng lãi suất cao, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt, áp lực suy thoái tại nhiều quốc gia. Những yếu tố này sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.
- Khu vực sản xuất, xuất khẩu mặc dù có sự cải thiện nhưng nhìn chung vẫn đang gặp nhiều khó khăn, số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục tăng. Kết quả kinh doanh năm 2023 nhiều nhóm ngành tiếp tục thua lỗ, hoạt động sản xuất kinh doanh bị thu hẹp. PMI tháng dưới 50 điểm trong 5 tháng liên tiếp. Những yếu tố này làm giảm kỳ vọng của nhà đầu tư về sức bật hồi phục trong năm 2024.
- Kim ngạch xuất khẩu tuy có sự hồi phục nhưng vẫn chậm so với kỳ vọng có thể ảnh hưởng đến triển vọng kết quả kinh doanh trong năm 2024. Tổng hợp dự báo tăng trưởng GDP tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu hầu hết đang kỳ vọng giảm tốc trong năm 2024 có thể làm giảm động lực hồi phục với các nhóm ngành xuất khẩu liên quan.
- Việc cạnh tranh trong thị trường chứng khoán ngày càng gay gắt, đặc biệt là từ phía các công ty chứng khoán ngoại mới tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Đơn vị: Đồng

	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024
Vốn điều lệ	5.821.391.890.000	6.694.447.250.000	6.694.447.250.000
Vốn chủ sở hữu	7.863.073.699.228	8.829.497.160.707	8.991.444.663.818
Tỷ lệ an toàn tài chính (%)	480,79%	638,31%	676,58%

Nguồn: VIX

- + Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty.
- + Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty luôn đạt mức cao trong ngành.
- **Trích khấu hao tài sản cố định:**
Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, tuân thủ theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật khác. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:
 - + Máy móc, thiết bị: 4 – 5 năm
 - + Phương tiện vận tải truyền dẫn: 10 năm
 - + Thiết bị, dụng cụ quản lý: 4 – 5 năm
 - + Tài sản hữu hình khác: 3 – 5 năm
 - + Phần mềm máy tính: 4 – 5 năm
- **Mức lương bình quân**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	23.200.000	24.700.000	24.900.000

Nguồn: VIX

- + Mức lương bình quân của cán bộ nhân viên Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối cao so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng địa bàn.
- **Tình hình công nợ hiện nay**

Đơn vị: Đồng

	Năm 2022	Năm 2023	Quý I/2024
Tổng số nợ phải trả	284.995.914.812	257.314.667.846	1.289.472.625.598
Tổng số nợ phải thu	87.153.216.148	104.884.583.146	122.874.073.575

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I/2024 của VIX

– Các khoản phải thu

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	36.042.935.000	23.857.750.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	85.328.650.661	65.718.888.485	95.810.191.044
Trả trước cho người bán	216.512.500	1.013.582.600	577.922.400
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	14.488.874.185	15.097.042.733	15.433.779.762
<i>Trong đó: Phải thu khó đòi</i>	<i>13.191.441.756</i>	<i>13.191.102.059</i>	<i>13.191.102.059</i>
Phải thu khác	310.620.558	203.236.387	385.532.428
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	(13.191.441.756)	(13.191.102.059)	(13.191.102.059)
Tổng cộng	87.153.216.148	104.884.583.146	122,874,073,575

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I/2024 của VIX

(*) Tại thời điểm 31/03/2024, theo báo cáo tài chính Quý I năm 2024, VIX trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với giá trị 13.191.102.059 đồng. Đây là các khoản dự phòng phải thu khó đòi các Khách hàng cũ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom (tên gọi trước đây của Công ty) từ năm 2014 trở về trước và đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

– Các khoản phải trả

Bảng 17: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Nợ ngắn hạn	284.848.411.475	186.613.270.147	1.226.334.814.997
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	990.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.529.071.720	2.337.541.309	4.042.637.901
Phải trả cho người bán	264.840.000.000	110.460.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.010.976.759	66.947.111.609	55.500.948.968

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Phải trả người lao động	3.636.890.034	4.708.865.034	30.890.034
Chi phí phải trả	422.793.140	1.708.973.031	10.992.442.416
Các khoản phải trả, phải nộp khác	408.679.822	450.779.164	165.767.895.658
Nợ dài hạn	147.503.337	70.701.397.699	63,137,810,621
Phải trả người bán dài hạn	147.503.337	147.503.337	147.503.337
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	70.553.894.362	62.990.307.284
Tổng cộng	284.995.914.812	257.314.667.846	1.289.472.625.598

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I/2024 của VIX

– Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 và năm 2023 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

– Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ, đúng hạn và tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong toán năm 2022, năm 2023 và 3 tháng đầu năm 2024 như sau:

Bảng 18: Các khoản phải nộp của Công ty

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Thuế giá trị gia tăng	10.438.374	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.242.663.098	62.602.741.750	47.451.890.855
3	Thuế thu nhập cá nhân – nộp hộ khách hàng	6.846.655.114	3.457.501.129	6.805.439.558
4	Thuế thu nhập cá nhân – nộp hộ nhân viên	911.220.173	886.868.730	1.243.618.555
	Tổng cộng	11.010.976.759	66.947.111.609	55.500.948.968

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I/2024 của VIX

– Trích lập các quỹ theo luật định

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty sẽ sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Tình hình số dư cuối kỳ của các quỹ tại thời điểm ngày 31/12/2022, 31/12/2023 và 31/03/2024 như sau:

Bảng 19: Số dư các quỹ Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	84.018.478.276	84.018.478.276	84.018.478.276
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	86.480.740.231	86.480.740.231	86.480.740.231
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.462.261.955	2.462.261.955	2.462.261.955
Tổng cộng	172.961.480.462	172.961.480.462	172.961.480.462

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý I/2024 của VIX

Tính đến thời điểm hiện tại, không có bất kỳ biến động lớn nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính của VIX do hoạt động kinh doanh vẫn nằm trong kế hoạch đề ra.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	28,51	48,45
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	28,51	48,45
▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	3,50	2,83
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	3,62	2,91
▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay vốn lưu động: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,18	0,19
+ Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,18	0,19
▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	26,27	59,51
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,37	11,58
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,85	11,21
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/CP	610	1.444

Nguồn: Tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2022 và 2023 của VIX

– **Khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 và 2023 lần lượt là 28,51 lần và 48,45 lần. Do không có hàng tồn kho nên hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty là như nhau. Hệ số thanh toán của VIX cao cho thấy Công ty sẵn sàng thanh toán các khoản vay, nợ và không có rủi ro về thanh toán.

– **Cơ cấu vốn**

Giai đoạn 2022 – 2023, dư nợ của Công ty luôn duy trì ở mức dưới 5%/Tổng tài sản và khoảng quanh 3% vốn chủ sở hữu của Công ty. Tỷ lệ nợ của VIX ở ngưỡng thấp so với các công ty cùng ngành do quy mô Vốn chủ sở hữu của Công ty ngày càng mở rộng, điều này cũng cho thấy Công ty có tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.

– **Năng lực hoạt động**

Vòng quay vốn lưu động năm và vòng quay tổng tài sản năm 2023 có sự tăng nhẹ so với năm 2022 từ 0,18 lần năm 2022 lên 0,19 lần năm 2023. Tài sản của VIX chủ yếu là tài sản ngắn hạn nên vòng quay vốn lưu động và vòng quay tổng tài sản gần như tương đương nhau. Việc hệ số năng lực hoạt động của Công ty không thay đổi cho thấy tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm so với tốc độ tăng trưởng tài sản vẫn duy trì ở mức ổn định.

– **Khả năng sinh lời**

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời tăng mạnh trong giai đoạn 2023. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) tăng từ 26,27% năm 2022 lên 59,51% năm 2023. Trong khi ROE tăng từ 5,37% năm 2022 lên 11,58% năm 2023, ROA tăng từ 4,85% năm 2022 lên 11,21% năm 2023, cho thấy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty luôn hiệu quả và hoạt động kinh doanh năm 2023 có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Vì vậy, EPS năm 2023 đã tăng thêm 834 đồng/cổ phiếu, từ 610 đồng/cổ phiếu trong năm 2022 lên 1.444 đồng/cổ phiếu năm 2023.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 (Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam):

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam):

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 21: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2024

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	% tăng giảm 2024/2023
1	Lợi nhuận trước thuế	1.198,8	1.320	110%
2	Lợi nhuận sau thuế	966,4	1.056	109%
3	Cổ tức (%)	10%	-	-

Nguồn: VIX

Kế hoạch lợi nhuận 2024 của Công ty đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 12/04/2024.

Cổ tức năm 2024 sẽ được thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2024 được Công ty xây dựng trên triển vọng của TTCK cũng như tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty. Năm 2023 Công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế đạt 1.198.861 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 966.423 triệu đồng, hoàn thành 178,89% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm. Với triển vọng phát triển của thị trường chứng khoán trong thời gian tới cùng với kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2024, HĐQT Công ty đánh giá kế hoạch tăng 10% Lợi nhuận trước thuế và tăng 9% Lợi nhuận sau thuế là hoàn toàn khả thi.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 22: Danh sách cổ đông lớn (tính đến ngày 27/06/2024)

Họ và tên	Năm sinh/ Năm thành lập	Quốc tịch	CMND/ Giấy ĐKKD	Địa chỉ	Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền tại TCPH
Nguyễn Thị Tuyết	1981	Việt Nam	035181000011	Số nhà 25, Dãy G-BT17, Khu đô thị Việt Hưng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	Không

Nguồn: VIX

Bảng 23: Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và người có liên quan

Họ và tên	Thời điểm trở thành cổ đông lớn (13/07/2023)		Đến ngày 27/06/2024		Từ ngày 28/06/2024 (*)		Dự kiến sau đợt phát hành (**)	
	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Tuyết	33.653.431	5,03	34.109.331	5,10	33.359.331	4,98	71.722.561	4,91
Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Tuyết	0	0	0	0	0	0	0	0

Nguồn: VIX

Ghi chú:

- + (*) Ngày 28/06/2024, cổ đông lớn đã chuyển nhượng 750.000 cổ phiếu, làm thay đổi tỷ lệ sở hữu từ 5,1% xuống còn 4,98%, do đó Bà Nguyễn Thị Tuyết không còn là cổ đông lớn của VIX kể từ ngày 28/06/2024.
 - + (**) Số lượng cổ phiếu của Bà Nguyễn Thị Tuyết sau khi kết thúc đợt phát hành được tính toán dựa trên giả định cổ đông tham gia mua toàn bộ số lượng cổ phiếu được quyền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 95%) và được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%) và cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 10%).
 - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có
 - Các doanh nghiệp khác là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan: Không có
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng
- 3.1 Hội đồng quản trị

Bảng 24: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	QUỐC TỊCH	CHỨC VỤ
1	Thái Hoàng Long	1970	Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Tuấn Dũng	1977	Việt Nam	Thành viên HĐQT
3	Trương Ngọc Lâm	1978	Việt Nam	Thành viên HĐQT
4	Cao Thị Hồng	1974	Việt Nam	Thành viên HĐQT
5	Trần Thị Hồng Hà	1979	Việt Nam	Thành viên HĐQT

3.1.1. Ông: Thái Hoàng Long – Chủ tịch HĐQT

+ Ngày sinh	23/04/1970	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	
+ Kinh nghiệm công tác	Trên 30 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, quản lý doanh	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
19/10/2022 đến 17/04/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Phó Tổng Giám đốc
18/04/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Chủ tịch Hội đồng quản trị
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1993 - 05/2003	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	Phó trưởng phòng Marketing
05/2003 - 03/2005	Công ty liên doanh TAC Paritas	Phó Tổng Giám đốc
04/2005 - 12/2005	Công ty Cổ phần ô tô Trường Hải	Giám đốc Kinh doanh
01/2006 - 04/2008	Công ty Liên doanh SECOM Vietnam	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
04/2008 - 12/2015	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Tổng Giám đốc

01/2016 - 09/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (Trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán IB)	Phó Tổng Giám đốc	
09/2016 - 07/2022	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank	Phó Tổng Giám đốc	
07/2022 - 10/2022	Công ty Cổ phần Nova Finance	Tổng Giám đốc	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Thái Hoàng Long	0	0%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, tiền lương • Năm 2022: 481,90 triệu đồng • Năm 2023: 2.643,02 triệu đồng • 3 tháng đầu năm 2024: 660 triệu đồng - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Ông Thái Hoàng Long và người có liên quan: Không có 			
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có			

3.1.2. Ông: Nguyễn Tuấn Dũng – Thành viên HĐQT kiêm người phụ trách quản trị công ty

+ Ngày sinh	16/09/1977	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân	
+ Kinh nghiệm công tác	Trên 20 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, quản lý doanh nghiệp	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2014 – 05/2015	CTCP Chứng khoán IB	Phó phòng Khối IB

06/2015 – 10/2016	CTCP Chứng khoán IB	Trưởng phòng Tư vấn DN và Bảo lãnh phát hành
11/2016 – 07/2017	CTCP Chứng khoán IB	Phó Giám đốc Khối IB kiêm Trưởng phòng TVDN và BLPH
07/2017 – 07/2017	CTCP Chứng khoán IB	Giám đốc Khối IB kiêm Trưởng phòng TVDN và BLPH
07/2017 – 05/2018	CTCP Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị Giám đốc Khối IB
05/2018 – nay	CTCP Chứng khoán VIX	Thành viên Hội đồng quản trị thường trực kiêm Giám đốc Khối IB
Từ 18/04/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Khối IB, kiêm người phụ trách quản trị công ty
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2001 – 12/2004	CTCP Formach	Chuyên viên Phòng Xuất nhập khẩu
01/2005 – 09/2006	CTCP Formach	Phó phòng Xuất nhập khẩu
05/2007 – 02/2008	CTCP Chứng khoán Sao Việt	Phó phòng Tư vấn TCDN Chi nhánh Hà Nội
03/2008 – 07/2008	CTCP Chứng khoán Sao Việt	Trưởng phòng Giao dịch Hà Đông
08/2008 – 05/2009	CTCP Chứng khoán Sao Việt	Trưởng phòng Giao dịch Hà Đông kiêm phụ trách Phòng Tư vấn TCDN
06/2009 – 03/2011	CTCP Chứng khoán Sao Việt	Trưởng phòng tư vấn TCDN
04/2011 – 11/2012	CTCP Chứng khoán Sao Việt	Phó Giám đốc khối phụ trách Khối Ngân hàng đầu tư, Trưởng phòng tư vấn TCDN
12/2012 – 02/2013	CTCP Chứng khoán Quốc Gia	Quyền Trưởng phòng Tư vấn
03/2013 – 05/2014	CTCP Chứng khoán Quốc Gia	Phó trưởng phòng Tư vấn

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	229.747	0,03%
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: <ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, tiền lương • Năm 2022: 180 triệu đồng • Năm 2023: 509,52 triệu đồng • 3 tháng đầu năm 2024: 165 triệu đồng - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Ông Nguyễn Tuấn Dũng và người có liên quan: Không có 			
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có			

3.1.3. Ông: Trương Ngọc Lâm – Thành viên HĐQT

+ Ngày sinh	02/06/1978	
+ Quốc tịch	Việt nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	
+ Kinh nghiệm công tác	Hơn 20 năm công tác trong lĩnh vực Tài chính, quản lý doanh nghiệp	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 10/2022 đến nay	CTCP Chứng khoán VIX	Tổng Giám đốc
18/04/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2002 - 10/2016	Tổng Công ty bảo hiểm Việt Nam/Tập đoàn Bảo Việt	Trưởng Ban Đầu tư chiến lược

11/2016 - 09/2017	Công ty Quản lý Quỹ An Bình	Phó Tổng Giám đốc	
09/2017 - 01/2022	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	Tổng Giám đốc	
05/2022 - 09/2022	Công ty cổ phần Tập đoàn Hasco	Phó Tổng Giám đốc	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Trương Ngọc Lâm	2.475	0,00%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, tiền lương • Năm 2022: 679,05 triệu đồng • Năm 2023: 3.828,38 triệu đồng • 3 tháng đầu năm 2024: 899,40 triệu đồng - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Ông Trương Ngọc Lâm và người có liên quan: Không có 			
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có			

3.1.4. Bà: Cao Thị Hồng – Thành viên HĐQT

+ Ngày sinh	25/12/1974	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	
+ Kinh nghiệm công tác	Trên 25 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, quản lý doanh nghiệp	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 - 06/2017	Công ty CP Chứng khoán IB	Tổng Giám đốc
2014 – nay	Công ty CP Chứng khoán VIX	Thành viên HĐQT
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
1995 – 1998	Ngân hàng TMCP Quốc Tế	Chuyên viên Phòng kế toán	
1999 – 2000	Ngân hàng TMCP Quốc Tế	Kế toán trưởng Chi nhánh HCM	
2001- 2002	Ngân hàng TMCP Quốc Tế	Trưởng phòng Nguồn Vốn và kinh doanh ngoại tệ	
2002 – 2003	Ngân hàng TMCP Quốc Tế	Giám đốc Chi nhánh Cầu Giấy	
2003 - 2006	Ngân hàng TMCP Quốc Tế	Giám đốc Tài Chính	
2006 – 2011	Công Ty Chứng Khoán Quốc Tế	Phó Tổng Giám Đốc	
20 11 – 2013	Ngân hàng Techcombank	Giám đốc kinh doanh miền Bắc, khối DVTC Cá nhân	
2013 - 08/2014	Ngân hàng Quân Đội	Chuyên viên Phòng kế toán	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Cao Thị Hồng	0	0%
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: <ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, tiền lương • Năm 2022: 120 triệu đồng • Năm 2023: 120 triệu đồng • 3 tháng đầu năm 2024: 30 triệu đồng - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Bà Cao Thị Hồng và người có liên quan: Không có 			
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không			
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có			

3.1.5. Bà: Trần Thị Hồng Hà – Thành viên HĐQT

+ Ngày sinh	31/12/1979		
+ Quốc tịch	Việt Nam		
+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân		
+ Kinh nghiệm công tác	Trên 20 năm công tác trong lĩnh vực tài chính kế toán		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ	
2011 - 9/2014	Công ty CP Chứng khoán IB	TP.DVKH, TP.KSNB	
10/2014 - 04/2017	Công ty CP Chứng khoán IB	Q. Kế toán trưởng	
04/2017 - 05/2017	Công ty CP Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị Q. Kế toán trưởng	
05/2017 - 05/2019	Công ty CP Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị, Phụ trách nguồn vốn	
06/2019- nay	Công ty CP Chứng khoán VIX	Thành viên Hội đồng quản trị	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ	
2002 - 2003	Công ty TNHH Quảng Độ	Kế toán tổng hợp	
2003 - 2007	Công ty YAMAHA Motor Việt nam	Chuyên viên Kế toán cao cấp	
2007 - 2011	Công ty CP Chứng khoán Mê Kông	TP.Dịch vụ khách hàng	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Trần Thị Hồng Hà	353.818	0,05%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:			
- Thù lao, tiền lương			
• Năm 2022: 120 triệu đồng			
• Năm 2023: 120 triệu đồng			

<ul style="list-style-type: none"> • 3 tháng đầu năm 2024: 30 triệu đồng - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Bà Trần Thị Hồng Hà và người có liên quan: Không có
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.2 Ban Tổng Giám đốc

3.2.1 Tổng Giám đốc: Ông Trương Ngọc Lâm (như trên)

3.2.2 Ông: Đỗ Ngọc Đĩnh – Phó Tổng giám đốc

+ Ngày sinh	30/01/1983		
+ Quốc tịch	Việt Nam		
+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
+ Kinh nghiệm công tác	Gần 20 năm công tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
2011 – 18/05/2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Trưởng phòng CNTT	
17/07/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Phó tổng Giám đốc	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
2005 - 2008	Công ty cổ phần phần mềm Fast	Trưởng nhóm	
2008 - 2009	Công ty cổ phần chứng khoán Phố Wall	Nhân viên phòng CNTT	
2009 - 2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV	Trưởng phòng CNTT	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Đỗ Ngọc Đĩnh	2.475	0,00%
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Thù lao, tiền lương
- Năm 2022: 850 triệu đồng
- Năm 2023: 1.087,15 triệu đồng
- 3 tháng đầu năm 2024: 320,50 triệu đồng
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Ông Đỗ Ngọc Đỉnh và người có liên quan: Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.3 Ban kiểm soát:

3.3.1 Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ - Trưởng Ban kiểm soát

+ Ngày sinh	13/09/1990		
+ Quốc tịch	Việt Nam		
+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán		
+ Kinh nghiệm công tác	Trên 10 năm công tác trong lĩnh vực Tài chính Kế toán		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
04/2017 - nay	Công ty CP Chứng khoán VIX	Trưởng Ban kiểm soát	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
06/2012 - 03/2013	Công ty TNHH SX và TM Quang Minh	Nhân viên Kế toán	
04/2013 - 02/2016	Công ty TNHH Thế hệ mới Vĩnh Phúc	Nhân viên Kế toán	
03/2016 - nay	Công ty CP FTG Việt Nam	Nhân viên Kế toán	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ	0	0
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0

Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: <ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, tiền lương • Năm 2022: 72 triệu đồng • Năm 2023: 72 triệu đồng • 3 tháng đầu năm 2024: 18 triệu đồng - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ và người có liên quan: Không có
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.3.2 Bà Nguyễn Thị Duyên – Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh	13/12/1978		
+ Quốc tịch	Việt Nam		
+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán		
+ Kinh nghiệm công tác	Trên 20 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, kế toán		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
07/2014 - nay	Công ty CP Chứng khoán VIX	Hành chính Nhân sự	
04/2018 - nay	Công ty CP Chứng khoán VIX	Thành viên Ban kiểm soát	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
2000 - 2003	Công ty vật liệu và công nghiệp MaTech	Kế toán	
01/2004 - 12/2011	Công ty TNHH XNK và Du lịch Phương Việt Trung	Kế toán	
2012 - 2014	Công ty CP xúc tiến thương mại và XNK Vietsea	Kế toán	
03/2014 - 07/2014	Tập đoàn VinGroup	Nhân viên Ban Quản lý	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Nguyễn Thị Duyên	0	0

của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0

Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Thù lao, tiền lương
- Năm 2022: 36 triệu đồng
- Năm 2023: 36 triệu đồng
- 3 tháng đầu năm 2024: 9 triệu đồng
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Bà Nguyễn Thị Duyên và người có liên quan: Không có

Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.3.3 Bà: Trần Hồng Vân – Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh	25/01/1980	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế	
+ Kinh nghiệm công tác	Trên 20 năm công tác trong lĩnh vực Tài chính Kế toán	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
15/04/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Thành viên Ban kiểm soát
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 - 28/02/2021	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Nguyễn Ngọc	Kế toán
12/2021 - 24/03/2023	Công ty Cổ phần DATX Việt Nam	Ban kiểm soát

01/03/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đô Thành	Kế toán trưởng	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024	Bà: Trần Hồng Vân	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, tiền lương • Năm 2022: Không có • Năm 2023: 24,86 triệu đồng • 3 tháng đầu năm 2024: 9 triệu đồng - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Bà Trần Hồng Vân và người có liên quan: Không có 			
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành Không có			

3.4 Bà: Nguyễn Thị Thu Hằng – Kế toán trưởng

+ Năm sinh	05/08/1983	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán	
+ Kinh nghiệm công tác	20 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, kế toán	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015 – 18/05/2017	Công ty CP Chứng khoán IB	Phó phòng Kế toán
19/05/2017 – 22/05/2018	Công ty CP Chứng khoán IB	Quyền Kế toán trưởng
23/05/2018 đến nay	Công ty CP Chứng khoán VIX	Kế toán trưởng
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ

2006-2007	Công ty TNHH Thuận Phát	Kế toán	
2007-2008	Công ty CP Chứng khoán Biển Việt	Kế toán	
2008-2009	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Kiểm soát nội bộ	
2009 – 2013	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Kế toán	
2013 – 2015	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	Phụ trách kế toán	
Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 18/03/2024		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà: Nguyễn Thị Thu Hằng	0	0
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: - Thù lao, tiền lương • Năm 2022: 334,87 triệu đồng • Năm 2023: 446,87 triệu đồng • 3 tháng đầu năm 2024: 124,2 triệu đồng - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIX với Bà Nguyễn Thị Thu Hằng và người có liên quan: Không có			
Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành Không có			

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 789.861.432 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 7.898.614.320.000 đồng; trong đó:
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023: 66.944.472 cổ phiếu
 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 66.944.472 cổ phiếu
 - Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ: 635.972.488 cổ phiếu
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động: 20.000.000 cổ phiếu

Công ty sẽ thực hiện phát hành cả 04 phương án trên vào cùng 1 đợt. Theo đó tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sẽ nhận được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đợt phát hành ESOP cũng được triển khai cùng ngày bắt đầu và ngày kết thúc các đợt phát hành trên.

5. Giá chào bán dự kiến:

- Đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần.
- Đối với cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động: 10.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá:

- **Đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu:**
 - + Giá trị sổ sách cổ phiếu VIX tại ngày 31/12/2023 theo BCTC năm 2023 đã kiểm toán là 13.189 đồng/cổ phiếu;
 - + Giá thị trường của cổ phiếu VIX tại thời điểm lập phương án ngày 21/03/2024 là 20.000 đồng/cổ phiếu (giá tham chiếu) (nguồn: hsx.vn).

Như vậy, giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách và giá thị trường của Công ty do đã tính đến ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá cổ phiếu tại ngày thực hiện quyền, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng khả năng thành công của đợt chào bán.

- **Đối với cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động:** Để ghi nhận những đóng góp của cán bộ nhân viên và khuyến khích người lao động gắn bó với Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc, mức giá phát hành theo chương trình ESOP là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với giá trị sổ sách của VIX tại ngày 31/12/2023 (13.189 đồng/cổ phiếu) và giá thị trường cổ phiếu VIX tại ngày lập phương án 21/03/2024 là 20.000 đồng/cổ phiếu (giá tham chiếu).

7. Phương thức phân phối

7.1 Đối với phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 66.944.472 cổ phiếu
- **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** 669.444.720.000 đồng.
- **Tỷ lệ phát hành** (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%.
- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- **Nguồn vốn phát hành:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Trong Quý III – Quý IV/2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- **Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 588 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm để trả cổ tức tương ứng là $(588:10) \times 1 = 58,8$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,8 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.

- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng

7.2 Đối với phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 66.944.472 cổ phiếu.
- **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** 669.444.720.000 đồng.
- **Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 10%.
- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
- **Nguồn vốn phát hành:** Thặng dư vốn cổ phần trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Trong Quý III – Quý IV/2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- **Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ:** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 588 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng là $(588 : 10) \times 1 = 58,8$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,8 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.

- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

7.3 Đối với phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- **Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán:** 635.972.488 cổ phiếu
- **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:** 95%
- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 100:95 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua sẽ được mua 95 cổ phiếu mới)
- **Tổng giá trị vốn huy động dự kiến:** 6.359.724.880.000 đồng
- **Tỷ lệ chào bán thành công:** Không áp dụng

- **Thời gian dự kiến chào bán:** Trong Quý III – Quý IV/2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- **Phương thức phân phối:** Chào bán thêm cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
- **Mục đích sử dụng vốn:** Bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- **Đối tượng chào bán:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- **Chuyển nhượng quyền mua:** Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
- **Hạn chế chuyển nhượng:** Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm cả số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn) khi được chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.

- **Phương án làm tròn:** Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 588 cổ phiếu, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: $(588:100) \times 95 = 558,6$ cổ phiếu, làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà Cổ đông A được quyền mua là 558 cổ phiếu.

- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết:** Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho các nhà đầu tư khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tiêu chí và danh sách nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn lại này được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

HĐQT Công ty đã thông qua tiêu chí nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn dư như sau:

- + Hội đồng quản trị xét thấy có khả năng đóng góp vào sự phát triển của Công ty trong tương lai;
- + Có đủ năng lực tài chính để thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu theo đúng thời hạn, đảm bảo tiến độ đợt chào bán;

- + Chấp nhận điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán. Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư.

- **Chào mua công khai:** cổ đông/nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phiếu không phân phối hết sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc mua số lượng đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.
- **Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu:** Không áp dụng

7.4 Đối với phương án phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động:

- **Số lượng cổ phiếu:** Tối đa 20.000.000 cổ phiếu
- **Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:** 200.000.000.000 đồng
- **Tỷ lệ phát hành:** Bằng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tương đương 2,99%)
- **Đối tượng phát hành:** Người lao động đáp ứng các điều kiện và tiêu chí được mua cổ phiếu ESOP theo phê duyệt của HĐQT Công ty.
- **Mục đích phát hành:**
 - + Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ nhân viên, đồng thời khích lệ tinh thần làm việc, gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động và sự phát triển của Công ty.
 - + Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phần.
- **Nguyên tắc xác định giá bán:** Giá trị sổ sách của VIX tại ngày 31/12/2023 là 13.189 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, để ghi nhận những đóng góp của cán bộ nhân viên đối với Công ty và khuyến khích người lao động gắn bó với Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc, ĐHCĐ Công ty đã thông qua mức giá phát hành theo chương trình ESOP năm 2024 là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- **Thời gian dự kiến chào bán:** Trong Quý III – Quý IV/2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- **Hạn chế chuyển nhượng:**

Quyền mua cổ phiếu ESOP không được phép chuyển nhượng;
Cổ phiếu phát hành ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- **Xử lý cổ phiếu không phân phối hết do người lao động mua không hết hoặc không mua cổ phiếu:** ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục phân phối cho người lao động khác

đủ điều kiện với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Người lao động đã tham gia mua cổ phiếu ESOP vẫn có thể tiếp tục được phân phối số cổ phiếu ESOP chưa phân phối hết theo phê duyệt của HĐQT Công ty.

Số lượng cổ phiếu tiếp tục phân phối này cũng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1 Đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn đăng ký: Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.
 - + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó.
 - + Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX. Việc nộp tiền mua cổ phiếu mới chào bán được nộp vào tài khoản phong tỏa của Công ty với thông tin tài khoản như sau:
 - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
 - Số tài khoản: 100234488
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

8.2 Đối với cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Tối đa theo danh sách được HĐQT Công ty phê duyệt.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Theo thông báo do HĐQT Công ty thông báo tới từng cán bộ nhân viên theo danh sách được HĐQT Công ty phê duyệt. Việc nộp tiền mua cổ phiếu chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động được nộp vào tài khoản phong tỏa của Công ty với thông tin tài khoản như sau:
 - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
 - Số tài khoản: 100234488
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo chào bán chứng khoán.

Bảng 25: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp	D đến D+7
3	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+11
4	Ngày đăng ký cuối cùng	D+12
5	Phối hợp cùng VSDC phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+16 đến D+22
6	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+43
7	VSDC tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	D+50
8	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+51 đến D+61
9	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt chào bán.	D+62
10	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung	D+64
11	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho người mua	D+64 đến D+94

10. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua và quyền được thưởng cổ phiếu, cổ đông sẽ thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục VII.7, VII.8 và VII.9 của Bản cáo bạch này.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

11.1 Đối với số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức và phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

11.2 Đối với số cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm cả số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn) khi được chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.

11.3 Đối với cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động:

- Cổ phiếu phát hành ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

12. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
- Số tài khoản: 100234488
- Tên ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài.

Theo thông báo số 438/UBCK-QLKD ngày 24/01/2022 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VIX là 100%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 18/03/2024 là: 9,3% (313 cổ đông, sở hữu 62.283.575 cổ phần), đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VIX.

Hội đồng quản trị thông qua việc Nhà đầu tư nước ngoài sẽ không bị hạn chế mua cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024 của VIX.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo phương án phát hành cổ phiếu của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành trong việc chào bán cho cổ đông nước ngoài.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1. Đối với Công ty

- Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14.2. Đối với Nhà đầu tư liên quan đến cổ phiếu chào bán

- **Đối với Nhà đầu tư cá nhân**

+ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Đối với Nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định 12/2105/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điểm 2 Điều 20 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

+ **Thu nhập từ cổ tức:**

Theo Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, Nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất 5%.

- **Đối với Nhà đầu tư tổ chức:**

+ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Đối với tổ chức trong nước: Theo quy định tại thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/04/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Đối với tổ chức nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

+ **Thu nhập từ cổ tức:**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết thực hiện phát hành cả 04 phương án: Trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong cùng 01 đợt phát hành.

Công ty cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán thêm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Kế hoạch triển khai cụ thể như sau:

- + Thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;
- + Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ngay sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- + Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngay sau khi có giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán bổ sung của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 6.559.724.880.000 đồng
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (6.359.724.880.000 đồng) và phát hành cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (200.000.000.000 đồng) sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán của Công ty, dự kiến như sau:

Bảng 26: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

TT	Nội dung	Số tiền (VND)	Tỷ lệ tương ứng	Tiến độ sử dụng vốn
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh	3.279.862.440.000	50%	Ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
2	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	3.279.862.440.000	50%	Ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
Tổng cộng		6.559.724.880.000	100%	

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 VÀ NĂM 2023)

Trụ sở chính: Tầng 8, Toà nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3831 5100 Fax: (84-24) 3831 5090

Website: www.ey.com

XI. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Điều lệ Công ty;
3. Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động lần thay đổi gần nhất;
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2021 thông qua phương án chào bán, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;
5. Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
6. Nghị quyết của HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
7. Báo cáo tài chính năm 2022 và 2023 đã kiểm toán; Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
8. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất đã được kiểm toán;
9. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
10. Các tài liệu liên quan khác.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



THÁI HOÀNG LONG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG NGỌC LÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THU HẰNG



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102576064

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 12 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 25 tháng 07 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIX SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.24) 4456 8888

Fax: (84.24) 3978 5379

Email: info@vixs.vn

Website: <http://www.vixs.vn>

3. Vốn điều lệ 6.694.447.250.000 đồng

Bằng chữ: Sáu nghìn sáu trăm chín mươi bốn tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 669.444.725

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRƯƠNG NGỌC LÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/06/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026078000614

Ngày cấp: 23/12/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tập thể Viện Khoa học Lâm nghiệp, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tập thể Viện Khoa học Lâm nghiệp, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHUNG THỰC BAN SƠ ĐUNG VỚI BAN CHÍNH

Ngày: 09-07-2024

Số chứng thực: 1445

Quyển số: 07

TRƯƠNG PHONG



**TUO. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TỰ PHÁP - HỘ TỊCH**
Nguyễn Thu Hương

Số: 52 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán VIX số 70/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động về việc tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán.

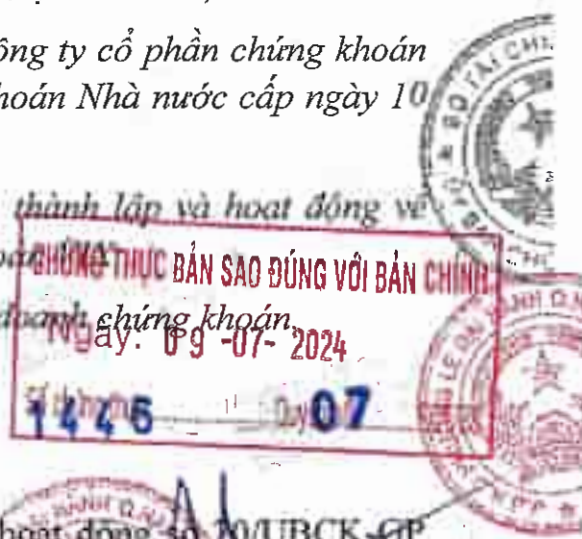
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán VIX với nội dung như sau:

Vốn điều lệ: 6.694.447.250.000 đồng (Sáu nghìn sáu trăm chín mươi bốn tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

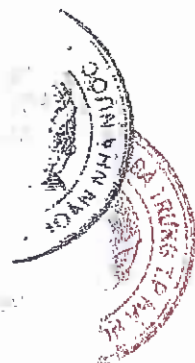
Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán VIX;

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán VIX phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.



Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán VIX; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./

lc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

LẦN BAN HÀNH/SỬA ĐỔI: 03/05
NGÀY BAN HÀNH: 25/06/2021
NGÀY SỬA ĐỔI GẦN NHẤT:
NGÀY HIỆU LỰC:

02/06/2023
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
02/06/2023
Ngày: 09-07-2024
Số chứng thực: 1459 Quyển số: 07 SCT/BS



TRƯỞNG CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
Nguyễn Chu Hương

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

NHỮNG THAY ĐỔI ĐÃ CÓ

Ngày/tháng	Nội dung thay đổi/lý do thay đổi	Lần ban hành/sửa đổi
25/06/2021	Ban hành lần 3: Lý do thay đổi: Thay đổi theo quy định mới của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021	03/00
26/10/2021	Sửa đổi lần 01: Lý do thay đổi: Nghị quyết HĐQT số 32/2021/VIX/NQ-HĐQT ngày 26/10/2021, thay đổi điều khoản vốn điều lệ theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm phù hợp với kết quả thực tế của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021	03/01
15/04/2022	Sửa đổi lần 02: Lý do thay đổi: Nghị quyết HĐQT số 12/2022/VIX/NQ-HĐQT ngày 15/04/2022, thay đổi điều khoản vốn điều lệ theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm phù hợp với kết quả thực tế của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2022	03/02
06/09/2022	Sửa đổi lần 03: Lý do thay đổi: Nghị quyết HĐQT số 23/2022/VIX/NQ-HĐQT ngày 06/09/2022, thay đổi điều khoản vốn điều lệ theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm phù hợp với kết quả thực tế của đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	03/03
15/04/2023	Sửa đổi lần 04: Lý do thay đổi: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/VIX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2023, thay đổi điều khoản người đại diện theo pháp luật của Công ty	03/04
02/06/2023	Sửa đổi lần 05: Lý do thay đổi: Nghị quyết HĐQT số 18/2023/VIX/NQ-HĐQT ngày 02/06/2023, thay đổi điều khoản vốn điều lệ theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm phù hợp với kết quả thực tế của đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	03/05

Handwritten mark in the top right corner.

IG
PH
K
IX
NG

P:
C:
O:
V:
V:
V:

Handwritten signature or mark at the bottom right.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	27
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	28

Điều 34. Người điều hành Công ty.....	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	28
IX. BAN KIỂM SOÁT, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ.....	29
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	29
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	30
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	30
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	31
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	31
Điều 42. Kiểm toán nội bộ.....	32
Điều 43. Nguyên tắc hoạt động Kiểm toán nội bộ.....	32
Điều 44. Nhân sự Kiểm toán nội bộ.....	33
Điều 45. Kiểm soát nội bộ.....	33
Điều 46. Nhân sự Kiểm soát nội bộ.....	33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	35
Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
Điều 50. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	36
Điều 51. Phân phối lợi nhuận.....	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	36
Điều 52. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 53. Năm tài chính.....	36
Điều 54. Chế độ kế toán.....	36
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	37
Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	37
Điều 56. Báo cáo thường niên.....	37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 57. Kiểm toán.....	37
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	37
Điều 58. Dấu của doanh nghiệp.....	37
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	38
Điều 59. Giải thể công ty.....	38
Điều 60. Tổ chức lại Công ty.....	38
Điều 61. Thanh lý.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	38
Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 63. Điều lệ công ty.....	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	39
Điều 64. Ngày hiệu lực.....	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/VIX/NQ-ĐHCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 18/2023/VIX/NQ-HĐQT ngày 02/06/2023 nhằm phản ánh quy mô vốn điều lệ mới phù hợp với uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán lần đầu (Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp);

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP

LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX**
- Tên tiếng Anh: **VIX SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VIX**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại: 024.44568888
- Fax: 024.39785379/80
- E-mail: info@vixs.vn
- Website: www.vixs.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp Hội đồng quản trị chưa chính thức bổ nhiệm Tổng Giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.

c) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại điểm b Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

d) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của

người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

e) Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

f) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

g) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

a) Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

b) Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty chỉ được cung cấp dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản. Các dịch vụ tài chính đó phải có liên quan và hỗ trợ cho các nghiệp vụ đã được cấp phép của Công ty và phải đảm bảo không được ảnh hưởng đến lợi ích của khách hàng, của chính Công ty và của thị trường. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền tạm ngừng, đình chỉ việc cung cấp dịch vụ tài chính khác của Công ty nếu việc cung cấp dịch vụ đó trái với quy định của pháp luật hoặc gây rủi ro hệ thống thị trường chứng khoán.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Công ty hoạt động nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa cho cổ đông Công ty; trở thành một tổ chức tài chính hoạt động theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam; mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng; xây dựng môi trường làm việc và văn hóa kinh doanh lành mạnh cho người lao động; hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác cho Nhà nước; hướng tới việc tạo ra giá trị cho xã hội từ các hoạt động kinh doanh của mình.

- Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

3. Nguyên tắc hoạt động của Công ty: *đ*

a) Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty:

- Công ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.

- Công ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Công ty phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.

- Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.

- Công ty phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

a) Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của Công ty:

- Ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.

- Ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.

- Công ty, nhân viên công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định.

- Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán.

- Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.

- Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:

- Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
- Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
- Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;

▪ Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;

▪ Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;

▪ Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.

- Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.

- Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách

hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

- Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này sau khi đã đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 6.694.447.250.000 đồng (Bằng chữ: Sáu nghìn sáu trăm chín mươi bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 669.444.725 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ

đồng được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông. *Ab*

2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao

gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại các Điều 25 và Điều 36 của Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;


d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.


Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. 

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền

dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ

đồng, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp.

hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02

ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc giải thể Công ty phải được lấy ý kiến thông qua hình thức họp trực tiếp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.


4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; 

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- d) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết

thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 20% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; trên 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; trên 50% được đề cử tối đa đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
- c) Không được đồng thời là Kiểm soát viên của Công ty;
- d) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
- đ) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

5. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a) Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành;
 - b) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại

Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các cán bộ quản lý của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản

trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.


3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; 

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền

thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị


1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau: 

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

b) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

c) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất.

đ) Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;

e) Không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

g) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

h) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty;

Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Trường hợp có Phó Tổng giám đốc phụ trách nghiệp vụ thì phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản này và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;


h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. 

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử tối đa đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.


Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác

Điều 44. Nhân sự Kiểm toán nội bộ

Nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Người làm việc bộ phận này không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b) Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

đ) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 45. Kiểm soát nội bộ

Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:

a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;

b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

đ) Tách biệt tài sản của khách hàng;

e) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

Điều 46. Nhân sự Kiểm soát nội bộ

a) Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;

b) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

đ) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty. *Handwritten signature*

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. *(Đ)*

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 50. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và

chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận (trong đó có việc trích lập các quỹ) được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 52. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ

thông và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 58. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. *Handwritten signature*

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 59. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 60. Tổ chức lại Công ty

Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Điều 61. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình

bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 64 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán VIX nhất trí thông qua, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này ngày 15 tháng 04 năm 2023 và được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán VIX nhất trí sửa đổi điều khoản về mức vốn điều lệ vào ngày 02/06/2023 tại Hà Nội.

2. Điều lệ được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 06 năm 2023. *Đ*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Lân

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

TT	Tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Giấy CND/KKĐ/CMND	Quốc tịch	Số cổ phần
1	Công ty Cổ phần Vincor	Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	0103001016	Việt Nam	21.000.000
2	Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	Tầng 10, Tháp A, Vincor số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	11GP/KDBH	Việt Nam	1.500.000
3	Phạm Khắc Phương	Thôn Lỗ Khê – Xã Liên Hà – Huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội	212046139	Việt Nam	810.000



Số: 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán VIX;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ngày 12 tháng 04 năm 2024;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ngày 12 tháng 04 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội:

Toàn bộ Báo cáo tài chính Công ty CP Chứng khoán VIX năm 2023 đã kiểm toán được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đường dẫn:

<https://vixs.vn/bao-cao>

2. Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Báo cáo tài chính 2023 đã được kiểm toán	% thực hiện so với kế hoạch năm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)
1	Lợi nhuận trước thuế	1.150.000.000.000	1.198.861.184.256	104%
2	Lợi nhuận sau thuế	920.000.000.000	966.423.461.479	105%

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Ghi chú	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2023		661.318.543.945
2	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện kỳ trước chưa phân phối chuyển sang		227.648.583.854
3	Trích quỹ bổ sung năm 2023		-
4	Tổng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối đến 31/12/2023	1+2-3	888.967.127.799
5	Chia cổ tức năm 2023 tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu	Dự kiến	669.444.725.000
6	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện còn lại chuyển năm sau	Dự kiến	219.522.402.799

DHĐCĐ phê duyệt mức chi trả cổ tức năm 2023 tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu, trích từ Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối trên BCTC năm 2023 đã kiểm toán. Mức cổ tức này được tính trên số vốn điều lệ hiện tại của Công ty là: 6.694.447.250.000 đồng.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2023.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc năm 2023.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng thành viên BKS năm 2023.

Điều 5. Thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

1. Thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2023 như sau:

STT	Đơn vị	Thù lao thực tế
1	Hội đồng quản trị	2.985.776.397 đồng
2	Ban kiểm soát	137.422.360 đồng
	Tổng thù lao HĐQT và BKS	3.123.198.757 đồng

2. Thông qua kế hoạch trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

- Thành viên HĐQT và BKS làm việc và hưởng thù lao theo chế độ chuyên trách và không chuyên trách. Trường hợp đạt hoặc vượt kế hoạch Lợi nhuận sau thuế năm 2024 được

ĐHĐCĐ thông qua, Tổng mức thù lao HĐQT và BKS năm 2024 không quá 1% Lợi nhuận sau thuế năm 2024, mức chi cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

- Nếu Công ty không hoàn thành kế hoạch Lợi nhuận sau thuế năm 2024 thì mức chi trả thù lao HĐQT và BKS không quá 5 tỷ đồng, mức chi cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định theo tình hình thực tế.
- Trích tối đa 0,2% Lợi nhuận sau thuế năm 2024 để bổ sung chi phí hoạt động của HĐQT và BKS.

Điều 6. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024:

Đại hội đồng cổ đông thông qua chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	% tăng giảm 2024/2023
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.198,8	1.320	110%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	966,4	1.056	109%

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

1. Danh sách các công ty đưa vào lựa chọn bao gồm:
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn PwC Việt Nam
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn Deloitte Việt Nam
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn KPMG Việt Nam
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nói trên để ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, với các nội dung chính như sau:

1. *Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023*
 - Tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (tương ứng tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu 10%)
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 66.944.472 cổ phiếu
 - Giá trị phát hành tính theo mệnh giá dự kiến: 669.444.720.000 đồng
 - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành thêm được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
 - Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định theo quy định.
2. *Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu*
 - Tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (tương ứng tỷ lệ phát hành 10%)
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 66.944.472 cổ phiếu
 - Giá trị phát hành tính theo mệnh giá dự kiến: 669.444.720.000 đồng
 - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành thêm được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
 - Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định theo quy định.

(Phương án phát hành chi tiết theo Tờ trình số: 05/2024/VIX/TT- HĐQT ngày 22/03/2024 của HĐQT đính kèm Nghị quyết này).

3. *Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:*

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai và hoàn tất các thủ tục có liên quan ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.

4. *Thông qua uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị:*

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau liên quan đến đợt phát hành:

- Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Lựa chọn thời gian phù hợp để chốt ngày thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai phát hành cổ phiếu theo quy định.
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Khoản 1, Điều 6 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và số lượng cổ phần) và các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty theo kết quả phát hành thực tế.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết;
 - Ngoài các nội dung nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định.

Điều 9. Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, với các nội dung chính như sau:

1. *Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua:*

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (mã chứng khoán: VIX)
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện tại: 6.694.447.250.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 669.444.725 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm dự kiến: 635.972.488 cổ phiếu
- Tỷ lệ chào bán dự kiến: Tỷ lệ chào bán = Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chào bán. Tỷ lệ chào bán tại thời điểm lập phương án (số lượng cổ phiếu đang lưu hành 669.444.725 cổ phiếu) = 95%.
ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ chào bán cụ thể tại thời điểm triển khai phương án chào bán, căn cứ vào số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán và số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm chào bán.
- Giá trị chào bán thêm tính theo mệnh giá dự kiến: 6.359.724.880.000 đồng

- Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
- Giá chào bán: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Mục đích và phương án sử dụng vốn:
- ✓ Số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán, dự kiến như sau:
 - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh: 50% số tiền thu được từ đợt chào bán;
 - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán: 50% số tiền thu được từ đợt chào bán.
- ✓ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, đảm bảo kế hoạch phát triển chung của Công ty cũng như lợi ích cổ đông và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

(Phương án chào bán chi tiết theo Tờ trình số: 06/2024/VLX/TT- HĐQT ngày 22/03/2024 của HĐQT đính kèm Nghị quyết này).

2. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu trong đợt chào bán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai và hoàn tất các thủ tục có liên quan ngay sau khi kết thúc đợt chào bán.

3. Thông qua ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau liên quan đến đợt chào bán:

- Lựa chọn thời điểm chào bán, quyết định tỷ lệ chào bán và tỷ lệ thực hiện quyền cụ thể (căn cứ vào số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán và số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm chào bán), xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành, đàm phán, ký kết các hợp đồng bảo lãnh và hoàn thiện các thủ tục để thực hiện bảo lãnh phát hành (trong trường hợp cần thiết).
- Lựa chọn thời gian phù hợp để chốt ngày thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai chào bán cổ phiếu theo quy định.
- Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và cổ phiếu còn dư mà cổ đông từ chối mua.
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh việc sử dụng, phân bổ nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Xây dựng phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

2: 70
CỘNG
CỔ P
HỨNG
VI
TRUN

- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Khoản 1, Điều 6 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và số lượng cổ phần) và các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty theo kết quả chào bán thực tế.

- Thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu trong đợt chào bán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết.

- Ngoài các nội dung nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn theo quy định.

Điều 10. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), với các nội dung chính như sau:

1. *Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP):*

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (mã chứng khoán: VIX)

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000.000 cổ phiếu

- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá dự kiến: 200.000.000.000 đồng

- Giá phát hành: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

- Phương án sử dụng vốn:

• Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh của Công ty: 50% số tiền thu được từ đợt phát hành;

• Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán: 50% số tiền thu được từ đợt phát hành.

- Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

(Phương án phát hành chi tiết theo Tờ trình số: 07/2024/VIX/TT- HDQT ngày 22/03/2024 của HDQT đính kèm Nghị quyết này).

2. *Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:*

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai và hoàn tất các thủ tục có liên quan ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.

3. *Thông qua ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị:*

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau liên quan đến đợt phát hành:

- Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

G. TY
H. AN
KHOA
X
G. TP

- Xây dựng tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết.
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh việc sử dụng, phân bổ nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Xây dựng phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Khoản 1, Điều 6 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và số lượng cổ phần) và các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty theo kết quả phát hành thực tế.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết;
- Ngoài các nội dung nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo quy định.

Điều 11. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 12/04/2024. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng, nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán VIX và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- UBCKNN, Sở GDCK;
- Cổ đông;
- Lưu VT, BKS, HĐQT

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



THÁI HOÀNG LONG



Số: 01/2024/VIX/BB-ĐHCĐ

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

A. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Mã số doanh nghiệp: 0102576064

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Giấy phép thành lập và hoạt động: số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007.

B. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM HỌP

Thời gian: Từ 09 giờ 00 phút đến 12 giờ 30 phút, ngày 12/04/2024.

Địa điểm: Tại Khách sạn DU PARC Hà Nội - Số 84 Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

C. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

I. Kiểm tra tư cách cổ đông

Bà Dương Thị Kim Oanh – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm bắt đầu khai mạc Đại hội, cụ thể như sau:

- Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 18/03/2024 : Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX bao gồm 45.044 cổ đông, sở hữu 669.444.725 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số cổ đông được mời tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 tổ chức vào ngày 12/04/2024 là 45.044 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 669.444.725 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Đến thời điểm khai mạc, có mặt tại Đại hội có 95 cổ đông và người được ủy quyền tham dự, đại diện cho 349.227.686 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với 52,17 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX.
- Tất cả các cổ đông và người được ủy quyền tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đều có đủ tư cách tham dự Đại hội.
- Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 12 Điều lệ Công ty quy định "Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết" và khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty quy định "Cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết". Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX đã đủ điều kiện để được tiến hành.

II. Ban chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu của Đại hội

1. Giới thiệu chủ tọa cuộc họp

Ban tổ chức giới thiệu Ông Thái Hoàng Long – Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) làm Chủ tọa cuộc họp theo quy định tại điều 146 khoản 2 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, điều 20 khoản 2 Điều lệ Công ty cổ phần chứng khoán VIX.

2. Chủ tọa cử Thư ký Đại hội bao gồm:

- Ông Dư Văn Toàn - Trợ lý HĐQT

3. Chủ tọa đề nghị Đại hội thông qua việc bổ sung các thành viên sau vào Ban chủ tọa Đại hội:

- Ông Trương Ngọc Lân – Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Tuấn Dũng - Thành viên HĐQT – Giám đốc Khối IB

Đại hội đã thông qua Ban chủ tọa như sau:

+ Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ

+ Kết quả biểu quyết:

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	349.227.686	0	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	100%	0%	0%

Như vậy Đại hội đã thông qua Ban Chủ tọa Đại hội với tỷ lệ tán thành đạt 100%

Ban chủ tọa gồm:

- Ông Thái Hoàng Long - Chủ tịch HĐQT- Chủ tọa cuộc họp

- Ông Trương Ngọc Lân - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc- Thành viên

- Ông Nguyễn Tuấn Dũng - Thành viên HĐQT, Giám đốc Khối IB - Thành viên

4. Chủ tọa đề nghị Đại hội thông qua Ban kiểm phiếu bao gồm:

- Bà Dương Thị Kim Oanh - Trưởng ban

- Ông Đỗ Ngọc Đĩnh - Thành viên

- Bà Nguyễn Mỹ Linh - Thành viên

Đại hội đã thông qua thành phần Ban kiểm phiếu như sau:

+ Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ.

+ Kết quả biểu quyết:

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	349.227.686	0	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	100%	0%	0%

Như vậy Đại hội đã thông qua Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành đạt 100 %

III. Quy chế và chương trình của Đại hội

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội

Ban tổ chức trình bày Quy chế tổ chức họp Đại hội. Trong đó, điều kiện để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ: Quyết định của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, riêng nội dung về Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ; Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) cần có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Đại hội đã thông qua Quy chế làm việc của Đại hội như sau:

+ Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ

+ Kết quả biểu quyết:

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần (*)	349.296.376	0	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	100%	0%	0%

(*) Nội dung này có thêm 05 (năm) cổ đông đến dự họp

Như vậy Đại hội đã thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội với tỷ lệ tán thành đạt 100 %

2. Chương trình làm việc của Đại hội:

Ban tổ chức trình bày Chương trình làm việc của Đại hội, bao gồm các nội dung chính sau:

a. Báo cáo hoạt động kinh doanh

- ✓ Báo cáo kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2023 đã kiểm toán.
- ✓ Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2023.
- ✓ Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc năm 2023.
- ✓ Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng thành viên BKS năm 2023.

b. Các tờ trình xin ý kiến cổ đông

- ✓ Tờ trình về việc thông qua BCTC năm 2023 đã kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.
- ✓ Tờ trình về việc phê duyệt mức thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024.
- ✓ Tờ trình về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024.
- ✓ Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
- ✓ Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- ✓ Tờ trình thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ.
- ✓ Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).

c. Thảo luận: Ý kiến phát biểu của các cổ đông và trả lời ý kiến đóng góp của các cổ đông

d. Biểu quyết

- ✓ Biểu quyết thông qua các vấn đề đã được báo cáo và trình tại Đại hội.
- ✓ Nghị giải lao.
- ✓ Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

e. Bế mạc Đại hội

- ✓ Trình bày Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- ✓ Biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- ✓ Tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đã thông qua nội dung chương trình làm việc của Đại hội như sau:

+ Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ

+ Kết quả biểu quyết :

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần (*)	349.405.886	0	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	100%	0%	0%

(*) Nội dung này có thêm 04 (bốn) cổ đông đến dự họp

Như vậy Đại hội đã thông qua Chương trình làm việc với tỷ lệ tán thành đạt 100 %

IV. Các báo cáo và tờ trình tại Đại hội

STT	Báo cáo, Tờ trình	Người trình bày
1	Báo cáo kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2023 đã kiểm toán	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng- Kế toán trưởng
2	Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2023	Ông Trương Ngọc Lâm- Thành viên HĐQT- TGD
3	Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc năm 2023	Bà Trần Hồng Vân- Thành viên Ban Kiểm soát
4	Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng thành viên BKS năm 2023	Bà Trần Hồng Vân- Thành viên Ban Kiểm soát
5	Tờ trình về việc thông qua BCTC năm 2023 đã kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng- Kế toán trưởng
6	Tờ trình về việc phê duyệt mức thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng- Kế toán trưởng
7	Tờ trình về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng- Kế toán trưởng
8	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	Bà Trần Hồng Vân- Thành viên Ban Kiểm soát
9	Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ông Nguyễn Tuấn Dũng- Thành viên HĐQT – Giám đốc Khối IB
10	Tờ trình thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ	Ông Nguyễn Tuấn Dũng- Thành viên HĐQT – Giám đốc Khối IB
11	Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	Ông Nguyễn Tuấn Dũng- Thành viên HĐQT – Giám đốc Khối IB

V. Thảo luận tại Đại hội:

Ý kiến của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024:

1. Ý kiến cổ đông thứ nhất:

Đề nghị Ban chủ tọa cho biết tình hình triển khai đáp ứng hệ thống giao dịch mới KRX của Công ty hiện nay thế nào ?

Ban Chủ toạ trả lời:

Từ năm 2023 đến nay, Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp theo yêu cầu của Sở GDCK và VSDC, tham gia đầy đủ các đợt kiểm thử hệ thống đạt yêu cầu về kỹ thuật và thời gian, đáp ứng theo quy định của các cơ quan quản lý. Hiện nay hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) của VIX đã sẵn sàng để vận hành khi hệ thống KRX đi vào hoạt động chính thức.

2. *Ý kiến cổ đông thứ hai:*

Sau sự kiện có công ty chứng khoán bị tấn công hệ thống giao dịch thời gian qua, VIX đã có giải pháp gì để ứng phó ?

Ban Chủ toạ trả lời:

Ngay từ năm 2023 và Quý I/2024, VIX đã triển khai đồng bộ các dự án nâng cấp hệ thống CNTT bao gồm đầu tư nâng cấp hạ tầng phần cứng và Core giao dịch mới, thay đổi website mới, tăng cường khả năng bảo mật thông tin và năng lực lưu trữ, dự phòng v.v... Đến nay, sau quá trình tự rà soát, công ty chưa phát hiện bất cứ dấu hiệu rủi ro nào liên quan đến mất an toàn hệ thống CNTT. Đồng thời công ty đã thắt chặt hơn nữa các quy trình, quy định về phòng ngừa rủi ro, liên hệ với các chuyên gia hàng đầu trên thị trường về CNTT, các cơ quan quản lý Nhà nước để tư vấn cho công ty về công tác bảo mật thông tin, phòng chống xâm nhập trái phép vào hệ thống mạng nội bộ và core GDCK của Công ty, đảm bảo việc an toàn dữ liệu và giao dịch thông suốt.

3. *Ý kiến cổ đông thứ 3:*

Công ty đã trình ĐHĐCĐ kế hoạch chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ lớn, đề nghị Công ty cho biết kế hoạch sử dụng vốn mới tăng thêm như thế nào để đảm bảo hiệu quả ? Lý do trả cổ tức 2023 bằng cổ phiếu mà không trả cổ tức bằng tiền mặt ?

Ban Chủ toạ trả lời:

Như Quý vị cổ đông đã biết, TTCK Việt Nam đang hướng tới gần hơn mục tiêu nâng hạng thị trường, do đó quy mô và chất lượng thị trường sẽ được nâng lên tầm cao mới, nhất là sau khi hệ thống KRX chính thức đi vào hoạt động sẽ có thêm các sản phẩm mới cho nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia. Từ đó đặt ra yêu cầu cho các công ty chứng khoán phải nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị và đầu tư hạ tầng CNTT rất lớn để cạnh tranh và phát triển, đáp ứng yêu cầu của TTCK. Việc Công ty trả cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu và chào bán thêm cổ phiếu, nhằm nâng cao năng lực tài chính sẵn sàng cho giai đoạn phát triển không chỉ cho năm 2024 mà còn cho các năm tới theo định hướng chiến lược của HĐQT đã trình ĐHĐCĐ.

4. *Ý kiến cổ đông thứ 4:*

Ban Chủ toạ cho biết tiến độ tăng vốn năm 2024 thế nào ?

Nhận định của HĐQT về triển vọng TTCK năm 2024 -2025 và các dòng cổ phiếu nào sẽ là ưu tiên trong chiến lược đầu tư giai đoạn này ?

Ban Chủ toạ trả lời:

- Về kế hoạch tăng vốn năm 2024, sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT sẽ triển khai ngay

việc hoàn thiện các thủ tục và nộp hồ sơ lên UBCKNN chờ phê duyệt, sau khi được sự đồng ý của UBCK và các cơ quan quản lý có liên quan, Công ty sẽ triển khai ngay các bước tiếp theo để hoàn thành việc tăng vốn sớm nhất có thể, nhanh chóng đáp ứng nguồn vốn cho KHKD năm 2024 của Công ty.

- Nhận định về triển vọng TTCK năm 2024- 2025. Theo quan điểm cá nhân của Chủ toạ, hiện nay chỉ số VN- Index chưa phải ở vùng đỉnh lịch sử và định giá các cổ phiếu chưa quá cao so với quá khứ và các thị trường khu vực. Khi mục tiêu nâng hạng thị trường thành hiện thực và hệ thống KRX vận hành chính thức, sẽ thu hút thêm nhiều nguồn vốn mới trong và ngoài nước đổ vào thị trường, qua đó có thể thấy rằng trong trung hạn 3- 5 năm tới TTCK còn nhiều tiềm năng ở phía trước.

- Về các dòng cổ phiếu tiềm năng để đầu tư : Đề nghị cổ đông liên hệ với bộ phận phân tích của VIX để được cung cấp các thông tin cần thiết, giúp cho cổ đông có thêm lựa chọn khi ra các quyết định đầu tư phù hợp.

5. Ý kiến cổ đông thứ 5: Đề nghị Ban chủ toạ cho biết kết quả kinh doanh (KQKD) quý I/2024 của VIX ?

Ban Chủ toạ trả lời: KQKD quý I/2024 dự kiến công ty đạt khoảng 200 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.

6. Ý kiến cổ đông thứ 6: Đề nghị Ban chủ toạ cho biết đánh giá về danh mục tự doanh hiện nay của VIX ?

Ban Chủ toạ trả lời: Việc phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đảm bảo cân đối giữa 2 trụ cột chính là tự doanh và Môi giới- Dịch vụ tài chính . Danh mục tự doanh của Công ty tuân thủ nguyên tắc đa dạng hoá danh mục và bao gồm các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành. Việc đầu tư kết hợp giữa đánh giá cẩn trọng trước khi đầu tư và quản trị rủi ro chặt chẽ sau quá trình đầu tư, đảm bảo hiệu quả và an toàn lên trên hết.

7. Ý kiến cổ đông thứ 7: Xin cho biết về tình hình phát triển môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ hiện nay của VIX, tỷ trọng lợi nhuận của mảng môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ trong tổng số lợi nhuận của Công ty năm 2023 ?

Ban Chủ toạ trả lời: Hiện nay Công ty vẫn đảm bảo phân bổ nguồn lực cân bằng giữa tự doanh và phục vụ hoạt động môi giới- cho vay giao dịch ký quỹ. Cụ thể, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ các năm gần đây là: Năm 2022 dư nợ cho vay 1.900 tỷ đồng, năm 2023 dư nợ cho vay 3.000 tỷ đồng và Quý I/2024 là trên 4.000 tỷ đồng.

Tỷ trọng đóng góp và lợi nhuận của mảng môi giới + Dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ là trên 30%. Trong các năm tới sẽ phấn đấu cơ cấu đóng góp vào lợi nhuận Công ty của 2 mảng hoạt động tự doanh và môi giới- dịch vụ tài chính cân bằng hơn.

8. Ý kiến cổ đông thứ 8: Năm 2023 vốn của VIX gần 6.700 tỷ đồng, lợi nhuận đạt được 1.198 tỷ đồng, trong khi đó kế hoạch tăng vốn năm 2024 dự kiến lên 14.000 tỷ đồng nhưng lợi nhuận chỉ đề xuất ĐHCĐ thông qua là 1.320 tỷ đồng là chưa phù hợp về mặt hiệu quả sử dụng vốn, đề nghị Ban chủ toạ cho biết lý do ?

Ban Chủ toạ trả lời: Về kế hoạch tăng vốn năm 2024, sau khi được ĐHCĐ thông qua sẽ hoàn

thiện hồ sơ gửi lên các cơ quan quản lý xem xét, phê duyệt. Do vậy việc, đề xuất KHKD năm 2024 đã được HĐQT cân nhắc kỹ các yếu tố tình hình thị trường và tiến độ tăng vốn mới như trên là phù hợp.

D. TỔ CHỨC BỎ PHIẾU KÍN ĐỂ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VÀ TRÌNH ĐẠI HỘI

Các cổ đông đã thực hiện biểu quyết thông qua các nội dung của các Báo cáo và Trình trình tại Đại hội theo hình thức bỏ phiếu kín.

Bà Dương Thị Kim Oanh – Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu như sau:

Nội dung	Số tờ phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết
Số phiếu biểu quyết đã phát:	111	349.690.385
Số phiếu biểu quyết thu về:	101	349.660.843
Số phiếu hợp lệ:	101	349.660.843
Số phiếu không hợp lệ:	0	0
Số phiếu không tham gia biểu quyết:	10	29.542

Kết quả kiểm phiếu như sau:

1. Biểu quyết thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2023

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	0	349.660.843	0	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0%	99,992%	0%	0%

2. Biểu quyết thông qua Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc năm 2023

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	0	349.657.916	2.927	0

Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0%	99,991%	0,001%	0%
--	----	---------	--------	----

3. Biểu quyết thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng thành viên BKS năm 2023

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	19.469	349.638.447	2.927	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0,006%	99,985%	0,001%	0%

4. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc thông qua BCTC năm 2023 đã kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	0	349.387.916	272.927	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0%	99,914%	0,078%	0%

5. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc phê duyệt mức thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	0	349.507.916	152.927	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0%	99,948%	0,044%	0%

6. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	318.000	349.189.916	152.927	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0,091%	99,857%	0,044%	0%

7. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	0	331.998.199	2.927	17.659.717
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0%	94,941%	0,001%	5,05%

8. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	0	349.373.216	287.627	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0%	99,909%	0,082%	0%

9. Biểu quyết thông qua Tờ trình thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	0	349.185.477	469.366	6.000
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0%	99,856%	0,134%	0,002%

10. Biểu quyết thông qua Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

Kết quả biểu quyết:

Nội dung	Không hợp lệ	Hợp lệ		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	14.104	325.659.326	23.947.353	40.060
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	0,004%	93,128%	6,848%	0,011%

F. CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA THEO HÌNH THỨC BỎ PHIẾU KÍN TẠI ĐẠI HỘI VÀ TỶ LỆ PHIẾU BIỂU QUYẾT THÔNG QUA TƯƠNG ƯNG

Căn cứ Quy chế tổ chức Đại hội, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan, các vấn đề sau đã được thông qua theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội:

STT	Các vấn đề đã được thông qua	Tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng
1	Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2023	99,992%
2	Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc năm 2023	99,991%
3	Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng thành viên BKS năm 2023	99,985%
4	Thông qua Tờ trình về việc thông qua BCTC năm 2023 đã kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2023	99,914%
5	Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt mức thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024	99,948%
6	Thông qua Tờ trình về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024	99,857%
7	Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	94,941%
8	Thông qua Tờ trình về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	99,909%
9	Thông qua Tờ trình thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ	99,856%
10	Thông qua Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	93,128%

G. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Ông Dư Văn Toàn - Thư ký Đại hội đã đọc toàn văn nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 trước Đại hội.

Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của Biên bản này.

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Chứng khoán VIX như sau:

Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ

Kết quả biểu quyết:

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	349.660.843	0	0
Tỉ lệ %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	100%	0%	0%

Như vậy Đại hội đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với tỷ lệ tán thành đạt 100%.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần chứng khoán VIX kết thúc vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 12/04/2024.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



DƯ VĂN TOÀN



THAI HOÀNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIX

---0---

Số: 05/2024/VIX/TT-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---0---

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và huỷ tư cách công ty đại chúng.
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán;

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX.

- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh, nhu cầu vốn để nâng cao năng lực tài chính, bổ sung nguồn lực, mở rộng các hoạt động nghiệp vụ phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với các nội dung chính như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (mã chứng khoán: VIX)
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 6.694.447.250.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 669.444.725 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 133.888.944 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành thêm tính theo mệnh giá dự kiến: 1.338.889.440.000 đồng
- Phương thức phát hành:

(1) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023

- + Tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (tương ứng tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu 10%)
- + Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 66.944.472 cổ phiếu
- + Giá trị phát hành tính theo mệnh giá dự kiến: 669.444.720.000 đồng
- + Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành thêm được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

(2) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- + Tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (tương ứng tỷ lệ phát hành 10%)
- + Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 66.944.472 cổ phiếu
- + Giá trị phát hành tính theo mệnh giá dự kiến: 669.444.720.000 đồng
- + Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành thêm được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

- Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định theo quy định.

(Phương án chi tiết được đính kèm Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHQĐCĐ;
- Lưu VT, BKS, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THAI HOÀNG LONG

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG ÁN
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỰ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Đính kèm Tờ trình số: 05/2024/VIX/TT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 22/03/2024)

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023

1.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
2.	Mã chứng khoán	VIX
3.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
5.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	66.944.472 cổ phiếu
6.	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến	669.444.720.000 đồng
7.	Tỷ lệ phát hành (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	10%
8.	Tỷ lệ thực hiện quyền	10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
9.	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định
10.	Nguồn vốn phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
11.	Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. <i>Ví dụ:</i> Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 588 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm để trả cổ tức tương ứng là $(588:10) \times 1 = 58,8$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,8 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
12.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng

II. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

1.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
2.	Mã chứng khoán	VIX
3.	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông
4.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
5.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	66.944.472 cổ phiếu
6.	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến	669.444.720.000 đồng
7.	Tỷ lệ phát hành (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	10%
8.	Tỷ lệ thực hiện quyền	10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
9.	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định
10.	Nguồn vốn phát hành	Thặng dư vốn cổ phần trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
11.	Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ. <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 588 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng là $(588 : 10) \times 1 = 58,8$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,8 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.</i>
12.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng



III. Thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX, thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn mới sau khi kết thúc đợt phát hành.

IV. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai và hoàn tất các thủ tục có liên quan ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.

V. Thông qua ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau liên quan đến đợt phát hành:

1. Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Lựa chọn thời gian phù hợp để chốt ngày thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai phát hành cổ phiếu theo quy định.
3. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Khoản 1. Điều 6 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và số lượng cổ phần) và các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty theo kết quả phát hành thực tế.
4. Thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế.
5. Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết;
6. Ngoài các nội dung nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định.



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và huỷ tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh, nhu cầu vốn để nâng cao năng lực tài chính, bổ sung nguồn lực, mở rộng các hoạt động nghiệp vụ phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024 với các nội dung chính như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (mã chứng khoán: VIX)
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện tại: 6.694.447.250.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 669.444.725 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm dự kiến: 635.972.488 cổ phiếu
- Giá trị chào bán thêm tính theo mệnh giá dự kiến: 6.359.724.880.000 đồng
- Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
- Giá chào bán: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

(Phương án chi tiết được đính kèm Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT, BKS, HĐQT.



THAI HOANG LONG

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình số: 06/2024/VIX/TT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 22/03/2024)

I. Sự cần thiết của việc huy động thêm vốn

Quy mô vốn hóa và quy mô niêm yết của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 tiếp tục tăng so với cuối năm 2022. Chốt phiên giao dịch ngày 29/12/2023, mức vốn hóa thị trường đạt gần 6 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 14% so với cuối năm 2022. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường tính đến cuối tháng 12/2023 đạt 2.128 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so với cuối năm 2022 với 739 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM.

Đáng chú ý, trong năm 2023, thị trường chứng khoán tiếp tục thu hút sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư. Trong tháng 12/2023, có tới 40 nghìn tài khoản chứng khoán được mở mới, nâng tổng số tài khoản chứng khoán đạt 7,3 triệu tài khoản, tương đương hơn 7,3% dân số. Đây là con số vượt mức 5% dân số theo mục tiêu được Chính phủ đưa ra trong Đề án Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Theo số liệu từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), số lượng tài khoản của nhà đầu tư trong nước đã tăng thêm 125.169 tài khoản trong tháng 1/2024, gấp hơn 3 lần so với mức tăng của tháng 12/2023.

Ngoài ra, trong tiến trình phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh vận hành chính thức hệ thống KRX trong năm 2024 để góp phần nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Do đó, các công ty chứng khoán cần phải tăng năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu vốn cho khách hàng giao dịch chứng khoán và có thể cung cấp các sản phẩm mới trong năm 2024-2025 và các năm tiếp theo.

Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu dự kiến chào bán là 635.972.488 cổ phiếu, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 6.359.724.880.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Chi tiết phương án chào bán được trình bày dưới đây.

II. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua:

1.	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	635.972.488 cổ phiếu
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến	6.359.724.880.000 đồng
3.	Loại cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu phổ thông
4.	Giá chào bán	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
5.	Căn cứ xác định giá	+ Giá trị sổ sách cổ phiếu VIX tại ngày 31/12/2023 theo BCTC năm 2023 đã kiểm toán là 13.189 đồng/cổ phiếu;

		<p>+ Giá thị trường của cổ phiếu VIX tại thời điểm ngày 21/03/2024 là 20.000 đồng/cổ phiếu (giá tham chiếu) (nguồn: hsx.vn).</p> <p>Như vậy, giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách và giá thị trường của Công ty do đã tính đến ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá cổ phiếu tại ngày thực hiện quyền, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng khả năng thành công của đợt chào bán.</p>
6.	Tỷ lệ chào bán dự kiến	<p>Tỷ lệ chào bán = Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chào bán.</p> <p>Tỷ lệ chào bán tại thời điểm lập phương án này (số lượng cổ phần đang lưu hành 669.444.725 cổ phiếu) là = 95%.</p> <p>ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ chào bán cụ thể tại thời điểm triển khai phương án chào bán.</p>
7.	Phương thức chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
8.	Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến	<p>100:95 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua sẽ được mua 95 cổ phiếu mới)</p> <p>ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ thực hiện quyền phù hợp, căn cứ vào số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán và số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm chào bán.</p>
9.	Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
10.	Chuyển nhượng quyền mua	Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
11.	Phương án làm tròn	<p>Số lượng cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng chào bán.</p> <p><i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 588 cổ phiếu. Khi đó, với tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến là 100:95, số cổ phiếu chào bán thêm cổ đông A được mua là $(588:100) \times 95 = 558,6$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 558 cổ phiếu.</i></p>

12.	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho các nhà đầu tư khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tiêu chí và danh sách nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn lại này được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định. - Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán. Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư.
13.	Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
14.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm cả số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn) khi được chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định. - Số cổ phiếu được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành (nếu có) sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
15.	Chào mua công khai	Đồng ý cho cổ đông/nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phiếu không phân phối hết sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc mua số lượng đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.
16.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng

III. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi chào bán

Giá cổ phiếu VIX sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá thị trường của cổ phiếu VIX sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (Pr_t \times I)}{1 + I_t}$$

Trong đó:

- P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_t : Giá cổ phiếu VIX tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pr_t : Giá phát hành thêm
- I_t : là tỷ lệ phát hành cổ phiếu

Giá định tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền, giá thị trường của cổ phiếu VIX là 20.000 đồng/cổ phiếu và đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được thực hiện cùng với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Khi đó, cổ đông được quyền mua cổ phần theo phương án chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 100:95 (tương đương 95%) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, quyền được nhận cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%) và quyền được nhận cổ phiếu thưởng từ đợt phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 10%), thì giá cổ phiếu VIX bị pha loãng là:

$$P_{pl} = \frac{20.000 + (10.000 \times 0,95)}{1 + 0,95 + 0,1 + 0,1} = 13.720 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

IV. Phương án sử dụng vốn

- Số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán, dự kiến như sau:
 - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh: 50% số tiền thu được từ đợt chào bán;
 - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán: 50% số tiền thu được từ đợt chào bán.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, đảm bảo kế hoạch phát triển chung của Công ty cũng như lợi ích cổ đông và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

V. Thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn mới sau khi kết thúc đợt chào bán.

VI. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu trong đợt chào bán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai và hoàn tất các thủ tục có liên quan ngay sau khi kết thúc đợt chào bán.

VII. Thông qua uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau liên quan đến đợt chào bán:

1. Lựa chọn thời điểm chào bán, quyết định tỷ lệ chào bán và tỷ lệ thực hiện quyền cụ thể (căn cứ vào số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán và số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm chào bán), xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành, đàm phán, ký kết các hợp đồng bảo lãnh và hoàn thiện các thủ tục để thực hiện bảo lãnh phát hành (trong trường hợp cần thiết).
3. Lựa chọn thời gian phù hợp để chốt ngày thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai chào bán cổ phiếu theo quy định.
4. Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và cổ phiếu còn dư mà cổ đông từ chối mua.
5. Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh việc sử dụng, phân bổ nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
6. Xây dựng phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
7. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Khoản 1, Điều 6 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và số lượng cổ phần) và các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty theo kết quả chào bán thực tế.
8. Thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán.
9. Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu trong đợt chào bán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết.
10. Ngoài các nội dung nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
S.G.P: 70
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VIX
O. HAI BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI
THAI HOÀNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIX

---0---

Số: 07/2024/VIX/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---0---

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và huỷ tư cách công ty đại chúng.
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX.
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh, nhu cầu vốn để tăng cường năng lực tài chính, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ nhân viên, khích lệ tinh thần làm việc, gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động và sự phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (mã chứng khoán: VIX)
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá dự kiến: 200.000.000.000 đồng
- Giá phát hành: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

(Phương án chi tiết được đính kèm Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- Lưu VT, BKS, HĐQT.



THÁI HOÀNG LONG

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP)

(Đính kèm Tờ trình số: 07/2024/VIX/TT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 22/03/2024)

I. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

1.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
2.	Mã chứng khoán	VIX
3.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
5.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 20.000.000 cổ phiếu
6.	Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá dự kiến	Tối đa 200.000.000.000 đồng
7.	Tỷ lệ phát hành (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	2,99%
8.	Đối tượng phát hành	Người lao động đáp ứng các điều kiện và tiêu chí được mua cổ phiếu ESOP theo phê duyệt của HĐQT Công ty.
9.	Mục đích phát hành	<ul style="list-style-type: none">- Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ nhân viên, đồng thời khích lệ tinh thần làm việc, gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động và sự phát triển của Công ty.- Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
10.	Tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng	<p>Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none">- Xây dựng tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP;- Xây dựng nguyên tắc phân phối cổ phiếu cho từng đối tượng người lao động;- Lập danh sách người lao động và số cổ phiếu được quyền mua trong đợt phát hành.
11.	Giá phát hành	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần
12.	Nguyên tắc xác định giá phát hành	Để ghi nhận những đóng góp của cán bộ nhân viên và khuyến khích người lao động gắn bó với Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc, mức giá phát hành theo chương trình ESOP là 10.000 đồng/cổ phiếu (thấp hơn so với giá trị sổ sách của VIX tại ngày 31/12/2023 (13.189 đồng/cổ phiếu) và giá thị trường cổ phiếu VIX tại ngày lập phương án 21/03/2024 là 20.000 đồng/cổ phiếu (giá tham chiếu)

13.	Hạn chế chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền mua cổ phiếu ESOP không được phép chuyển nhượng; - Cổ phiếu phát hành ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
14.	Xử lý cổ phiếu không phân phối hết do người lao động mua không hết hoặc không mua cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục phân phối cho người lao động khác đủ điều kiện với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Người lao động đã tham gia mua cổ phiếu ESOP vẫn có thể tiếp tục được phân phối số cổ phiếu ESOP chưa phân phối hết theo phê duyệt của HĐQT Công ty. - Số lượng cổ phiếu tiếp tục phân phối này cũng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
15.	Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
16.	Số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến	Tối đa 200.000.000.000 đồng
17.	Phương án sử dụng vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh của Công ty: 50% số tiền thu được từ đợt phát hành; - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán: 50% số tiền thu được từ đợt phát hành.

II. Thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX, thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn mới sau khi kết thúc đợt phát hành.

III. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai và hoàn tất các thủ tục có liên quan ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.

IV. Thông qua uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau liên quan đến đợt phát hành:

1. Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Xây dựng tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết.
3. Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh việc sử dụng, phân bổ nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
4. Xây dựng phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
5. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Khoản 1, Điều 6 Điều lệ Công ty (quy định về vốn điều lệ và số lượng cổ phần) và các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty theo kết quả phát hành thực tế.
6. Thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế.
7. Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết;
8. Ngoài các nội dung nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo quy định.



THÁI HOÀNG LONG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIX**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2024/VIX/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu năm 2024 và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ngày 12/04/2024 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ; Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 24/04/2024

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo phương án tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ngày 12/04/2024 với những nội dung sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (mã chứng khoán: VIX)
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 6.694.447.250.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 669.444.725 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: dự kiến 789.861.432 cổ phiếu, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023: 66.944.472 cổ phiếu
 - + Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 66.944.472 cổ phiếu
 - + Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ: 635.972.488 cổ phiếu
 - + Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động: 20.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành thêm tính theo mệnh giá: 7.898.614.320.000 đồng
- Phương thức phát hành:

- + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023: 10%
- + Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 10%
- + Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo phương thức thực hiện quyền, tỷ lệ thực hiện: 100:95
- + Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 20.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành dự kiến: 1.459.306.157 cổ phiếu
- Vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến: 14.593.061.570.000 đồng.

Phương án chi tiết như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 66.944.472 cổ phiếu.
2. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 669.444.720.000 đồng.
3. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%.
4. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
5. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX.
6. Thời gian dự kiến phát hành: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
7. Phương án làm tròn, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
8. Các nội dung khác: Theo Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2024.

II. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 66.944.472 cổ phiếu.
2. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 669.444.720.000 đồng.
3. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%.
4. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
5. Nguồn vốn phát hành: Thặng dư vốn cổ phần trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX.
6. Thời gian dự kiến phát hành: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
7. Phương án làm tròn, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
8. Các nội dung khác: Theo Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2024.

III. Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

1. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 635.972.488 cổ phiếu
2. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 95%
4. Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:95 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua sẽ được mua 95 cổ phiếu mới)
5. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 6.359.724.880.000 đồng
6. Tỷ lệ chào bán thành công: Không áp dụng
7. Thời gian dự kiến chào bán: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
8. Phương thức phân phối: Chào bán thêm cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
9. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.
10. Các nội dung khác: Theo Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCĐ ngày 12/04/2024.

IV. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000.000 cổ phiếu.
2. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
3. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng.
4. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 2,99%.
5. Hạn chế chuyển nhượng:
 - Quyền mua cổ phiếu ESOP không được phép chuyển nhượng;
 - Cổ phiếu phát hành ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
6. Thời gian dự kiến phát hành: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
7. Mục đích phát hành:
 - + Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ nhân viên, đồng thời khích lệ tinh thần làm việc, gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động và sự phát triển của Công ty.
 - + Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Các nội dung khác: Theo Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCĐ ngày 12/04/2024.

V. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi chào bán

Giá cổ phiếu VIX sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá thị trường của cổ phiếu VIX sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (Pr_i \times I)}{1 + I_i}$$

Trong đó:

- P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền

- P_t : Giá cổ phiếu VIX tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_r : Giá phát hành thêm
- I_j : Là tỷ lệ phát hành cổ phiếu

Giá định tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền, giá thị trường của cổ phiếu VIX là 20.000 đồng/cổ phiếu và đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được thực hiện cùng với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Khi đó, cổ đông được quyền mua cổ phần theo phương án chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 100:95 (tương đương 95%) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, quyền được nhận cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%) và quyền được nhận cổ phiếu thưởng từ đợt phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 10%), thì giá cổ phiếu VIX bị pha loãng là:

$$P_{pl} = \frac{20.000 + (10.000 \times 0,95)}{1 + 0,95 + 0,1 + 0,1} = 13.720 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán với nội dung sau:

1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 6.559.724.880.000 đồng
2. Phương án sử dụng vốn: Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (6.359.724.880.000 đồng) và phát hành cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (200.000.000.000 đồng) sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán của Công ty, dự kiến như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (VND)	Tỷ lệ tương ứng	Tiến độ sử dụng vốn
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh	3.279.862.440.000	50%	Ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
2	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	3.279.862.440.000	50%	Ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
Tổng cộng		6.559.724.880.000	100%	

Điều 3: Giao và uỷ quyền Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị giám sát chỉ đạo, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/hiện);
- Lưu VT, HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



THAI HOÀNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2024/VIX/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thành lập Ban điều hành ESOP và Quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Quy chế ESOP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ngày 12/04/2024 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP);
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 24/04/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc thành lập Ban điều hành chương trình chào bán cổ phiếu cho người lao động (gọi tắt là Ban điều hành ESOP) gồm các ông, bà có tên dưới đây:

- Ông Trương Ngọc Lân, Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Trưởng ban
- Ông Đỗ Ngọc Đĩnh, Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn - Phó ban
- Bà Nguyễn Thị Hiền, Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính nhân sự - Thành viên

Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của Ban điều hành ESOP được quy định tại Quy chế ESOP.

Điều 2: Thông qua Quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Quy chế ESOP) (Đính kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Giao Ban điều hành ESOP, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT, HĐQT.



THÁI HOÀNG LONG

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024

QUY CHẾ
CHÀO BÁN CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH
LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
(Quy chế ESOP)

(Ban hành theo Nghị quyết số 13/2024/VIX/NQ-HĐQT)

I. MỤC ĐÍCH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ nhân viên, đồng thời khích lệ tinh thần làm việc, gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động và sự phát triển của Công ty.
- Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. CHƯƠNG TRÌNH ESOP

2.1. Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia:

- Là người lao động đã có quá trình gắn bó hoặc có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty.
- Có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty và có khả năng phát triển trong tương lai.
- Có điều kiện để tiếp tục cống hiến cho Công ty.
- Các đối tượng được xét chọn tham gia chương trình theo quyết định của HĐQT Công ty.
- Các trường hợp đặc biệt khác: Các chuyên gia, cố vấn, đội ngũ cán bộ kế cận thuộc diện quy hoạch.

2.2. Quyền lợi khi tham gia chương trình:

Các thành viên tham gia chương trình ESOP (sau đây gọi tắt là “**Thành viên ESOP**”) sẽ được các quyền lợi sau:

- Được quyền mua cổ phiếu chào bán tương ứng với thành tích đạt được.
- Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông theo quy định trong Quy chế này.
- Trường hợp Thành viên ESOP vi phạm các quy định, quy chế của Công ty sẽ lập tức bị thu hồi lại quyền mua cổ phiếu chào bán của chương trình ESOP.

2.3. Nguyên tắc phân phối cổ phiếu ESOP:

- Ban điều hành ESOP công khai danh sách xét chọn các thành viên tham gia chương trình ESOP.

Cách tính cổ phiếu được quyền mua của mỗi thành viên ESOP như sau:

- + Số cổ phiếu được quyền mua được tính dựa trên 3 tiêu chí: Hệ số thời gian làm việc, Hệ số chức vụ và Hệ số đóng góp.

$$\text{CPduocquyenmua} = \text{HSdonggop} \times \text{HSthoigian} \times \text{HSchucvu} \times 1.000$$

Trong đó:

- CPduocquyenmua : Số số phiếu được quyền mua.
 - HSDonggop : Hệ số đóng góp.
 - HSthoigian : Hệ số thời gian làm việc.
 - HSchucvu : Hệ số chức vụ.
- + Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế quy định các hệ số để phân phối quyền mua cổ phiếu cho người lao động.
 - + Số cổ phiếu còn dư do người lao động không mua hết và/hoặc không mua cổ phiếu được Hội đồng quản trị tiếp tục phân phối cho người lao động khác đủ điều kiện với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Người lao động đã tham gia mua cổ phiếu ESOP vẫn có thể tiếp tục được phân phối số cổ phiếu ESOP chưa phân phối hết theo phê duyệt của HĐQT Công ty.

2.4. Các trường hợp bị thu hồi quyền mua cổ phiếu

Thành viên ESOP sẽ bị bãi nhiệm tư cách thành viên và bị thu hồi toàn bộ quyền mua cổ phiếu nếu:

- Cán bộ, nhân viên chuyển công tác;
- Cán bộ, nhân viên vi phạm kỷ luật Công ty;
- Riêng trường hợp cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí đúng tuổi thì không bị thu hồi;
- Trường hợp cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trước tuổi, qua đời, Ban điều hành ESOP sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định cho thành viên đó hoặc người thừa kế theo luật định hưởng các quyền lợi của cổ phiếu trong chương trình ESOP.

2.5. Kết thúc ESOP

Khi chương trình ESOP kết thúc, tất cả những thành viên ESOP được hưởng toàn quyền sở hữu cổ phiếu đã được phân phối và các lợi ích khác liên quan trong năm kết thúc chương trình.

2.6. Ban điều hành ESOP:

Ban điều hành ESOP do HĐQT Công ty quyết định bổ nhiệm, có trách nhiệm lựa chọn đối tượng tham gia, phân phối, theo dõi và điều hành toàn bộ hoạt động của chương trình ESOP cho đến khi kết thúc chương trình.

2.7. Thời gian của Chương trình ESOP:

Chương trình sẽ thực hiện từ ngay sau khi HĐQT Công ty thông qua nghị quyết triển khai Chương trình ESOP cho đến khi kết thúc chương trình hoặc đến khi Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông Công ty có quyết định khác.



2.8. Nguồn cổ phiếu cho chương trình ESOP:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán theo chương trình ESOP: 20.000.000 cổ phiếu.
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 200.000.000.000 đồng.
- Hạn chế chuyển nhượng: Số lượng cổ phiếu chào bán theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Cán bộ nhân viên tham gia chương trình ESOP không được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác.

2.9. Triển khai thực hiện:

- **Bước 01:** Ban điều hành ESOP căn cứ Quy chế ESOP để lựa chọn cán bộ nhân viên đủ điều kiện tham gia ESOP và trình HĐQT phê duyệt.
- **Bước 02:** Tuyên truyền chính sách ESOP đến tất cả các cán bộ nhân viên trong Công ty.
- **Bước 03:** Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty.
- **Bước 04:** Đánh giá lại kết quả thực hiện của từng cá nhân người lao động tham gia chương trình cũng như hiệu quả của chương trình ESOP mang lại để trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời nhằm mang lại hiệu quả tối ưu của chương trình.

2.10. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế ESOP:

- Theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT là cơ quan cao nhất có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế ESOP cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Khi có quy định của pháp luật liên quan đến chương trình cổ phiếu chào bán cho người lao động trong Công ty thì Quy chế này sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Tổng Giám đốc, các thành viên và Ban điều hành ESOP, Trưởng các đơn vị, phòng ban và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÁI HOÀNG LONG

Số: 15/2024/VIX/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2024.
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 24/04/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ gồm những tài liệu sau:

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Bản cáo bạch;
- Điều lệ công ty;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2024 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu năm 2024;
- Tờ trình số 05/2024/VIX/TT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 22/03/2024;
- Tờ trình số 06/2024/VIX/TT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 22/03/2024;
- Tờ trình số 07/2024/VIX/TT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 22/03/2024;
- Báo cáo tài chính Công ty năm 2022, 2023 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính Công ty quý gần nhất;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất;
- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động lần thay đổi gần nhất;
- Nghị quyết HĐQT về việc thành lập Ban điều hành ESOP và Quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Quy chế ESOP).
- Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu năm 2024 và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024;
- Văn bản cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu;



- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- Văn bản cam kết Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất đã được kiểm toán trong 2 năm;
- Các tài liệu liên quan khác.

Điều 2: Giao và uỷ quyền cho Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm nộp Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) xem xét, phê duyệt đồng thời có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo Quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Lưu VT, HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THAI HOÀNG LONG



Số: 18/2024/VIX/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua trình tự, thời gian thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và chi tiết nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối theo chương trình ESOP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCĐ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ngày 12/04/2024;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 24/04/2024 thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu năm 2024 và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 24/04/2024 về việc thành lập Ban điều hành ESOP và Quy chế ESOP
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 11/06/2024

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua trình tự thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024 của VIX theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Thông qua việc triển khai thực hiện 4 phương án: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) trong cùng 1 đợt, cụ thể:

- Sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông để thực hiện đồng thời các quyền: (1) quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức và (2) quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng), và (3) quyền mua cổ phiếu phát hành thêm vào cùng một ngày.

- Thời gian bắt đầu và kết thúc đợt phát hành cổ phiếu ESOP trùng với thời gian phân phối của 03 phương án nêu trên. Theo đó số lượng cổ phiếu được phân phối theo chương trình ESOP này sẽ không được hưởng quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu năm 2024.

Điều 2: Thông qua thời gian thực hiện việc phát hành cổ phiếu năm 2024:

Trong Quý III – Quý IV/2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 3: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Theo thông báo số 438/UBCK-QLKD ngày 24/01/2022 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VIX là 100%.
- Hội đồng quản trị thông qua việc Nhà đầu tư nước ngoài sẽ không bị hạn chế mua cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024 của VIX.
- Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo phương án phát hành cổ phiếu của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành trong việc chào bán cho cổ đông nước ngoài.

Điều 4: Thông qua chi tiết nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối theo chương trình ESOP.

Số cổ phiếu được quyền mua được tính theo 3 tiêu chí: Hệ số thời gian làm việc, Hệ số chức vụ và Hệ số đóng góp.

$$Cpduocquyenmua = HSdonggop \times HSthoigian \times HSchucvu \times 1.000$$

Trong đó:

- CPduocquyenmua : Số cổ phiếu được quyền mua.
- HSdonggop : Hệ số đóng góp.
- HSthoigian : Hệ số thời gian làm việc.
- HSchucvu : Hệ số chức vụ.

Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu được quyền mua (Cpduocquyenmua) được làm tròn đến hàng nghìn cổ phiếu.

Chi tiết các *Hệ số* được xác định theo Phụ lục đính kèm.

Điều 5: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 (t/hiện);
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 

CHỦ TỊCH



THAI HOÀNG LONG

70
CÔNG
CỔ P
ỨNG
VI
TRUN

**PHỤ LỤC: CHI TIẾT XÁC ĐỊNH CÁC HỆ SỐ
THEO NGUYÊN TẮC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP**
(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/2024/VIX/NQ-HĐQT)

1. Hệ số đóng góp:

Căn cứ vào các tiêu chí và đặc thù công việc của mỗi nhân sự tại các bộ phận/phòng ban, hệ số đóng góp sẽ được tính toán dựa theo Thời gian làm thêm giờ (OT) và Số lần được khen thưởng, có thành tích đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty. Hệ số đóng góp được tính như sau:

- Đối với Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc: Hệ số đóng góp = 10
- Đối với Thành viên HĐQT: Hệ số đóng góp = 1
- Đối với những CBNV còn lại Hệ số đóng góp được xác định:

$$\text{Hệ số đóng góp} = \text{Hệ số OT} + \text{Hệ số khen thưởng}$$

Trong đó:

- + Hệ số OT (Hệ số làm thêm giờ): Là số giờ làm thêm bình quân tháng trong 6 tháng gần nhất của mỗi người lao động (Tính từ tháng 10/2023 – tháng 03/2024). Mỗi giờ làm thêm sẽ có hệ số là 1, trường hợp người lao động có số giờ làm thêm bình quân tháng bị lẻ, Hệ số OT sẽ được tính làm tròn đến hàng thập phân thứ 2.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A có số giờ làm thêm hàng tháng như sau:

Tháng	Thời gian làm thêm giờ
Tháng 10/2023	5
Tháng 11/2023	3
Tháng 12/2023	4
Tháng 1/2024	2
Tháng 2/2024	4
Tháng 3/2024	1
Bình quân tháng	3,16666

Hệ số OT của ông A được làm tròn là 3,17

- + Hệ số khen thưởng = Số Giấy khen thưởng x 10

Người lao động được khen thưởng là: Người có sáng kiến, ý tưởng trong việc xây dựng hệ thống giao dịch; Người có thành tích trong việc sáng tạo, xây dựng sản phẩm mới; Người đạt thành tích, kết quả công việc tốt; Người có đóng góp trong cải tiến công việc đem lại hiệu quả cao,... và được nhận Giấy khen thưởng do Tổng Giám đốc Công ty ký trong 10 năm gần đây, kể từ năm 2015 – nay.

C. T.
3 TY
HÂN
KHOÁ
X
G - TP.

2. **Hệ số thời gian làm việc:**

Căn cứ vào thời gian công tác làm việc của từng nhân sự tại Công ty, *Hệ số thời gian làm việc* được xác định theo bảng sau:

STT	Năm công tác tại VIX (Năm)	Hệ số Thời gian làm việc
1	≥ 8	3
2	3 - 7	2
3	< 3	1

3. **Hệ số chức vụ:**

Căn cứ vào vị trí, chức vụ của mỗi nhân sự tại Công ty, *Hệ số chức vụ* được tính theo bảng sau:

STT	Mã chức vụ	Chức vụ	Hệ số Chức vụ
1	HĐQT	Hội đồng quản trị	50
2	BDH	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	50
		Phó Tổng Giám đốc	30
3	TL.HĐQT	Trợ lý HĐQT	20
4	GĐK/GĐ	Giám đốc Khối/Giám đốc	20
5	KTT	Kế toán trưởng	20
6	PT	Phụ trách	20
7	TP	Trưởng phòng/Phó phòng	20
8	CV	Chuyên viên	10
9	NV	Nhân viên	5



Số: 19/2024/VIX/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư được mua cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết trong phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và bổ sung hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/VIX/NQ-ĐHCĐ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ngày 12/04/2024;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 24/04/2024 thông qua việc triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu năm 2024 và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 24/04/2024 về việc thành lập Ban điều hành ESOP và Quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Quy chế ESOP);
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 24/04/2024 thông qua hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 11/06/2024 thông qua trình tự, thời gian thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và chi tiết nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối theo chương trình ESOP;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 25/06/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư được mua cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết trong phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

- + Hội đồng quản trị xét thấy có khả năng đóng góp vào sự phát triển của Công ty trong tương lai;



- + Có đủ năng lực tài chính để thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu theo đúng thời hạn, đảm bảo tiến độ đợt chào bán;
- + Chấp nhận điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Điều 2: Thông qua việc Bổ sung hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024 gồm những tài liệu sau:

- Nghị quyết HĐQT số 18/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 11/06/2024 về việc thông qua trình tự, thời gian thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và chi tiết nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối theo chương trình ESOP;
- Nghị quyết HĐQT số 19/2024/VIX/NQ-HĐQT ngày 25/06/2024 về việc Thông qua Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư được mua cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết trong phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Bổ sung hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Lưu VT, HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Thái Hoàng Long



Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 09-07-2024
Số chứng thực: 1448 Quyền số: 07.SCT/BS



TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
Nguyễn Chu Hương



Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	17 - 18
Thuyết minh báo cáo tài chính	19 - 66

7
ÔN
Ổ P
IG
VI
NG

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 113/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2022.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 300.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.821.391.890.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Tuấn Dũng Bà Nguyễn Thị Tuyết	Phụ trách HĐQT Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023 Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021 Miễn nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT ngày 02 tháng 11 năm 2022 Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 10 tháng 2 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021 Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 02 tháng 11 năm 2022
Bà Cao Thị Hồng Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021 Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ Bà Nguyễn Thị Duyên Bà Ngô Thị Hồng Duyên	Trưởng ban Thành viên Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021 Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021 Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Ông Đỗ Ngọc Đỉnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 18 tháng 10 năm 2022 là Bà Nguyễn Thị Tuyết, chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 19 tháng 10 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Ngọc Lân, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2023



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60933477/22987698

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 66, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.120.725.819.241	4.711.549.942.912
110	I. Tài sản tài chính		8.120.406.137.598	4.711.347.981.389
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.349.906.924.794	80.418.561.952
111.1	1.1. Tiền		1.349.906.924.794	80.418.561.952
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	4.892.226.747.288	1.600.450.372.463
114	3. Các khoản cho vay	7.2	1.793.853.654.808	2.990.176.738.825
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.3	(2.734.405.440)	(2.734.405.440)
117	5. Các khoản phải thu	8	85.328.650.661	27.546.358.798
117.2	5.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		85.328.650.661	27.546.358.798
117.4	5.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		85.328.650.661	27.546.358.798
118	6. Trả trước cho người bán	8	216.512.500	13.302.472.500
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	14.488.874.185	15.187.283.791
122	8. Các khoản phải thu khác		310.620.558	198.155.816
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(13.191.441.756)	(13.197.557.316)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		319.681.643	201.961.523
131	1. Tạm ứng		30.000.000	15.000.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		32.614.722	34.351.087
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	257.066.921	102.670.630
136	4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	49.939.806

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.343.794.799	18.035.412.793
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		1.500.000.000	1.500.000.000
212	1. Các khoản đầu tư	9	1.500.000.000	1.500.000.000
212.4	1.1. Đầu tư dài hạn khác		1.500.000.000	1.500.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.500.084.053	2.451.978.735
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.060.994.052	2.451.978.735
222	1.1. Nguyên giá		19.695.268.759	18.136.437.144
223a	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(16.634.274.707)	(15.684.458.409)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	439.090.001	-
228	2.1. Nguyên giá		12.452.656.371	11.990.456.371
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(12.013.566.370)	(11.990.456.371)
250	III. Tài sản dài hạn khác		22.343.710.746	14.083.434.058
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		725.362.280	545.787.441
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	507.541.971	649.106.325
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21	5.722.335.021	-
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	15.388.471.474	12.888.540.292
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.148.069.614.040	4.729.585.355.705

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		284.995.914.812	967.910.100.548
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		284.848.411.475	449.269.607.690
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.1	-	250.000.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		-	250.000.000.000
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	14.2	-	100.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	4.529.071.720	5.396.440.672
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	16	264.840.000.000	-
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	-	50.000.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	11.010.976.759	55.916.532.197
323	7. Phải trả người lao động		3.636.890.034	3.330.890.034
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	422.793.140	33.108.654.509
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	408.679.822	1.467.090.278
340	II. Nợ phải trả dài hạn		147.503.337	518.640.492.858
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	14.2	-	500.000.000.000
347	2. Phải trả người bán dài hạn	16	147.503.337	147.503.337
356	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	21	-	18.492.989.521
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.863.073.699.228	3.761.675.255.157
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.3	7.863.073.699.228	3.761.675.255.157
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		7.194.365.835.000	2.745.951.190.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		5.821.391.890.000	2.745.952.290.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		5.821.391.890.000	2.745.952.290.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		1.372.973.945.000	(1.100.000)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		84.018.478.276	84.018.478.276
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		86.480.740.231	86.480.740.231
416	4. Các quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu		2.462.261.955	2.462.261.955
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	22.4	495.746.383.766	842.762.584.695
417.1	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		518.635.723.854	768.790.626.613
417.2	5.2 (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện		(22.889.340.088)	73.971.958.082
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.148.069.614.040	4.729.585.355.705

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT	23		
005	Ngoại tệ các loại (EUR)	23.1	-	34,72
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	22.2	582.139.189	274.595.229
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND)	23.2	973.375.680.000	128.384.070.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	23.3	114.000.000.000	-
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK(VND)	23.4	2.045.781.240.000	861.100.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	23.5	7.975.871.450.000	7.866.112.600.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		6.394.823.000.000	5.658.737.450.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		94.350.150.000	34.297.150.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.380.085.150.000	1.951.815.680.000
021.4	Tài sản tài chính bị phong tỏa, giam giữ		70.000	-
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		106.613.080.000	221.262.320.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	23.6	40.357.540.000	34.918.160.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		2.316.070.000	20.450.400.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		38.041.470.000	14.467.760.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của khách hàng (VND)	23.7	407.079.236.542	1.404.129.107.783
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.7	406.953.083.908	1.404.005.283.526
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng (VND)	23.7	788.119	1.050.117
030	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (VND)	23.7	125.364.515	122.774.140
	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước (VND)		4.583.789	1.971.144
	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài (VND)		120.780.726	120.802.996
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.8	116.119.182.806	252.030.399.613
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		115.421.847.250	249.482.687.226
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		697.335.556	2.547.712.387
036	Phải trả VSD về thanh toán bù trừ (VND)	23.9	290.960.053.736	1.152.098.708.170

Người lập biểu

Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		766.729.920.335	1.098.536.704.673
1.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	268.926.712.836	775.883.110.467
1.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	234.747.155.966	77.830.354.563
1.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.3	263.056.051.533	244.823.239.643
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.4	187.947.499.552	185.038.265.515
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25	155.246.032.483	220.092.671.463
07	4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	25	69.495.000.000	53.666.990.400
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	25	3.205.938.168	5.934.541.678
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	25	4.824.303.025	6.279.293.170
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.187.448.693.563	1.569.548.466.899
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		626.834.206.840	477.260.938.410
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	271.010.428.162	298.439.818.021
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	355.823.778.678	178.821.120.389
26	2. Chi phí hoạt động tự doanh	27	36.910.005.891	9.500.619.467
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	82.569.909.861	100.851.640.079
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	5.560.300.782	7.044.323.102
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	1.958.951.466	1.765.388.151
32	6. Chi phí hoạt động khác	28	989.991.830	978.511.225
40	Cộng chi phí hoạt động		754.823.366.670	597.401.420.434

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		7.591.784.577	4.337.600.159
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	26	7.591.784.577	4.337.600.159
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	1. Chi phí lãi vay	29	37.920.330.630	49.766.632.881
60	Cộng chi phí tài chính		37.920.330.630	49.766.632.881
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	25.969.856.306	18.724.213.712
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		376.326.924.534	907.993.800.031
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	31		
71	1. Thu nhập khác		6.802.875	192.503.302
72	2. Chi phí khác		13	1.005.009.744
80	Cộng kết quả hoạt động khác		6.802.862	(812.506.442)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		376.333.727.396	907.181.293.589
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		497.410.350.108	1.008.172.059.415
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(121.076.622.712)	(100.990.765.826)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	32	64.348.343.525	171.434.302.798
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	88.563.668.067	191.632.455.963
100.2	2. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	(24.215.324.542)	(20.198.153.165)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		311.985.383.871	735.746.990.791
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		311.985.383.871	735.746.990.791
501	LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	33	640	3.577

Người lập biểu

Người kiểm soát







Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Ông Trương Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		376.333.727.396	907.181.293.589
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(78.177.442.359)	18.487.241.431
03	Khấu hao TSCĐ		972.926.297	788.124.985
04	Các khoản dự phòng		(6.115.560)	(183.557.478)
06	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	29	37.920.330.630	49.766.632.881
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.591.784.577)	(4.337.600.159)
08	Dự thu tiền lãi		(109.472.799.149)	(27.546.358.798)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		355.823.778.678	178.821.120.389
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	24.2	355.823.778.678	178.821.120.389
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(234.747.155.966)	(77.830.354.563)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(234.747.155.966)	(77.830.354.563)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		419.232.907.749	1.026.659.300.846
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(3.412.852.997.537)	(557.901.787.338)
33	Giảm/(Tăng) các khoản cho vay		1.196.323.084.017	(2.120.672.658.384)
35	Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		-	29.535.000
36	Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		57.782.291.863	23.795.072.344
37	Giảm/(Tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		698.409.606	(354.330.098)
39	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu khác		12.973.495.258	(4.321.250.973)
40	(Tăng)/Giảm các tài sản khác		(142.898.668)	749.337.400
41	(Giảm)/Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(41.313.422)	116.846.500
42	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(12.831.937)	745.857.051
43	Thuế TNDN đã nộp	32.1	(130.897.337.643)	(162.964.689.425)
44	Lãi vay đã trả		(70.515.237.823)	(23.706.084.934)
45	Tăng/(Giảm) phải trả cho người bán		264.790.000.000	(15.440.714.000)
47	(Giảm)/Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(2.621.526.616)	7.123.066.669
48	Tăng phải trả người lao động		306.000.000	703.000.000
50	(Giảm)/Tăng phải trả, phải nộp khác		(1.925.779.408)	4.753.242.682
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.499.931.182)	(2.395.882.884)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.669.403.665.743)	(1.823.082.139.544)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2.021.031.615)	(996.000.000)
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.500.000.000	1.755.823.860
70	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(521.031.615)	759.823.860
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.118.927.335.000	1.277.189.250.000
73	Tiền vay gốc		750.000.000.000	1.550.000.000.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.600.000.000.000)	(980.000.000.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(329.514.274.800)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.939.413.060.200	1.847.189.250.000
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		1.269.488.362.842	24.866.934.316
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	80.418.561.952	55.551.627.636
101.1	Tiền		80.418.561.952	55.551.627.636
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	1.349.906.924.794	80.418.561.952

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		65.055.912.863.017	83.643.168.349.112
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(65.055.910.534.640)	(83.643.048.270.040)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		77.468.739.099.210	86.091.640.442.893
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(78.465.791.298.828)	(85.094.087.250.850)
20	Giảm/Tăng tiền thuần trong năm		(997.049.871.241)	997.673.271.115
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.404.129.107.783	406.455.836.668
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.404.005.283.526	406.452.091.483
33	Trong đó có kỳ hạn:			
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.050.117	1.278.715
	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		122.774.140	2.466.470

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		407.079.236.542	1.404.129.107.783
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		406.953.083.908	1.404.005.283.526
43	Trong đó có kỳ hạn			
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		788.119	1.050.117
	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		125.364.515	122.774.140

Người lập biểu



Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2021	Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.277.189.750.000	2.745.952.290.000	1.468.762.540.000	-	3.075.439.600.000	-	2.745.952.290.000	5.821.391.890.000
1.1.Cổ phiếu phổ thông		1.277.189.750.000	2.745.952.290.000	1.468.762.540.000	-	3.075.439.600.000	-	2.745.952.290.000	5.821.391.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	(1.100.000)	-	(1.100.000)	1.372.975.045.000	-	(1.100.000)	1.372.973.945.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		47.231.128.736	84.018.478.276	36.787.349.540	-	-	-	84.018.478.276	84.018.478.276
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		49.693.390.691	86.480.740.231	36.787.349.540	-	-	-	86.480.740.231	86.480.740.231
5. Các Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu		2.462.261.955	2.462.261.955	-	-	-	-	2.462.261.955	2.462.261.955

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2021	Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
		A	B	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		372.538.290.453	842.762.584.695						
6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		217.773.719.710	768.790.626.613	816.539.603.452	(346.315.309.210)	408.846.682.041	(755.862.882.970)	842.762.584.695	495.746.383.766
6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		154.764.570.743	73.971.958.082	(80.792.612.661)		408.846.682.041	(659.001.584.800)	768.790.626.613	518.635.723.854
TỔNG CỘNG	22	1.749.114.821.835	3.761.675.255.157	2.358.876.842.532	(346.316.409.210)	4.857.261.327.041	(755.862.882.970)	3.761.675.255.157	7.863.073.699.228

Người lập biểu



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2023

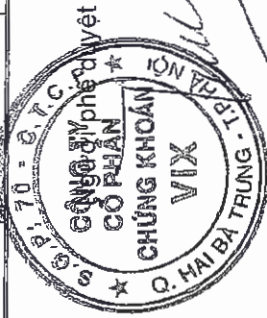
Người kiểm soát



Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 113/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2022.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 300.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.821.391.890.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 52 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 51 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty 5.821.391.890.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.745.952.290.000 VND).

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt nhất trên thị trường Việt Nam. Công ty luôn nỗ lực xây dựng niềm tin bền vững, nhằm mang lại những giá trị và lợi ích cao nhất cho các khách hàng, đối tác, và cộng đồng, cho các cổ đông và từng nhân viên của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoại trừ những thay đổi sau trong chính sách kế toán:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114")

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114 với các thay đổi chủ yếu sau:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để chỉnh bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán (tiếp theo)

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay bao gồm:

- ▶ Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- ▶ Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (02) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

- ▶ Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày đánh giá nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại giá trị chứng khoán. Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán, sẽ là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên quy định nội bộ của Công ty và theo pháp luật.

Giá quy định nội bộ của Công ty là giá trị trung bình dựa trên báo giá tối thiểu của ba (03) Công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu của ba (03) Công ty chứng khoán, sẽ sử dụng giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48 của Bộ Tài chính.

4.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.8 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối mỗi kỳ kế toán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các đơn vị nhận vốn góp bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động" trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

4.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	4 - 5 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
Tài sản hữu hình khác	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	4 - 5 năm

4.12 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.14 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.16 Lợi ích của nhân viên

4.16.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.16.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.16.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công ty được giảm mức đóng BHTN từ 1% xuống bằng 0% trong 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.19 Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.22 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Các quỹ

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Căn cứ thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, từ năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Công ty sẽ xử lý số dư các quỹ theo Thông tư số 114/2021/TT-BTC.

4.23 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.24 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.25 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	-	28.303.212
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.349.894.008.564	80.377.033.291
Tiền gửi bù trừ và thanh toán trong giao dịch chứng khoán	12.916.230	13.225.449
Tổng cộng	<u>1.349.906.924.794</u>	<u>80.418.561.952</u>

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
Của Công ty	419.543.220	32.035.551.858.023
- Cổ phiếu	349.308.229	8.900.731.545.180
- Trái phiếu	70.232.091	20.172.640.113.993
- Chứng khoán khác	2.900	2.962.180.198.850
Của nhà đầu tư	3.451.497.277	103.151.797.082.040
- Cổ phiếu	3.449.036.877	103.041.648.605.040
- Trái phiếu	1.066.000	109.292.484.000
- Chứng khoán khác	1.394.400	855.993.000
Tổng cộng	<u>3.871.040.497</u>	<u>135.187.348.940.063</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	2.507.532.397.511	2.272.177.540.040	614.482.164.888	704.886.410.300
EIB	840.000.000.000	838.500.000.000	79.200	235.900
VGC	291.295.708.577	210.244.112.000	291.295.708.577	330.916.768.000
NVL	289.825.946.189	252.796.292.000	-	-
GEX	443.282.275.000	311.657.880.000	-	-
IDC	-	-	305.794.670.571	348.480.000.000
Cổ phiếu niêm yết khác	643.128.467.745	658.979.256.040	17.391.706.540	25.489.406.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	672.201.635.556	878.944.817.917	13.430.438.627	15.491.140.817
VAV	2.042.408.074	2.172.600.000	2.042.408.074	2.743.440.000
HEM	11.382.917.000	22.607.048.100	11.376.707.000	12.737.901.400
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	520.000.000.000	715.390.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	138.765.000.000	138.765.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	11.310.482	10.169.817	11.323.553	9.799.417
Trái phiếu chưa niêm yết	1.741.104.389.331	1.741.104.389.331	880.072.821.346	880.072.821.346
Tổng cộng	4.920.838.422.398	4.892.226.747.288	1.507.985.424.861	1.600.450.372.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (*)	1.677.778.935.700	1.675.044.530.260	2.640.768.633.182	2.638.034.227.742
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán (**)	116.074.719.108	116.074.719.108	349.408.105.643	349.408.105.643
Tổng	1.793.853.654.808	1.791.119.249.368	2.990.176.738.825	2.987.442.333.385

(*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty.

(**) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(***) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.3 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	2.734.405.440	2.734.405.440
Trích lập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	2.734.405.440	2.734.405.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính như sau:

Các loại tài sản tài chính	Năm nay				Năm trước				
	Giá mua/Giá gốc		Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch đánh giá		
	VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
FVTPL									
Cổ phiếu niêm yết	2.507.532.397.511	29.495.398.546	(264.850.256.017)	2.272.177.540.040	614.482.164.888	90.405.183.824	(938.412)	704.886.410.300	
Cổ phiếu chưa niêm yết	672.201.635.556	206.744.946.026	(1.763.665)	878.944.817.917	13.430.438.627	2.062.289.076	(1.586.886)	15.491.140.817	
Trái phiếu chưa niêm yết	1.741.104.389.331	-	-	1.741.104.389.331	880.072.821.346	-	-	880.072.821.346	
Tổng cộng	4.920.838.422.398	236.240.344.572	(264.852.019.682)	4.892.226.747.288	1.507.985.424.861	92.467.472.900	(2.525.298)	1.600.450.372.463	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính Trả trước cho người bán	85.328.650.661	27.546.358.798
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp <i>Trong đó: Phải thu khó đòi</i>	216.512.500	13.302.472.500
Phải thu khác	14.488.874.185	15.187.283.791
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	13.191.441.756	13.197.557.316
	310.620.558	198.155.816
	(13.191.441.756)	(13.197.557.316)
Tổng cộng	87.153.216.148	43.036.713.589

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập/ xử lý nợ trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	13.197.557.316	13.197.557.316	-	(6.115.560)	13.191.441.756	13.191.441.756
Tổng	13.197.557.316	13.197.557.316	-	(6.115.560)	13.191.441.756	13.191.441.756

Đây là các khoản dự phòng phải thu khó đòi các Khách hàng cũ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom (tên gọi trước đây của Công ty) từ năm 2014 trở về trước và đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Hàng không (i)	1.500.000.000	1.500.000.000
Tổng cộng	1.500.000.000	1.500.000.000

(i) Đây là phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không ("AVSC").

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	13.667.537.391	2.679.053.700	964.278.339	825.567.714	18.136.437.144
Mua trong năm	30.900.000	1.527.931.615	-	-	1.558.831.615
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	13.698.437.391	4.206.985.315	964.278.339	825.567.714	19.695.268.759
Khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.040.331.521	2.059.619.545	964.278.339	620.229.004	15.684.458.409
Khấu hao trong năm	550.346.252	312.470.046	-	87.000.000	949.816.298
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.590.677.773	2.372.089.591	964.278.339	707.229.004	16.634.274.707
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.627.205.870	619.434.155	-	205.338.710	2.451.978.735
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.107.759.618	1.834.895.724	-	118.338.710	3.060.994.052

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.952.935.517	12.952.935.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i> <u>VND</u>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	11.990.456.371
Mua trong năm	<u>462.200.000</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>12.452.656.371</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	11.990.456.371
Hao mòn trong năm	<u>23.109.999</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>12.013.566.370</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>-</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>439.090.001</u>

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	<u>11.990.456.371</u>	<u>11.990.456.371</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i> <u>VND</u>	<i>Số đầu năm</i> <u>VND</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	257.066.921	102.670.630
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ ngắn hạn	63.502.597	2.905.304
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	193.564.324	99.765.326
Chi phí trả trước dài hạn	507.541.971	649.106.325
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ dài hạn	436.431.699	162.830.494
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>71.110.272</u>	<u>486.275.831</u>
Tổng cộng	<u>764.608.892</u>	<u>751.776.955</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD").

Theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.255.659.836	9.502.000.269
Tiền lãi phân bổ	4.012.811.638	3.266.540.023
Tổng cộng	15.388.471.474	12.888.540.292

14. VAY NGẮN HẠN VÀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

14.1 Vay ngắn hạn

	<i>Năm trước VND</i>	<i>Tăng trong năm VND</i>	<i>Giảm trong năm VND</i>	<i>Năm nay VND</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Lãi suất: 6,52%/năm)	150.000.000.000	150.000.000.000	(300.000.000.000)	-
Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Lãi suất: 9,5%/năm)	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	200.000.000.000	(200.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	400.000.000.000	(400.000.000.000)	-
Tổng cộng	250.000.000.000	750.000.000.000	(1.000.000.000.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY NGẮN HẠN VÀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (tiếp theo)

14.2 Trái phiếu phát hành

	Năm trước VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Năm nay VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (Lãi suất: 9.5%) (i)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (Lãi suất: 8.00% và 10.5%) (ii)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Tổng cộng	600.000.000.000	-	600.000.000.000	-

Trái phiếu do Công ty phát hành là trái phiếu thường.

(i) Trong năm 2020, Công ty đã phát hành riêng lẻ 2.000 trái phiếu không chuyển đổi, có đảm bảo bằng tài sản kỳ hạn 2 năm, lãi suất cố định cho tất cả các kỳ tính lãi là 9.5%/năm, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu để đầu tư kinh doanh chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, tăng quy mô vốn cho các hoạt động khác của công ty. Năm 2021, Công ty đã mua lại trước hạn 100 tỷ và 100 tỷ còn lại đã đáo hạn ngày 02 tháng 03 năm 2022. Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản tài chính thuộc sở hữu của bên thứ ba.

(ii) Trong năm 2021, Công ty đã phát hành riêng lẻ 5.000 trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo không kèm chứng quyền, kỳ hạn 3 năm, lãi suất cố định cho tất cả các kỳ tính lãi là 8%/năm và 10,5%/năm với mệnh giá là 100.000.000 VND/trái phiếu. Vào ngày 10 tháng 06 năm 2022, Công ty đã mua lại trước hạn 300 tỷ. Ngày 04 tháng 10 năm 2022, Công ty đã mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu đã phát hành còn lại trị giá 200 tỷ.

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (phí giao dịch chứng khoán)	4.224.140.387	5.097.933.425
Phải trả VSD (phí lưu ký, phí chuyển khoản)	304.931.333	298.507.247
Tổng cộng	4.529.071.720	5.396.440.672

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	264.840.000.000	-
Phải trả về mua tài sản tài chính	264.840.000.000	-
Phải trả người bán dài hạn	147.503.337	147.503.337
TỔNG CỘNG	264.987.503.337	147.503.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước về dịch vụ tư vấn	-	50.000.000
	-	50.000.000

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế GTGT	10.438.374	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	3.242.663.098	45.576.332.674
Thuế thu nhập cá nhân – nộp hộ khách hàng ("TNCN – KH")	6.846.655.114	8.293.532.266
Thuế thu nhập cá nhân – nộp hộ nhân viên ("TNCN – NV")	911.220.173	2.046.667.257
Tổng cộng	11.010.976.759	55.916.532.197

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm:

Đơn vị: VND

	Phát sinh trong năm			Số dư cuối năm
	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	
Thuế GTGT	-	539.103.144	528.664.770	10.438.374
Thuế TNDN	45.576.332.674	88.600.379.562	130.934.049.138	3.242.663.098
Thuế TNCN – KH	8.293.532.266	67.475.651.985	68.922.529.137	6.846.655.114
Thuế TNCN – NV	2.046.667.257	11.900.491.503	13.035.938.587	911.220.173
Tổng cộng	55.916.532.197	168.515.626.194	213.421.181.632	11.010.976.759

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	-	29.143.835.618
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	-	3.500.712.329
Chi phí phải trả khác	422.793.140	464.106.562
Tổng cộng	422.793.140	33.108.654.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả thù lao HĐQT và BKS	12.916.817	12.916.817
Phải trả khác	395.763.005	1.454.173.461
Tổng cộng	408.679.822	1.467.090.278

21. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	18.492.989.521	38.691.142.686
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(24.215.324.542)	(20.198.153.165)
Số dư cuối năm	(5.722.335.021)	18.492.989.521

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay		Năm trước	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Nguyễn Văn Tuấn	-	-	29.005.217	10,56
Công ty Cổ phần FTG Việt Nam	-	-	25.305.999	9,22
Bà Nguyễn Thị Tuyết	21.375.159	3,67	14.165.245	5,16
Các cổ đông khác	560.764.030	96,63	206.118.768	75,06
Tổng cộng	582.139.189	100,00	274.595.229	100,00

22.2 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	582.139.189	274.595.229
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	582.139.189	274.595.229
- Cổ phiếu phổ thông	582.139.189	274.595.229
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	582.139.189	274.595.229
- Cổ phiếu phổ thông	582.139.189	274.595.229

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.3 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.745.952.290.000	(1.100.000)	84.018.478.276	86.480.740.231	2.462.261.955	842.762.584.695	3.761.675.255.157
Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm	2.745.952.290.000	1.372.975.045.000	-	-	-	-	4.118.927.335.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	311.985.383.871	311.985.383.871
Trả cổ tức năm 2021	329.487.310.000	-	-	-	-	(659.001.584.800)	(329.514.274.800)
Số dư cuối năm	5.821.391.890.000	1.372.973.945.000	84.018.478.276	86.480.740.231	2.462.261.955	495.746.383.766	7.863.073.699.228

22.4 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	518.635.723.854 (22.889.340.088)	768.790.626.613 73.971.958.082
Tổng cộng	495.746.383.766	842.762.584.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

23.1 Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ bằng EUR	-	34,72

23.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	973.375.680.000	128.384.070.000
Tổng cộng	973.375.680.000	128.384.070.000

23.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tài sản tài chính chờ thanh toán của CTCK	114.000.000.000	-

23.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trái phiếu	1.737.900.000.000	859.600.000.000
Cổ phiếu	307.881.240.000	1.500.000.000
Tổng cộng	2.045.781.240.000	861.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6.394.823.000.000	5.658.737.450.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	94.350.150.000	34.297.150.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.380.085.150.000	1.951.815.680.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	70.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	106.613.080.000	221.262.320.000
Tổng cộng	<u>7.975.871.450.000</u>	<u>7.866.112.600.000</u>

23.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.316.070.000	20.450.400.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	38.041.470.000	14.467.760.000
Tổng cộng	<u>40.357.540.000</u>	<u>34.918.160.000</u>

23.7 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	406.953.083.908	1.404.005.283.526
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	406.822.239.977	1.403.605.812.762
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	130.843.931	399.470.764
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	788.119	1.050.117
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	125.364.515	122.774.140
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	4.583.789	1.971.144
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	120.780.726	120.802.996
Tổng cộng	<u>407.079.236.542</u>	<u>1.404.129.107.783</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.8 Phải trả Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	116.119.182.806	252.030.399.613
- <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	115.421.847.250	249.482.687.226
- <i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	697.335.556	2.547.712.387
Tổng cộng	<u>116.119.182.806</u>	<u>252.030.399.613</u>

23.9 Phải trả VSD về thanh toán bù trừ

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả VSD về thanh toán bù trừ	290.960.053.736	1.152.098.708.170
Tổng cộng	<u>290.960.053.736</u>	<u>1.152.098.708.170</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

24.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán cùng kỳ năm nay VND	Lãi bán chứng khoán cùng kỳ năm trước VND
I	LÃI BÁN					
1	Cổ phiếu niêm yết	39.600.686	1.550.094.787.100	1.381.498.470.763	168.596.316.337	367.736.480.380
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	487.794	65.363.854.000	63.412.618.050	1.951.235.950	303.268.162.740
3	Chứng chỉ tiền gửi	1.450	1.484.201.050.250	1.477.979.148.600	6.221.901.650	187.690.717
4	Trái phiếu niêm yết	6.120.000	628.845.340.000	628.827.940.000	4.784.324.000	84.850.000
5	Trái phiếu chưa niêm yết	26.968.312	6.318.503.497.435	6.226.445.748.125	87.290.825.310	69.996.667.372
6	Hợp đồng hoán đổi lãi suất	-	-	-	82.109.589	-
7	Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	34.609.259.258
	Tổng cộng	73.178.242	10.047.008.528.785	9.778.163.925.538	268.926.712.836	775.883.110.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán cùng kỳ năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán cùng kỳ năm trước VND
II	LỖ BÁN					
1	Cổ phiếu niêm yết	74.517.843	1.617.711.363.280	1.809.594.082.435	(191.882.719.155)	(101.807.763.607)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	(14.609.624.437)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	600.000	85.880.600.000	85.893.700.000	(13.100.000)	(127.930.000)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	41.446	2.186.868.194.918	2.265.982.803.925	(79.114.609.007)	(181.894.499.977)
	Tổng cộng	75.159.289	3.890.460.158.198	4.161.470.586.360	(271.010.428.162)	(298.439.818.021)

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch		Số dư chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
				đánh giá lại cuối năm VND	lệch đánh giá lại đầu năm VND			
I	Loại FVTPL							
1	Cổ phiếu niêm yết	2.507.532.397.511	2.272.177.540.040	(235.354.857.471)	90.404.245.412	(325.759.097.862)	29.493.612.066	(355.252.709.928)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	672.201.635.556	878.944.817.917	206.743.182.361	2.060.702.190	204.682.475.150	205.253.543.900	(571.068.750)
	Tổng cộng	3.179.734.033.067	3.151.122.357.957	(28.611.675.110)	92.464.947.602	(121.076.622.712)	234.747.155.966	(355.823.778.678)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức	53.690.452.300	50.076.026.131
Trái tức	209.365.599.233	194.747.213.512
Tổng cộng	263.056.051.533	244.823.239.643

24.4 Tiền lãi phát sinh từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	173.170.851.282	155.576.248.169
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	14.776.648.270	29.462.017.346
Tổng cộng	187.947.499.552	185.038.265.515

25. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hoạt động môi giới chứng khoán	155.246.032.483	220.092.671.463
Thu nhập nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	69.495.000.000	53.666.990.400
Trong đó:		
- Thu nhập nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	3.629.990.400
- Thu nhập Đại lý phát hành chứng khoán	69.495.000.000	50.037.000.000
Thu nhập nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.205.938.168	5.934.541.678
Trong đó:		
- Phí lưu ký, chuyển khoản chứng khoán cho khách hàng	3.188.251.048	5.400.713.833
- Thu nhập lưu ký tài sản tài chính khác	17.687.120	533.827.845
Thu nhập hoạt động tư vấn tài chính	4.824.303.025	6.279.293.170
Tổng cộng	232.771.273.676	285.973.496.711

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu, dự thu cổ tức, phát sinh trong năm	1.800.000.000	1.755.823.860
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.791.784.577	2.581.776.299
Tổng cộng	7.591.784.577	4.337.600.159

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí giao dịch TSTC tự doanh	2.376.680.993	2.390.684.461
Chi phí tiền lương	1.096.450.337	1.456.577.509
Phí lưu ký TSTC tự doanh	94.963.222	81.426.057
Phí quản lý danh mục	9.732.544	-
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	91.795.000	108.170.000
Chi phí khác	33.240.383.795	5.463.761.440
Tổng cộng	36.910.005.891	9.500.619.467

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	82.569.909.861	100.851.640.079
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.958.951.466	1.765.388.151
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.560.300.782	7.044.323.102
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	989.991.830	978.511.225
Tổng cộng	91.079.153.939	110.639.862.557

Chi tiết chi phí hoạt động theo khoản mục chi phí

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới chứng khoán	75.489.294.053	96.388.101.991
Chi phí hoạt động lưu ký	3.055.026.060	4.886.512.397
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	8.725.893.796	7.114.627.911
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	583.170.000	615.190.000
Chi phí vật tư văn phòng	-	3.700.454
Chi phí công cụ, dụng cụ	35.111.364	9.838.385
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.109.999	426.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.004.664.457	1.572.799.871
Chi phí khác	162.884.210	48.664.974
Tổng cộng	91.079.153.939	110.639.862.557

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	27.498.111.875	37.026.545.207
Chi phí lãi vay ngắn hạn	10.422.218.755	12.740.087.674
Tổng cộng	37.920.330.630	49.766.632.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lương và các khoản phúc lợi	10.002.526.959	7.096.137.010
Chi phí bảo hiểm theo lương	413.835.000	396.370.000
Chi phí vật tư văn phòng	84.316.825	65.646.364
Chi phí công cụ, dụng cụ	600.519.018	801.052.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	949.816.298	787.698.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.257.045.501	6.411.461.349
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.783.276.983	1.137.859.102
Chi phí khác	2.878.519.722	2.027.989.150
Tổng cộng	25.969.856.306	18.724.213.712

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thu nhập khác	6.802.875	192.503.302
Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định và công cụ, dụng cụ	-	8.945.455
Thu nhập khác	6.802.875	183.557.847
Chi phí khác	13	1.005.009.744
Chi phí khác	13	1.005.009.744
Tổng cộng	6.802.862	(812.506.442)

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

32.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2021: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	376.333.727.396	907.181.293.589
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	356.605.778.678	180.643.190.781
- Chi phí không được khấu trừ	782.000.000	1.822.070.392
- Chênh lệch giảm đánh giá lại FVTPL	355.823.778.678	178.821.120.389
Các khoản điều chỉnh giảm	289.937.608.266	129.662.204.554
- Thu nhập không chịu thuế	55.190.452.300	51.831.849.991
- Chênh lệch tăng đánh giá lại FVTPL	234.747.155.966	77.830.354.563
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	443.001.897.808	958.162.279.816
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	88.600.379.562	191.632.455.963
Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế	-	188.655.770
Điều chỉnh khác	(36.711.495)	-
Thuế TNDN – phải nộp đầu năm	45.576.332.674	16.719.910.366
Thuế TNDN – đã trả trong năm	130.897.337.643	162.964.689.425
Thuế TNDN – phải trả cuối năm	3.242.663.098	45.576.332.674

32.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	(Tài sản thuế TNDN hoãn lại)/ Thuế TNDN hoãn lại phải trả		(Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(5.722.335.021)	18.492.989.521	(24.215.324.542)	(20.198.153.165)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả đầu năm	18.492.989.521	38.691.142.686
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế Trong đó		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	234.747.155.966	77.830.354.563
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	355.823.778.678	178.821.120.389
Thuế suất tính thuế TNDN hoãn lại trong năm hiện hành	20%	20%
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(24.215.324.542)	(20.198.153.165)
(Tài sản thuế thu nhập hoãn lại)/Thuế thu nhập hoãn lại phải trả cuối năm	(5.722.335.021)	18.492.989.521

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	311.985.383.871	735.746.990.791
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	511.351.357	172.745.664
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)	610	3.577

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được điều chỉnh cho mục đích so sánh do trong năm 2022, Công ty tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn và trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Danh sách bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty cổ phần FTG Việt Nam	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Cùng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các thành viên trong gia đình
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (Trước đây là Công ty CP Thiết bị điện GELEX)	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CAV)	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình
Công ty CP Thiết bị điện (THI)	Cùng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các thành viên trong gia đình
Tổng công ty Viglacera - CTCP (VGC)	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Cùng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các thành viên trong gia đình, sở hữu 100% bởi CAV
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Cùng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các thành viên trong gia đình, sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex
Các công ty liên quan khác	Cùng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các thành viên trong gia đình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Tên các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Thu nhập/(Chi phí)	
		Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP FTG Việt Nam	Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	78.784.716	73.923.994
	Doanh thu phí môi giới chứng khoán	434.268.940	42.732.000
	Doanh thu phí ứng trước tiền bán	40.520.000	-
	Doanh thu từ các dịch vụ khác	983.865	115.500
Công ty CP Thiết bị điện (THI)	Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	26.791.315	29.482.207
	Doanh thu phí môi giới chứng khoán	113.882.635	104.027.374
	Doanh thu phí phong tỏa	1.023.900	4.234.282
	Doanh thu phí tư vấn	345.273.245	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	379.301.168	187.749.561
	Doanh thu phí môi giới chứng khoán	128.046.560	1.180.769.160
	Doanh thu phí tư vấn và bảo lãnh phát hành	30.000.000	21.530.000.000
	Phí chuyển nhượng	34.306.838	860.974.254
	Lãi trái phiếu	(4.393.935.859)	90.275.927.762
	Cổ tức	19.500.000.000	-
	Giao dịch bán lại trái phiếu trước hạn	592.309.918.200	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Doanh thu phí tư vấn phát hành trái phiếu	5.383.000.000	7.143.838.625
	Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	41.675.115	161.434.588
	Doanh thu phí môi giới chứng khoán	9.699.183.359	5.183.647.971
	Doanh thu phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	61.341.235
	Chi phí thuê văn phòng	(2.054.456.983)	(1.945.623.747)
	Lãi trái phiếu	11.376.002.740	38.038.435.608
	Chi phí tiện ích	(662.258.084)	(541.978.284)
	Doanh thu các phí dịch vụ khác	8.047.115	958.695.717
	Doanh thu phí lưu ký chứng khoán	137.843.242	207.318.173
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX	Doanh thu phí môi giới chứng khoán	-	31.115.901
	Doanh thu phí tư vấn và bảo lãnh phát hành	300.000.000	1.005.000.000
	Doanh thu từ các dịch vụ khác	20.363.637	362.947.547
	Giao dịch mua chứng khoán	520.000.000.000	-
	Trả lãi trái phiếu phát hành	(30.205.479.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

<i>Tên các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Thu nhập/(Chi phí)</i>	
		<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Giao dịch mua chứng khoán	-	46.695.671.340
Các công ty liên quan khác	Lãi trái phiếu phát hành từ các công ty liên quan khác	-	20.346.851.852

Số dư của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

<i>Tên các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>	
		<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty CP Thiết bị điện (THI)	Cổ phiếu THI	7.367.847.500	8.784.191.000
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Cổ phiếu VGC	210.244.112.000	330.916.768.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Dự thu lãi trái phiếu	-	4.393.935.859
	Trái phiếu	-	406.754.000.772
	Cổ phần	715.390.000.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn GELEX	Dự thu lãi trái phiếu	-	2.080.165.755
	Trái phiếu	-	42.653.835.556
	Cổ phiếu GEX	311.657.880.000	-
Các công ty liên quan khác	Cổ phiếu phát hành của các công ty liên quan khác	22.607.048.100	12.737.901.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Hội đồng Quản trị		1.503.478.261	1.230.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2022)	376.521.739	420.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2023)	706.956.522	420.000.000
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	180.000.000	150.000.000
Ban Kiểm soát		144.000.000	144.000.000
Ban Giám đốc		3.629.523.810	2.100.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)	1.618.571.429	1.530.000.000
Ông Trương Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)	679.047.619	-
Ông Thái Hoàng Long	Phó tổng giám đốc	481.904.762	-
Ông Đỗ Ngọc Đình	Phó tổng giám đốc	850.000.000	570.000.000

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đến 1 năm	2.658.627.960	1.624.478.624
Trên 1 – 5 năm	10.394.492.640	6.497.914.496
Trên 5 năm	6.280.005.970	5.550.301.965
TỔNG CỘNG	19.333.126.570	13.672.695.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

36.1 Thông tin báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các loại hình sản phẩm dịch vụ chính mà bộ phận đó cung cấp.

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Năm 2022					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	346.399.470.203	766.729.920.335	74.319.303.025	7.598.587.452	1.195.047.281.015
2. Các chi phí trực tiếp	99.772.315.528	675.419.478.753	4.549.508.690	982.529.327	780.723.832.298
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	44.330.453	11.169.315	6.428.407	7.462.503	69.390.678
4. Chi phí không phân bổ	-	-	-	37.920.330.643	37.920.330.643
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	246.582.824.222	91.299.272.267	69.763.365.928	(31.311.735.021)	376.333.727.396
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
1. Tài sản phân bổ	1.791.119.249.368	4.893.943.259.788	-	-	6.685.062.509.156
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.463.007.104.884	1.463.007.104.884
Tổng tài sản	1.791.119.249.368	4.893.943.259.788	-	1.463.007.104.884	8.148.069.614.040
3. Nợ phân bổ	4.529.071.720	259.117.664.979	-	-	269.369.071.720
4. Nợ không phân bổ	-	-	-	15.626.843.092	15.626.843.092
Tổng công nợ	4.529.071.720	259.117.664.979	-	15.626.843.092	284.995.914.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.1 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

36.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty không có số dư ngoại tệ cuối năm và không có phát sinh nghiệp vụ mua bán hàng hóa bằng ngoại tệ trong năm. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất thấp. Công ty không cần sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình, đồng thời Công ty cũng không cần thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 2.272.177.540.040 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chăm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:



Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND	Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.349.906.924.794	-	-	1.349.906.924.794
Các khoản cho vay	1.791.119.249.368	-	2.734.405.440	1.793.853.654.808
Các khoản phải thu	72.137.208.905	-	13.191.441.756	85.328.650.661
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	14.488.874.185	-	-	14.488.874.185
Các khoản phải thu khác	310.620.558	-	-	310.620.558
Trả trước cho người bán	216.512.500	-	-	216.512.500
Tạm ứng	30.000.000	-	-	30.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	725.362.280	-	-	725.362.280
Tổng cộng	3.228.934.752.590	-	15.925.847.196	3.244.860.599.786

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	1.349.906.924.794	-	-	1.349.906.924.794
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	4.892.226.747.288	-	-	-	4.892.226.747.288
Các khoản cho vay (*)	2.734.405.440	-	1.791.119.249.368	-	-	4.525.524.808
Các khoản phải thu (*)	13.191.441.756	-	72.137.208.905	-	-	85.328.650.661
Trả trước cho người bán	-	-	216.512.500	-	-	216.512.500
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	14.488.874.185	-	-	14.488.874.185
Các khoản phải thu khác	-	-	310.620.558	-	-	310.620.558
Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	15.388.471.474	-	-	15.388.471.474
Tổng cộng	15.925.847.196	4.892.226.747.288	3.245.067.861.784	-	-	8.153.220.456.268
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	4.529.071.720	-	-	4.529.071.720
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	422.793.140	-	-	422.793.140
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	11.010.976.759	-	-	11.010.976.759
Phải trả, phải nộp khác	-	-	408.679.822	-	-	408.679.822
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	147.503.337	-	147.503.337
Tổng cộng	-	-	16.371.521.441	147.503.337	-	16.519.024.778
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	15.925.847.196	4.892.226.747.288	3.228.696.340.343	(147.503.337)	-	8.136.701.431.490

(*) Không tính dự phòng rủi ro



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2023/VIX/NQ-HĐQT về việc miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Theo đó, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX đối với bà Nguyễn Thị Tuyết kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2023.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2023/VIX/NQ-HĐQT về việc phân công người phụ trách Hội đồng quản trị. Theo đó, thông qua việc giao cho ông Nguyễn Tuấn Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị – phụ trách Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2023.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, Công ty đã thực hiện công bố thông tin về việc đã nhận được đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của bà Ngô Thị Hồng Duyên. Việc từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát nêu trên sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty và chính thức có hiệu lực tại thời điểm Đại Hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ngoài ra, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu



Bà Bùi Tuyết Mai
 Kế toán viên

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng



Người phê duyệt



Ông Trương Ngọc Lân
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2023



Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 09-07-2024

Số chứng thực:.....Quyển số.....SCT/BS



TUỔI CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
Nguyễn Thu Hương



Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	17 - 18
Thuyết minh báo cáo tài chính	19 - 60

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 52/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 300.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.694.447.250.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên Phụ trách HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021 Bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2023
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Ông Trương Ngọc Lâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Duyên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Trần Hồng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Bà Ngô Thị Hồng Duyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Ông Đỗ Ngọc Đĩnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Ngọc Lân, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 11542654/E-66979513

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.041.916.205.385	8.120.725.819.241
110	I. Tài sản tài chính		9.040.954.798.684	8.120.406.137.598
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	139.539.567.122	1.349.906.924.794
111.1	1.1. Tiền		139.539.567.122	1.349.906.924.794
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	5.791.236.720.624	4.892.226.747.288
114	3. Các khoản cho vay	7.2	3.008.028.333.232	1.793.853.654.808
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.3	(2.734.405.440)	(2.734.405.440)
117	5. Các khoản phải thu	8	101.761.823.485	85.328.650.661
117.1	5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		36.042.935.000	-
117.2	5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		65.718.888.485	85.328.650.661
117.4	5.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		65.718.888.485	85.328.650.661
118	6. Trả trước cho người bán	8	1.013.582.600	216.512.500
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	15.097.042.733	14.488.874.185
122	8. Các khoản phải thu khác	8	203.236.387	310.620.558
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(13.191.102.059)	(13.191.441.756)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		961.406.701	319.681.643
131	1. Tạm ứng		346.000.000	30.000.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		30.987.450	32.614.722
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	529.671.263	257.066.921
136	4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	54.747.988	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.895.623.168	27.343.794.799
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		1.500.000.000	1.500.000.000
212	1. Các khoản đầu tư	9	1.500.000.000	1.500.000.000
212.4	1.1. Đầu tư dài hạn khác		1.500.000.000	1.500.000.000
220	II. Tài sản cố định		24.076.066.040	3.500.084.053
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.529.773.118	3.060.994.052
222	1.1. Nguyên giá		26.857.739.816	19.695.268.759
223	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(14.327.966.698)	(16.634.274.707)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	11.546.292.922	439.090.001
228	2.1. Nguyên giá		23.930.081.371	12.452.656.371
229	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(12.383.788.449)	(12.013.566.370)
250	III. Tài sản dài hạn khác		19.319.557.128	22.343.710.746
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		725.362.280	725.362.280
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	705.654.556	507.541.971
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	-	5.722.335.021
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	17.888.540.292	15.388.471.474
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.086.811.828.553	8.148.069.614.040

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		257.314.667.846	284.995.914.812
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		186.613.270.147	284.848.411.475
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	2.337.541.309	4.529.071.720
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	15	110.460.000.000	264.840.000.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	66.947.111.609	11.010.976.759
323	4. Phải trả người lao động		4.708.865.034	3.636.890.034
325	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.708.973.031	422.793.140
329	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	450.779.164	408.679.822
340	II. Nợ phải trả dài hạn		70.701.397.699	147.503.337
347	1. Phải trả người bán dài hạn	15	147.503.337	147.503.337
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	70.553.894.362	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.829.497.160.707	7.863.073.699.228
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	8.829.497.160.707	7.863.073.699.228
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.3	7.485.352.975.000	7.194.365.835.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		6.694.447.250.000	5.821.391.890.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		6.694.447.250.000	5.821.391.890.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		790.905.725.000	1.372.973.945.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20.3	84.018.478.276	84.018.478.276
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20.3	86.480.740.231	86.480.740.231
416	4. Các quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	20.3	2.462.261.955	2.462.261.955
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	20.4	1.171.182.705.245	495.746.383.766
417.1	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		888.967.127.799	518.635.723.854
417.2	5.2 Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện		282.215.577.446	(22.889.340.088)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.086.811.828.553	8.148.069.614.040

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT	21		
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)		669.444.725	582.139.189
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSDC") của CTCK (VND)	21.1	1.837.880.470.000	973.375.680.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK (VND)	21.2	117.312.000.000	-
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	21.3	-	114.000.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK (VND)	21.4	923.050.000.000	2.045.781.240.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư (VND)	21.5	10.241.430.390.000	7.975.871.450.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		7.940.142.390.000	6.394.823.000.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		150.000	94.350.150.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		2.192.153.150.000	1.380.085.150.000
021.4	Tài sản tài chính bị phong tỏa, giam giữ		70.000	70.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		109.134.630.000	106.613.080.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	21.6	227.860.890.000	40.357.540.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		227.860.890.000	2.316.070.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		-	38.041.470.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của khách hàng (VND)	21.7	327.296.394.204	407.079.236.542
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.7	327.169.929.010	406.953.083.908
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng (VND)	21.7	789.695	788.119
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (VND)	21.7	125.675.499	125.364.515
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước (VND)		4.653.648	4.583.789
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài (VND)		121.021.851	120.780.726
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.8	327.296.394.204	407.079.236.542
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		326.594.139.882	406.381.900.986
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		702.254.322	697.335.556

Người lập biểu



Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.070.230.837.086	766.729.920.335
1.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	424.445.814.590	268.926.712.836
1.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	547.506.846.244	234.747.155.966
1.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	22.3	98.278.176.252	263.056.051.533
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22.4	198.000.000.000	-
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	22.4	247.690.155.398	187.947.499.552
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	86.349.460.817	155.246.032.483
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23	17.940.000.000	69.495.000.000
09	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23	3.625.645.763	3.205.938.168
10	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23	120.000.000	4.824.303.025
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.623.956.099.064	1.187.448.693.563
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		300.553.991.779	626.834.206.840
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	133.442.792.452	271.010.428.162
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	166.125.699.327	355.823.778.678
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	22.2	985.500.000	-
26	2. Chi phí hoạt động tự doanh	25	35.899.727.488	36.910.005.891
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26	47.730.189.620	82.569.909.861
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26	6.427.563.158	5.560.300.782
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	26	1.779.044.668	1.958.951.466
32	6. Chi phí hoạt động khác	26	1.198.276.992	989.991.830
40	Cộng chi phí hoạt động		393.588.793.705	754.823.366.670

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	24	6.457.595.911	7.591.784.577
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		6.457.595.911	7.591.784.577
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	1. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	27	-	37.920.330.630
60	Cộng chi phí tài chính		-	37.920.330.630
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	28	38.627.206.064	25.969.856.306
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.198.197.695.206	376.326.924.534
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	29		
71	1. Thu nhập khác		2.322.570.614	6.802.875
72	2. Chi phí khác		1.659.081.564	13
80	Cộng kết quả hoạt động khác		663.489.050	6.802.862
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.198.861.184.256	376.333.727.396
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		817.480.037.339	497.410.350.108
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		381.381.146.917	(121.076.622.712)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	30	232.437.722.777	64.348.343.525
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	156.161.493.394	88.563.668.067
100.2	2. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	30.2	76.276.229.383	(24.215.324.542)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		966.423.461.479	311.985.383.871
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		966.423.461.479	311.985.383.871
501	LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	31	1.444	521

Người lập biểu

Bà Bùi Tuyết Mai
 Kế toán viên

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Ông Trương Ngọc Lân
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		1.198.861.184.256	376.333.727.396
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(350.395.530.609)	(78.177.442.359)
03	Khấu hao TSCĐ		1.954.673.854	972.926.297
04	Các khoản dự phòng		(339.697)	(6.115.560)
06	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	27	-	37.920.330.630
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.381.533.116)	(7.591.784.577)
08	Dự thu tiền lãi		(345.968.331.650)	(109.472.799.149)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		166.125.699.327	355.823.778.678
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	22.2	166.125.699.327	355.823.778.678
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(547.506.846.244)	(234.747.155.966)
19	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	22.2	(547.506.846.244)	(234.747.155.966)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		467.084.506.730	419.232.907.749
31	(Tăng) tài sản tài chính FVTPL		(517.628.826.419)	(3.412.852.997.537)
33	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay		(1.214.174.678.424)	1.196.323.084.017
35	Giảm/(Tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		(36.042.935.000)	-
36	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính đã nhận		365.578.093.826	57.782.291.863
37	(Tăng)/Giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(608.168.548)	698.409.606
39	Giảm các khoản phải thu khác		4.267.909.982	12.973.495.258
40	(Tăng) các tài sản khác		(369.120.716)	(142.898.668)
41	Tăng/(Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.286.179.891	(41.313.422)
42	Tăng chi phí trả trước		(470.716.927)	(12.831.937)
43	Thuế TNDN đã nộp	30.1	(95.746.852.009)	(130.897.337.643)
44	Lãi vay đã trả		-	(70.515.237.823)
45	(Giảm)/Tăng phải trả cho người bán		(154.380.000.000)	264.790.000.000
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(4.478.506.535)	(2.621.526.616)
48	Tăng phải trả người lao động		1.071.975.000	306.000.000
50	Giảm phải trả, phải nộp khác		(2.149.431.069)	(1.925.779.408)
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.500.068.818)	(2.499.931.182)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.189.260.639.036)	(1.669.403.665.743)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(23.874.386.818)	(2.021.031.615)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		1.267.668.182	-
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.500.000.000	1.500.000.000
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(21.106.718.636)	(521.031.615)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.118.927.335.000
73	Tiền vay gốc		-	750.000.000.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(1.600.000.000.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		-	(329.514.274.800)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	2.939.413.060.200
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(1.210.367.357.672)	1.269.488.362.842
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	1.349.906.924.794	80.418.561.952
101.1	Tiền		1.349.906.924.794	80.418.561.952
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	139.539.567.122	1.349.906.924.794
103.1	Tiền		139.539.567.122	1.349.906.924.794

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		36.448.861.393.490	65.055.912.863.017
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(36.448.861.080.930)	(65.055.910.534.640)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		37.933.306.708.694	77.468.739.099.210
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(38.013.089.863.592)	(78.465.791.298.828)
20	Giảm tiền thuần trong năm		(79.782.842.338)	(997.049.871.241)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		407.079.236.542	1.404.129.107.783
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		406.953.083.908	1.404.005.283.526
	Trong đó có kỳ hạn:			
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		788.119	1.050.117
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		125.364.515	122.774.140

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		327.296.394.204	407.079.236.542
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		327.169.929.010	406.953.083.908
	Trong đó có kỳ hạn			
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		789.695	788.119
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		125.675.499	125.364.515

Người lập biểu

Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B04-CTCK

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
	Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu								
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	2.745.951.190.000	7.194.365.835.000	4.448.414.645.000	-	873.055.360.000	(582.068.220.000)	7.194.365.835.000	7.485.352.975.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	2.745.952.290.000	5.821.391.890.000	3.075.439.600.000	-	873.055.360.000	-	5.821.391.890.000	6.694.447.250.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.100.000)	1.372.973.945.000	1.372.975.045.000	-	-	(582.068.220.000)	1.372.973.945.000	790.905.725.000
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	84.018.478.276	84.018.478.276	-	-	-	-	84.018.478.276	84.018.478.276
4. Các Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	86.480.740.231	86.480.740.231	-	-	-	-	86.480.740.231	86.480.740.231
	2.462.261.955	2.462.261.955	-	-	-	-	2.462.261.955	2.462.261.955

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B04-CTCK

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		A	B	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		842.762.584.695	495.746.383.766						
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		768.790.626.613	518.635.723.854	408.846.682.041	(755.862.882.970)	966.423.461.479	(290.987.140.000)	495.746.383.766	1.171.182.705.245
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		73.971.958.082	(22.889.340.088)	408.846.682.041	(659.001.584.800)	661.318.543.945	(290.987.140.000)	518.635.723.854	888.967.127.799
TỔNG CỘNG	20	3.761.675.255.157	7.863.073.699.228	4.857.261.327.041	(755.862.882.970)	1.839.478.821.479	(873.055.360.000)	7.863.073.699.228	8.829.497.160.707

Người lập biểu

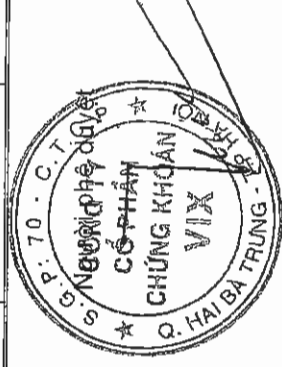
[Signature]

Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Người kiểm soát

[Signature]

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 52/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 300.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.694.447.250.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 52 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty 6.694.447.250.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5.821.391.890.000 VND).

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành công ty chứng khoán có chất lượng dịch vụ tốt nhất trên thị trường Việt Nam. Công ty luôn nỗ lực xây dựng niềm tin bền vững, nhằm mang lại những giá trị và lợi ích cao nhất cho các khách hàng, đối tác, và cộng đồng, cho các cổ đông và từng nhân viên của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.3 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay bao gồm:

- ▶ Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- ▶ Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (02) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

- ▶ Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty;
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày đánh giá nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại giá trị chứng khoán. Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán, sẽ là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên quy định nội bộ của Công ty và theo pháp luật.

Giá quy định nội bộ của Công ty là giá trị trung bình dựa trên báo giá tối thiểu của ba (03) Công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu của ba (03) Công ty chứng khoán, sẽ sử dụng giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48 của Bộ Tài chính.

4.5 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính* (tiếp theo)

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.6 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.7 *Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn*

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối mỗi kỳ kế toán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các đơn vị nhận vốn góp bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

4.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	4 - 5 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
Tài sản hữu hình khác	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	4 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.13 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.15 Lợi ích của nhân viên

4.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.18 Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.19 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các quỹ

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Căn cứ thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, từ năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4.22 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.24 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	139.506.558.821	1.349.894.008.564
Tiền gửi bù trừ và thanh toán trong giao dịch chứng khoán	33.008.301	12.916.230
Tổng cộng	139.539.567.122	1.349.906.924.794

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
Của Công ty	378.999.593	11.757.321.205.458
- Cổ phiếu	378.971.706	8.689.741.523.500
- Trái phiếu	27.867	2.865.619.991.668
- Chứng khoán khác	20	201.959.690.290
Của nhà đầu tư	2.753.027.135	58.492.000.455.740
- Cổ phiếu	2.750.069.735	58.490.370.822.740
- Chứng khoán khác	2.957.400	1.629.633.000
Tổng cộng	3.132.026.728	70.249.321.661.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	3.390.659.277.715	3.631.488.438.170	2.507.532.397.511	2.272.177.540.040
EIB	1.178.982.997.479	1.144.039.704.800	840.000.000.000	838.500.000.000
VGC	-	-	291.295.708.577	210.244.112.000
NVL	705.734.286.912	723.772.500.000	289.825.946.189	252.796.292.000
GEX	773.420.657.131	921.093.840.000	443.282.275.000	311.657.880.000
Cổ phiếu niêm yết khác	732.521.336.193	842.582.393.370	643.128.467.745	658.979.256.040
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.326.285.733.065	1.438.226.044.417	672.201.635.556	878.944.817.917
GEE	136.679.140.000	131.154.800.000	-	-
TBD	11.952.874.509	11.615.792.500	-	-
VAV	2.042.408.074	3.160.920.000	2.042.408.074	2.172.600.000
HEM	-	-	11.382.917.000	22.607.048.100
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	518.600.000.000	635.285.000.000	520.000.000.000	715.390.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	-	-	138.765.000.000	138.765.000.000
SEA (*)	657.000.000.000	657.000.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	11.310.482	9.531.917	11.310.482	10.169.817
Trái phiếu chưa niêm yết	721.522.238.037	721.522.238.037	1.741.104.389.331	1.741.104.389.331
Tổng cộng	5.438.467.248.817	5.791.236.720.624	4.920.838.422.398	4.892.226.747.288

(*) Cổ phiếu Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP - Ủy thác đầu tư qua Công ty cổ phần Quản lý quỹ HD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản cho vay

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (*)	3.002.713.517.349	2.999.979.111.909	1.677.778.935.700	1.675.044.530.260
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán (**)	5.314.815.883	5.314.815.883	116.074.719.108	116.074.719.108
Tổng	3.008.028.333.232	3.005.293.927.792	1.793.853.654.808	1.791.119.249.368

(*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty.

(**) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(***) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.3 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	2.734.405.440	2.734.405.440
Trích lập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	2.734.405.440	2.734.405.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính như sau:

Các loại tài sản tài chính	31/12/2023				31/12/2022				
	Giá mua/Giá gốc		Chênh lệch đánh giá		Giá mua/Giá gốc		Chênh lệch đánh giá		
	VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
FVTPL									
Cổ phiếu niêm yết	3.390.659.277.715	294.821.262.952	(53.992.102.497)		3.631.488.438.170	2.507.532.397.511	29.495.398.546	(264.850.256.017)	2.272.177.540.040
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.326.285.733.065	117.804.033.726	(5.863.722.374)		1.438.226.044.417	672.201.635.556	206.744.946.026	(1.763.665)	878.944.817.917
Trái phiếu chưa niêm yết	721.522.238.037	-	-		721.522.238.037	1.741.104.389.331	-	-	1.741.104.389.331
Tổng cộng	5.438.467.248.817	412.625.296.678	(59.855.824.871)		5.791.236.720.624	4.920.838.422.398	236.240.344.572	(264.852.019.682)	4.892.226.747.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	36.042.935.000	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	65.718.888.485	85.328.650.661
Trả trước cho người bán	1.013.582.600	216.512.500
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	15.097.042.733	14.488.874.185
Trong đó: Phải thu khó đòi	13.191.102.059	13.191.441.756
Phải thu khác	203.236.387	310.620.558
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(13.191.102.059)	(13.191.441.756)
Tổng cộng	104.884.583.146	87.153.216.148

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Số hoàn nhập/ xử lý nợ trong năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	(339.697)	-	13.191.102.059	13.191.102.059
Tổng	(339.697)	-	13.191.102.059	13.191.102.059

Đây là các khoản dự phòng phải thu khó đòi các Khách hàng cũ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom (tên gọi trước đây của Công ty) từ năm 2014 trở về trước và đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Hàng không (i)	1.500.000.000	1.500.000.000
Tổng cộng	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

(i) Đây là phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không ("ACSV").

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	13.698.437.391	4.206.985.315	964.278.339	825.567.714	19.695.268.759
Mua trong năm	7.561.175.000	4.605.181.818	-	230.605.000	12.396.961.818
Thanh lý trong năm	(3.358.585.914)	(1.527.931.615)	(347.973.232)	-	(5.234.490.761)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>17.901.026.477</u>	<u>7.284.235.518</u>	<u>616.305.107</u>	<u>1.056.172.714</u>	<u>26.857.739.816</u>
Khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.590.677.773	2.372.089.591	964.278.339	707.229.004	16.634.274.707
Khấu hao trong năm	1.010.361.423	411.255.200	-	162.835.152	1.584.451.775
Thanh lý trong năm	(3.358.585.914)	(184.200.638)	(347.973.232)	-	(3.890.759.784)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>10.242.453.282</u>	<u>2.599.144.153</u>	<u>616.305.107</u>	<u>870.064.156</u>	<u>14.327.966.698</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>1.107.759.618</u>	<u>1.834.895.724</u>	<u>-</u>	<u>118.338.710</u>	<u>3.060.994.052</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>7.658.573.195</u>	<u>4.685.091.365</u>	<u>-</u>	<u>186.108.558</u>	<u>12.529.773.118</u>

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	<u>9.246.376.371</u>	<u>12.952.935.517</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i> <i>VND</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.452.656.371
Mua trong năm	11.477.425.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>23.930.081.371</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.013.566.370
Hao mòn trong năm	370.222.079
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>12.383.788.449</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>439.090.001</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>11.546.292.922</u>

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	<u>11.990.456.371</u>	<u>11.990.456.371</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2022</i> <i>VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ ngắn hạn	61.042.930	63.502.597
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	468.628.333	193.564.324
Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ dài hạn	443.056.535	436.431.699
Chi phí trả trước dài hạn khác	262.598.021	71.110.272
Tổng cộng	<u>1.235.325.819</u>	<u>764.608.892</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.099.231.444	11.255.659.836
Tiền lãi phân bổ	4.669.308.848	4.012.811.638
Tổng cộng	17.888.540.292	15.388.471.474

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (phí giao dịch chứng khoán)	1.961.965.939	4.224.140.387
Phải trả VSDC (phí lưu ký, phí chuyển khoản)	375.575.370	304.931.333
Tổng cộng	2.337.541.309	4.529.071.720

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn	110.460.000.000	264.840.000.000
Phải trả về mua tài sản tài chính	110.460.000.000	264.840.000.000
Phải trả người bán dài hạn	147.503.337	147.503.337
Tổng cộng	110.607.503.337	264.987.503.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu		
Thuế GTGT	54.747.988	-
Tổng cộng	54.747.988	-
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải nộp		
Thuế GTGT	-	10.438.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	62.602.741.750	3.242.663.098
Thuế thu nhập cá nhân – nộp hộ khách hàng ("TNCN – KH")	3.457.501.129	6.846.655.114
Thuế thu nhập cá nhân – nộp hộ nhân viên ("TNCN – NV")	886.868.730	911.220.173
Tổng cộng	66.947.111.609	11.010.976.759

Biến động thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước trong năm:

Đơn vị: VND

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Tăng	Giảm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	10.438.374	218.278.914	283.465.276	-	54.747.988
Thuế TNDN	3.242.663.098	156.161.493.394	96.801.414.742	62.602.741.750	-
Thuế TNCN – KH	6.846.655.114	37.187.185.455	40.576.339.440	3.457.501.129	-
Thuế TNCN – NV	911.220.173	9.177.513.389	9.201.864.832	886.868.730	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Tổng cộng	11.010.976.759	202.747.471.152	146.866.084.290	66.947.111.609	54.747.988

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí phải trả khác	1.708.973.031	422.793.140
Tổng cộng	1.708.973.031	422.793.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả thù lao HĐQT và BKS	12.916.817	12.916.817
Phải trả khác	437.862.347	395.763.005
Tổng cộng	450.779.164	408.679.822

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Số dư đầu năm	(5.722.335.021)	18.492.989.521
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	76.276.229.383	(24.215.324.542)
Số dư cuối năm	70.553.894.362	(5.722.335.021)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Nguyễn Thị Tuyết	34.553.431	5,16
Các cổ đông khác	634.891.294	94,84
Tổng cộng	669.444.725	100

20.2 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: cổ phiếu	
	31/12/2023	31/12/2022
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	669.444.725	582.139.189
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	669.444.725	582.139.189
- Cổ phiếu phổ thông	669.444.725	582.139.189
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	669.444.725	582.139.189
- Cổ phiếu phổ thông	669.444.725	582.139.189

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.821.391.890.000	1.372.973.945.000	84.018.478.276	86.480.740.231	2.462.261.955	495.746.383.766	7.863.073.699.228
Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm	582.068.220.000	(582.068.220.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	966.423.461.479	966.423.461.479
Trả cổ tức	290.987.140.000	-	-	-	-	(290.987.140.000)	-
Số dư cuối năm	6.694.447.250.000	790.905.725.000	84.018.478.276	86.480.740.231	2.462.261.955	1.171.182.705.245	8.829.497.160.707

20.4 Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	888.967.127.799	518.635.723.854
Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	282.215.577.446	(22.889.340.088)
Tổng cộng	1.171.182.705.245	495.746.383.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

21.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSDC") của CTCK

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.837.880.470.000	973.375.680.000
Tổng cộng	1.837.880.470.000	973.375.680.000

21.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính	117.312.000.000	-
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	117.312.000.000	-
Tổng cộng	117.312.000.000	-

21.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính chờ thanh toán của CTCK	-	114.000.000.000
Tổng cộng	-	114.000.000.000

21.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Công ty

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Trái phiếu	661.500.000.000	1.737.900.000.000
Cổ phiếu	261.550.000.000	307.881.240.000
Tổng cộng	923.050.000.000	2.045.781.240.000

21.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.940.142.390.000	6.394.823.000.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	150.000	94.350.150.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.192.153.150.000	1.380.085.150.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	70.000	70.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	109.134.630.000	106.613.080.000
Tổng cộng	10.241.430.390.000	7.975.871.450.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	227.860.890.000	2.316.070.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	38.041.470.000
Tổng cộng	227.860.890.000	40.357.540.000

21.7 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	327.169.929.010	406.953.083.908
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	326.588.696.539	406.822.239.977
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	581.232.471	130.843.931
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	789.695	788.119
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	125.675.499	125.364.515
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	4.653.648	4.583.789
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	121.021.851	120.780.726
Tổng cộng	327.296.394.204	407.079.236.542

21.8 Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	327.296.394.204	407.079.236.542
- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	326.594.139.882	406.381.900.986
- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	702.254.322	697.335.556
Tổng cộng	327.296.394.204	407.079.236.542

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

22.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN					
1	Cổ phiếu niêm yết	101.571.100	2.071.243.195.000	1.747.354.935.767	323.888.259.233	168.596.316.337
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	9.531.188	541.146.983.000	495.026.654.491	46.120.328.509	1.951.235.950
3	Chứng chỉ tiền gửi	10	101.375.163.230	100.584.527.060	790.636.170	6.221.901.650
4	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	4.784.324.000
5	Trái phiếu chưa niêm yết	12.625	1.322.624.165.780	1.268.977.575.102	53.646.590.678	87.290.825.310
6	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	-	82.109.589
	Tổng cộng	111.114.923	4.036.389.507.010	3.611.943.692.420	424.445.814.590	268.926.712.836

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giữa quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước VND
II	LỖ BÁN					
1	Cổ phiếu niêm yết	46.161.018	1.144.103.633.300	1.266.621.500.878	(122.517.867.578)	(191.882.719.155)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	286.130	7.296.315.000	8.780.528.351	(1.484.213.351)	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	(13.100.000)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	3.348	334.800.000.000	344.240.711.523	(9.440.711.523)	(79.114.609.007)
	Tổng cộng	46.450.496	1.486.199.948.300	1.619.642.740.752	(133.442.792.452)	(271.010.428.162)

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
I	Loại FVTPL							
1	Cổ phiếu niêm yết	3.390.659.277.715	3.631.488.438.170	240.829.160.455	(235.354.857.471)	476.184.017.926	546.518.526.244	(70.334.508.318)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.326.285.733.065	1.438.226.044.417	111.940.311.352	206.743.182.361	(94.802.871.009)	988.320.000	(95.791.191.009)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	721.522.238.037	721.522.238.037	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	5.438.467.248.817	5.791.236.720.624	352.769.471.807	(28.611.675.110)	381.381.146.917	547.506.846.244	(166.125.699.327)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức	37.731.756.700	53.690.452.300
Trái tức	60.546.419.552	209.365.599.233
Tổng cộng	98.278.176.252	263.056.051.533

22.4 Tiền lãi phát sinh từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	198.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	242.912.215.456	173.170.851.282
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	4.777.939.942	14.776.648.270
Tổng cộng	445.690.155.398	187.947.499.552

23. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hoạt động môi giới chứng khoán	86.349.460.817	155.246.032.483
Thu nhập nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	17.940.000.000	69.495.000.000
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập Đại lý phát hành chứng khoán	17.940.000.000	69.495.000.000
Thu nhập nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.625.645.763	3.205.938.168
<i>Trong đó:</i>		
- Phí lưu ký, chuyển khoản chứng khoán cho khách hàng	3.613.723.815	3.188.251.048
- Thu nhập lưu ký tài sản tài chính khác	11.921.948	17.687.120
Thu nhập hoạt động tư vấn tài chính	120.000.000	4.824.303.025
Tổng cộng	108.035.106.580	232.771.273.676

24. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu, dự thu cổ tức, phát sinh trong năm	1.200.000.000	1.800.000.000
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.257.595.911	5.791.784.577
Tổng cộng	6.457.595.911	7.591.784.577

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí giao dịch TSTC tự doanh	2.117.223.060	2.376.680.993
Chi phí tiền lương	1.610.726.543	1.096.450.337
Phí lưu ký TSTC tự doanh	440.041.615	94.963.222
Phí quản lý danh mục	301.272.492	9.732.544
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	114.680.000	91.795.000
Chi phí khác	31.315.783.778	33.240.383.795
Tổng cộng	35.899.727.488	36.910.005.891

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	47.730.189.620	82.569.909.861
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.779.044.668	1.958.951.466
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6.427.563.158	5.560.300.782
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	1.198.276.992	989.991.830
Tổng cộng	57.135.074.438	91.079.153.939

Chi tiết chi phí hoạt động theo khoản mục chi phí

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới chứng khoán	41.375.636.571	75.489.294.053
Chi phí hoạt động lưu ký	3.555.085.181	3.055.026.060
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	8.787.124.076	8.725.893.796
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	634.735.000	583.170.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	100.989.528	35.111.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	125.949.498	23.109.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.293.324.470	3.004.664.457
Chi phí khác	262.230.114	162.884.210
Tổng cộng	57.135.074.438	91.079.153.939

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	-	27.498.111.875
Chi phí lãi vay ngắn hạn	-	10.422.218.755
Tổng cộng	-	37.920.330.630

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lương và các khoản phúc lợi	15.049.666.170	10.002.526.959
Chi phí bảo hiểm theo lương	597.370.000	413.835.000
Chi phí vật tư văn phòng	63.463.924	84.316.825
Chi phí công cụ, dụng cụ	333.256.613	600.519.018
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.826.300.822	949.816.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.396.326.893	6.257.045.501
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.241.918.608	4.783.276.983
Chi phí khác	4.118.903.034	2.878.519.722
Tổng cộng	38.627.206.064	25.969.856.306

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thu nhập khác	2.322.570.614	6.802.875
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.267.668.182	-
Thu nhập khác	1.054.902.432	6.802.875
Chi phí khác	1.659.081.564	13
Chi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.343.730.977	-
Chi phí khác	315.350.587	13
Tổng cộng	663.489.050	6.802.862

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2022: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.198.861.184.256	376.333.727.396
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	168.684.885.655	356.605.778.678
- Chi phí không được khấu trừ	2.559.186.328	782.000.000
- Chênh lệch giảm đánh giá lại FVTPL	166.125.699.327	355.823.778.678
Các khoản điều chỉnh giảm	586.438.602.944	289.937.608.266
- Thu nhập không chịu thuế	38.931.756.700	55.190.452.300
- Chênh lệch tăng đánh giá lại FVTPL	547.506.846.244	234.747.155.966
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	781.107.466.967	443.001.897.808
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	156.221.493.394	88.600.379.562
Điều chỉnh khác	(60.000.000)	(36.711.495)
Thuế TNDN – phải nộp đầu năm	3.242.663.098	45.576.332.674
Thuế TNDN – đã trả trong năm	96.801.414.742	130.897.337.643
Thuế TNDN – phải trả cuối năm	62.602.741.750	3.242.663.098

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	(Tài sản thuế TNDN hoãn lại)/ Thuế TNDN hoãn lại phải trả		Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	70.553.894.362	(5.722.335.021)	76.276.229.383	(24.215.324.542)

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
(Tài sản thuế thu nhập hoãn lại)/Thuế TNDN hoãn lại phải trả đầu năm	(5.722.335.021)	18.492.989.521
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế Trong đó		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	547.506.846.244	234.747.155.966
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	<u>(166.125.699.327)</u>	<u>(355.823.778.678)</u>
Thuế suất tính thuế TNDN hoãn lại trong năm hiện hành	<u>20%</u>	<u>20%</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	<u>76.276.229.383</u>	<u>(24.215.324.542)</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả/(Tài sản thuế thu nhập hoãn lại) cuối năm	<u>70.553.894.362</u>	<u>(5.722.335.021)</u>

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	966.423.461.479	311.985.383.871
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	<u>669.444.725</u>	<u>598.656.893</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)	<u>1.444</u>	<u>521</u>

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022 được điều chỉnh cho mục đích so sánh do trong năm 2023, Công ty tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để tăng vốn và trả cổ tức.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Hội đồng Quản trị		2.985.776.397	1.503.478.261
Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch HĐQT	1.812.380.952	-
Ông Trương Ngọc Lâm	Thành viên HĐQT	82.380.952	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023)	37.142.857	376.521.739
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023)	304.347.826	706.956.522
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	509.523.810	180.000.000
Ban Kiểm soát		137.422.360	144.000.000
Ban Tổng Giám đốc		5.663.788.095	3.629.523.810
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)	-	1.618.571.429
Ông Trương Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)	3.746.000.000	679.047.619
Ông Thái Hoàng Long	Phó tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023)	830.638.095	481.904.762
Ông Đỗ Ngọc Đỉnh	Phó tổng giám đốc	1.087.150.000	850.000.000

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Đến 1 năm	2.626.673.160	2.658.627.960
Trên 1 – 5 năm	10.394.492.640	10.394.492.640
Trên 5 năm	4.980.694.390	6.280.005.970
TỔNG CỘNG	18.001.860.190	19.333.126.570

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 Thông tin báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các loại hình sản phẩm dịch vụ chính mà bộ phận đó cung cấp.

	Mối giới và dịch vụ khách hàng VND	Tỷ doanh VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Năm 2023					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	337.665.261.978	1.274.688.432.997	18.060.000.000	2.322.570.614	1.632.736.265.589
2. Các chi phí trực tiếp	54.157.752.778	336.453.719.267	1.779.044.668	2.857.358.556	395.247.875.269
3. Các chi phí phân bổ	7.988.470.600	30.156.525.464	427.262.722	54.947.278	38.627.206.064
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	275.519.038.600	908.078.188.266	15.853.692.610	(589.735.220)	1.198.861.184.256
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
1. Tài sản bộ phận	3.005.293.927.792	5.829.793.238.224	-	725.362.280	8.835.812.528.296
2. Tài sản phân bổ	51.909.023.070	195.956.880.159	2.776.350.019	357.047.009	250.999.300.257
Tổng tài sản	3.057.202.950.862	6.025.750.118.383	2.776.350.019	1.082.409.289	9.086.811.828.553
3. Nợ phải trả bộ phận	2.337.541.309	181.013.894.362	-	-	183.351.435.671
4. Nợ phân bổ	15.296.294.139	57.743.604.100	818.121.090	105.212.846	73.963.232.175
Tổng công nợ	17.633.835.448	238.757.498.462	818.121.090	105.212.846	257.314.667.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.1 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty không có số dư ngoại tệ cuối năm và không có phát sinh nghiệp vụ mua bán hàng hóa bằng ngoại tệ trong năm. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất thấp. Công ty không cần sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình, đồng thời Công ty cũng không cần thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 3.631.488.438.170 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND	Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.539.567.122	-	-	139.539.567.122
Các khoản cho vay	3.005.293.927.792	-	2.734.405.440	3.008.028.333.232
Các khoản phải thu	88.570.721.426	-	13.191.102.059	101.761.823.485
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	15.097.042.733	-	-	15.097.042.733
Các khoản phải thu khác	203.236.387	-	-	203.236.387
Trả trước cho người bán	1.013.582.600	-	-	1.013.582.600
Tạm ứng	346.000.000	-	-	346.000.000
Cảm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	725.362.280	-	-	725.362.280
Tổng cộng	3.250.789.440.340	-	15.925.507.499	3.266.714.947.839

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	139.539.567.122	-	-	-	139.539.567.122
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	5.791.236.720.624	-	-	-	5.791.236.720.624
Các khoản cho vay (*)	2.734.405.440	-	3.005.293.927.792	-	-	3.008.028.333.232
Các khoản phải thu (*)	13.191.102.059	-	88.570.721.426	-	-	101.761.823.485
Trả trước cho người bán	-	-	1.013.582.600	-	-	1.013.582.600
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	15.097.042.733	-	-	15.097.042.733
Các khoản phải thu khác	-	-	203.236.387	-	-	203.236.387
Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	17.888.540.292	-	-	17.888.540.292
Tổng cộng	15.925.507.499	5.930.776.287.746	3.129.567.051.230	-	-	9.076.268.846.475
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	2.337.541.309	-	-	2.337.541.309
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	1.708.973.031	-	-	1.708.973.031
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	66.947.111.609	-	-	66.947.111.609
Phải trả, phải nộp khác	-	-	450.779.164	-	-	450.779.164
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	147.503.337	-	147.503.337
Tổng cộng	-	-	71.444.405.113	147.503.337	-	71.591.908.450
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	15.925.507.499	5.930.776.287.746	3.058.122.646.117	(147.503.337)	-	9.004.676.938.025

(*) Không tính dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

Người lập biểu

Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 08 tháng 03 năm 2024





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX
VIX SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. HÀ NỘI.
Điện thoại: 04 44568388 Fax: 04.39765380

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2024

Hà Nội, Tháng 04 năm 2024



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN(100 = 110 +130)	100		10.235.478.670.675	9.041.916.205.385
<i>I. Tài sản tài chính(110=111->129)</i>	110		10.214.641.750.603	9.040.954.798.684
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	707.346.070.591	139.539.567.122
<i>1.1 Tiền</i>	111.1		707.346.070.591	139.539.567.122
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.1	5.217.800.705.934	5.791.236.720.624
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.2	10.000.000.000	-
4. Các khoản cho vay	114	7.3	4.159.355.305.943	3.008.028.333.232
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.5	(2.734.405.440)	(2.734.405.440)
6. Các khoản phải thu	117		119.667.941.044	101.761.823.485
<i>6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	117.1	8.1	23.857.750.000	36.042.935.000
<i>6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	117.2	8.2	95.810.191.044	65.718.888.485
<i>6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	117.4		95.810.191.044	65.718.888.485
7. Trả trước cho người bán	118	9	577.922.400	1.013.582.600
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8.3	15.433.779.762	15.097.042.733
9. Các khoản phải thu khác	122	8.4	385.532.428	203.236.387
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	8.5	(13.191.102.059)	(13.191.102.059)
<i>II. Tài sản ngắn hạn khác (130=131->136)</i>	130		20.836.920.072	961.406.701
1. Tam ứng	131		35.000.000	346.000.000
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		19.601.085	30.987.450
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		20.727.539.183	529.671.263
4. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	136		54.779.804	54.747.988
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250-260)	200		45.438.618.741	44.895.623.168
<i>I. Tài sản tài chính dài hạn</i>	210		1.500.000.000	1.500.000.000
1. Các khoản đầu tư	212	10	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>1.1 Đầu tư dài hạn khác</i>	212.4		1.500.000.000	1.500.000.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		22.462.998.863	24.076.066.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.527.020.691	12.529.773.118
- Nguyên giá	222		26.857.739.816	26.857.739.816
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(15.330.719.125)	(14.327.966.698)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	10.935.978.172	11.546.292.922
- Nguyên giá	228		23.930.081.371	23.930.081.371

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(12.994.103.199)	(12.383.788.449)
III. Tài sản dài hạn khác	250		21.475.619.878	19.319.557.128
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		725.362.280	725.362.280
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		750.257.598	705.654.556
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	13	20.000.000.000	17.888.540.292
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		10.280.917.289.416	9.086.811.828.553
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		1.289.472.625.598	257.314.667.846
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.226.334.814.977	186.613.270.147
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	14	990.000.000.000	-
1.1 Vay ngắn hạn	312		990.000.000.000	-
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	4.042.637.901	2.337.541.309
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	110.460.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	322	16	55.500.948.968	66.947.111.609
5. Phải trả người lao động	323		30.890.034	4.708.865.034
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	10.992.442.416	1.708.973.031
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		165.767.895.658	450.779.164
II. Nợ phải trả dài hạn	340		63.137.810.621	70.701.397.699
1. Phải trả người bán dài hạn	347		147.503.337	147.503.337
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		62.990.307.284	70.553.894.362
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		8.991.444.663.818	8.829.497.160.707
I. Vốn chủ sở hữu	410		8.991.444.663.818	8.829.497.160.707
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7.485.352.975.000	7.485.352.975.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		6.694.447.250.000	6.694.447.250.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		6.694.447.250.000	6.694.447.250.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2		790.905.725.000	790.905.725.000
2. Quỹ dự trữ điều lệ	414		84.018.478.276	84.018.478.276
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		86.480.740.231	86.480.740.231
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		2.462.261.955	2.462.261.955
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		1.333.130.208.356	1.171.182.705.245
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.081.168.979.221	888.967.127.799
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		251.961.229.135	282.215.577.446
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		10.280.917.289.416	9.086.811.828.553

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG				
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		669.444.725	669.444.725
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		1.869.808.470.000	1.837.880.470.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng			1.040.308.470.000	1.837.880.470.000
b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố			820.000.000.000	
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán			9.500.000.000	
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			117.312.000.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		689.750.000.000	923.050.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư	021		10.221.293.970.000	10.241.430.390.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		7.793.590.850.000	7.940.142.390.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		80.500.150.000	150.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		2.167.153.150.000	2.192.153.150.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		70.000	70.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		180.049.750.000	109.134.630.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		1.000.000	227.860.890.000
a. Tài sản tài chính đã ký quỹ tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.000.000	227.860.890.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		970.913.829.231	327.296.394.204
7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		970.787.300.967	327.169.929.010
7.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		790.089	789.695
7.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		125.738.175	125.675.499
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		4.655.969	4.653.648

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG				
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		121.082.206	121.021.851
8. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		970.366.957.476	327.296.394.204
<i>8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		969.664.364.322	326.594.139.882
<i>8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.2		702.593.154	702.254.322
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		546.871.755	

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP



Bùi Tuyết Mai

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hằng



Trương Ngọc Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		204.352.911.133	213.071.706.037	204.352.911.133	213.071.706.037
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	18.1	157.251.350.623	29.906.953.780	157.251.350.623	29.906.953.780
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2		32.747.041.333	73.443.047.009	32.747.041.333	73.443.047.009
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	18.2	14.354.519.177	109.721.705.248	14.354.519.177	109.721.705.248
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	18.2	24.547.945	-	24.547.945	-
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	18.2	115.031.252.699	45.066.136.196	115.031.252.699	45.066.136.196
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		40.155.220.750	13.055.632.304	40.155.220.750	13.055.632.304
1.5 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		1.000.883.355	804.973.100	1.000.883.355	804.973.100
1.6 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	10		30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20=01->11)	20		360.594.815.882	272.028.447.637	360.594.815.882	272.028.447.637
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		104.387.489.570	235.411.668.299	104.387.489.570	235.411.668.299
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	18.1	33.822.512.848	39.506.312.789	33.822.512.848	39.506.312.789
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2		70.564.976.722	195.905.355.510	70.564.976.722	195.905.355.510

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
2.1 Chi phí hoạt động tự doanh	26		10.025.727.679	8.410.047.594	10.025.727.679	8.410.047.594
2.2 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		17.780.549.575	8.458.053.584	17.780.549.575	8.458.053.584
2.3 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.735.689.699	1.081.522.450	1.735.689.699	1.081.522.450
2.4 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		688.704.203	207.859.017	688.704.203	207.859.017
2.5 Chi phí các dịch vụ khác	32		411.246.582	69.492.501	411.246.582	69.492.501
Cộng chi phí hoạt động (40=21->33)	40		135.029.407.308	253.638.643.445	135.029.407.308	253.638.643.445
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong kỳ	42		2.550.141.013	1.224.403.806	2.550.141.013	1.224.403.806
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=41->44)	50	19	2.550.141.013	1.224.403.806	2.550.141.013	1.224.403.806
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH						
4.1 Chi phí lãi vay	52		14.095.397.261	-	14.095.397.261	-
Cộng chi phí tài chính (60=51->55)	60	20	14.095.397.261	-	14.095.397.261	-
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN						
62	62	21	12.184.345.434	7.728.708.578	12.184.345.434	7.728.708.578
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-60-61-62)	70		201.835.806.892	11.885.499.420	201.835.806.892	11.885.499.420
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC						
7.1 Chi phí khác	72		4	3	4	3
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80	22	(4)	(3)	(4)	(3)
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		201.835.806.888	11.885.499.417	201.835.806.888	11.885.499.417
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		239.653.742.277	134.347.807.918	239.653.742.277	134.347.807.918
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(37.817.935.389)	(122.462.308.501)	(37.817.935.389)	(122.462.308.501)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	23	39.888.303.777	1.446.742.647	39.888.303.777	1.446.742.647
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		47.451.890.855	25.939.204.347	47.451.890.855	25.939.204.347
9.2 Thu nhập/ Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		(7.563.587.078)	(24.492.461.700)	(7.563.587.078)	(24.492.461.700)
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		161.947.503.111	10.438.756.770	161.947.503.111	10.438.756.770
XI. THU NHẬP (LỢ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300					
Tổng thu nhập toàn diện	400		161.947.503.111	10.438.756.770	161.947.503.111	10.438.756.770
XII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHÓ THÔNG	500					
12.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501				242	18

NGƯỜI LẬP

Bùi Tuyết Mai

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2024

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	201.835.806.888	11.885.499.417
2. Điều chỉnh cho các khoản	02	(93.834.592.804)	(206.606.497.983)
- Khấu hao TSCĐ	03	1.613.067.177	308.847.339
- Chi phí lãi vay	06	14.095.397.261	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(2.550.141.013)	(1.224.403.806)
- Dự thu tiền lãi	08	(106.992.916.229)	(205.690.941.516)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10	70.564.976.722	195.905.355.510
- Lỗ đánh giá các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	70.564.976.722	195.905.355.510
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(32.747.041.333)	(73.443.047.009)
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	(32.747.041.333)	(73.443.047.009)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	145.819.149.473	(72.258.690.065)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	31	535.618.079.301	(1.295.033.856.741)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(10.000.000.000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(1.151.326.972.711)	245.884.238.839
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35	12.185.185.000	-
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	79.001.754.683	103.457.672.661
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	(336.737.029)	52.302.512
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39	253.364.159	348.876.090
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	322.354.549	(43.388.896)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(1.113.051.163)	49.341.845

CHỈ TIÊU	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	(20.242.470.962)	(17.867.273.791)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43	(62.602.741.750)	(2.188.100.365)
(-) Lãi vay đã trả	44	(3.698.876.713)	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(110.460.000.000)	(264.840.000.000)
-Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	3.704.688.254	(6.181.449.733)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	(4.677.975.000)	(3.606.000.000)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	167.022.213.086	(3.422.417.953)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(2.111.459.708)	(2.500.068.818)
6. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(422.643.496.531)	(1.318.148.814.415)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	-	(230.605.000)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	450.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	450.000.000	(230.605.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-
1. Tiền vay gốc	73	1.440.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(450.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	990.000.000.000	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90	567.806.503.469	(1.318.379.419.415)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	139.539.567.122	1.349.906.924.794
Tiền	101.1	139.539.567.122	1.349.906.924.794
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	707.346.070.591	31.527.505.379
- Tiền	103.1	707.346.070.591	31.527.505.379

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	16.336.044.031.840	5.810.994.198.204
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(16.336.043.968.770)	(5.810.994.135.970)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	13.578.095.156.309	7.679.463.521.461
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(12.934.477.784.352)	(7.741.028.564.383)
Tăng/Giảm tiền thuần trong kỳ	20	643.617.435.027	(61.564.980.688)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31	327.296.394.204	407.079.236.542
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý. Trong đó có kỳ hạn:	32	327.169.929.010	406.953.083.908
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	789.695	788.119
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	125.675.499	125.364.515
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)			
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	970.913.829.231	345.514.255.854
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý. Trong đó có kỳ hạn:	42	970.787.300.967	345.388.040.986
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	790.089	788.509
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	125.738.175	125.426.359

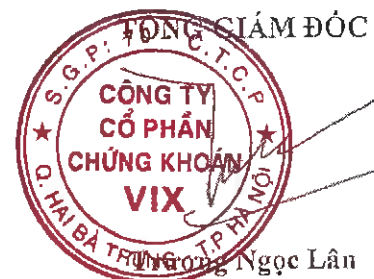
Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Bùi Tuyết Mai

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hằng



Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ
			2024		2024		
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	
1. Điền động vốn chủ sở hữu	7001						
1.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7002	2.194.345.835.000					2.194.345.835.000
1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	7003	4.821.341.890.000	6.604.457.250.000				11.425.799.140.000
1.2. Thường dự vốn cổ phần	7005	1.372.973.945.000	795.903.725.000				2.168.877.670.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	7009	64.018.478.276	84.018.478.276				148.036.956.552
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	7010	60.480.740.231	60.480.740.231				120.961.480.462
4. Các Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	7013	2.462.261.933	2.462.261.933				4.924.523.866
5. Lợi nhuận chưa phân phối	7014	693.745.383.704	1.171.182.795.245	108.408.603.571	697.698.246.883	(192.203.851.422)	1.331.170.308.396

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	2023		2023		2024	
	Tổng	Ghi nợ	Tổng	Ghi nợ	Tổng	Ghi nợ
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	518.635.723.854		108.081.603.571	192.201.451.432	637.918.227.433	1.081.108.979.221
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	(22.859.340.008)		(07.959.641.801)	-	(120.859.196.889)	351.301.229.135
Cộng	7.063.873.099.228		100.121.961.771	192.201.451.432	7.053.511.433.998	8.391.441.663.018

Hà Nội, ngày 30 tháng 04 năm 2024

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG BAN GIÁM ĐỐC



Bùi Tuyết Mai

Nguyễn Thị Thu Hằng

Trương Ngọc Liên



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1.2024

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2024 của Công ty CP Chứng khoán VIX ("Công ty").

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 300.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.694.447.250.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty có một (01) trụ sở chính tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là: 64 người.

Hạn chế đầu tư của Công ty Chứng khoán

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Công ty Chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán;

Công ty Chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán;

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ;

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc uỷ thác thực hiện các nghiệp vụ sau:

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác
- c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- f) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp nay, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sát nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính

đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ tài chính ban hành.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung

2.3 Giai đoạn tài chính

Giai đoạn tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính Quý 1 năm 2024 tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính :

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của Công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

4.4 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Công ty không có ảnh hưởng đáng kể, kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có). Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục: "Doanh thu hoạt động tài chính".

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") ngày 08 tháng 08 năm 2019. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí tài chính".

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"

4.6 Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng giám đốc chấp thuận.

Đối với các tài sản tài chính mà giá trị hợp lý có thể xác định được theo giá thị trường, giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với các tài sản tài chính không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán, hoặc được ghi nhận theo giá gốc trên báo cáo tình hình tài chính riêng.

4.7 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

4.8 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán: Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán.

4.9 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tên tài sản	Số năm
Máy móc thiết bị	04-05

Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	10
Tài sản khác	03

4.10 Tài sản cố định vô hình và khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm. Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

4.11 Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian trả trước phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, nhưng không quá ba năm đối với chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, không quá hai năm đối với giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc theo thời gian sử dụng dịch vụ đối với phí dịch vụ trả trước.

4.12 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4.13 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

4.14 Doanh thu

Hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính:

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ tài sản tài chính (lãi từ cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán:

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên báo cáo tình hình tài chính.

4.15 Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay

được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của giai đoạn tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của giai đoạn tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

4.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.22 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	707.318.580.456	139.506.558.821
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	27.490.135	33.008.301
Tổng cộng	707.346.070.591	139.539.567.122

6. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i> Đơn vị	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i> VND
a) Cửa CTCK	144.880.338	6.482.976.657.896
- Cổ phiếu	117.633.200	2.685.929.870.000
- Trái phiếu	27.247.138	3.797.046.787.896
b) Cửa Nhà đầu tư	1.173.300.123	27.168.757.872.220
- Cổ phiếu	1.171.095.243	27.064.991.101.960
- Trái phiếu	980	101.139.368.260
- Chứng khoán khác	2.203.900	2.627.402.000

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc:

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính đó hay không.

Giá trị hợp lý/giá thị trường:

Giá trị hợp lý hay còn được gọi là giá thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	2.769.208.371.984	2.973.653.904.550	3.390.659.277.715	3.631.488.438.170
Cổ phiếu chưa niêm yết	688.335.933.065	807.841.936.917	669.285.733.065	781.226.044.417
Uỷ thác đầu tư	657.000.000.000	648.000.000.000	657.000.000.000	657.000.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	788.304.864.467	788.304.864.467	721.522.238.037	721.522.238.037
Tổng cộng	4.902.849.169.516	5.217.800.705.934	5.438.467.248.817	5.791.236.720.624

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	10.000.000.000	-
Tổng cộng	10.000.000.000	-

7.3 Các khoản cho vay và phải thu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cho vay hoạt động Margin	4.095.983.534.748	4.093.249.129.308	3.002.713.517.349	2.999.979.111.909
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	63.371.771.195	63.371.771.195	5.314.815.883	5.314.815.883
Tổng cộng	4.159.355.305.943	4.156.620.900.503	3.008.028.333.232	3.005.293.927.792

7.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại thời điểm cuối kỳ

	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/giá trị hợp lý	
		Chênh lệch tăng			Chênh lệch giảm
		VND	VND		
Cổ phiếu niêm yết	2.769.208.371.984	250.946.456.773	(46.500.924.207)	2.973.653.904.550	
Cổ phiếu chưa niêm yết	688.335.933.065	120.326.304.526	(820.300.674)	807.841.936.917	
Ủy thác đầu tư	657.000.000.000	-	(9.000.000.000)	648.000.000.000	
Trái phiếu chưa niêm yết	788.304.864.467	-	-	788.304.864.467	
Tổng cộng	4.902.849.169.516	371.272.761.299	(56.321.224.881)	5.217.800.705.934	

Tình hình biến động giá trị thị trường tại thời điểm đầu kỳ của các tài sản tài chính như sau:

	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/giá trị hợp lý	
		Chênh lệch tăng			Chênh lệch giảm
		VND	VND		
Cổ phiếu niêm yết	3.390.659.277.715	294.821.262.952	(53.992.102.497)	3.631.488.438.170	
Cổ phiếu chưa niêm yết	669.285.733.065	117.804.033.726	(5.863.722.374)	781.226.044.417	
Ủy thác đầu tư	657.000.000.000	-	-	657.000.000.000	
Trái phiếu chưa niêm yết	721.522.238.037	-	-	721.522.238.037	
Tổng cộng	5.438.467.248.817	412.625.296.678	(59.855.824.871)	5.791.236.720.624	

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	(2.734.405.440)	(2.734.405.440)
Tổng cộng	(2.734.405.440)	(2.734.405.440)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
8.1. Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	23.857.750.000	36.042.935.000
- Phải thu bán các tài sản tài chính	23.857.750.000	36.042.935.000
8.2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	95.810.191.044	65.718.888.485
- Dự thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	35.766.923.609	23.527.821.982
- Dự thu lãi cho vay margin	60.018.719.490	42.191.066.503
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	24.547.945	-
8.3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	15.433.779.762	15.097.042.733
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	680.095.093	467.034.662
- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.562.582.610	1.438.906.012
- Phải thu dịch vụ khác	13.191.102.059	13.191.102.059
8.4. Phải thu khác	385.532.428	203.236.387
8.5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	(13.191.102.059)	(13.191.102.059)
Tổng cộng	122.296.151.175	103.871.000.546

(*) Đây là khoản phải thu của các khách hàng cũ của Công ty Cổ phần chứng khoán Vincom (tên gọi trước đây của Công ty) từ năm 2014 trở về trước và đã được Công ty trích lập dự phòng 100%

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải trả khác	577.922.400	1.013.582.600
Tổng cộng	577.922.400	1.013.582.600

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Đầu tư dài hạn khác	1.500.000.000	1.500.000.000
Tổng cộng	1.500.000.000	1.500.000.000

(*) Đây là phần vốn góp của Công ty tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hoá Hàng không (ACSV)

11. TĂNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu kỳ	17.901.026.477	7.284.235.518	616.305.107	1.056.172.714	26.857.739.816
Số dư cuối kỳ	17.901.026.477	7.284.235.518	616.305.107	1.056.172.714	26.857.739.816
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	10.242.453.282	2.599.144.153	616.305.107	870.064.156	14.327.966.698
- Khấu hao trong năm	779.679.456	182.105.889	-	40.967.082	1.002.752.427
Số dư cuối kỳ	11.022.132.738	2.781.250.042	616.305.107	911.031.238	15.330.719.125
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu kỳ	7.658.573.195	4.685.091.365	-	186.108.558	12.529.773.118
- Tại ngày cuối kỳ	6.878.893.739	4.502.985.476	-	145.141.476	11.527.020.691

12. TĂNG, GIẢM TSCĐ VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu kỳ	23.930.081.371	23.930.081.371
Số dư cuối kỳ	23.930.081.371	23.930.081.371
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	12.383.788.449	12.383.788.449
- Khấu hao trong năm	610.314.750	610.314.750
Số dư cuối kỳ	12.994.103.199	12.994.103.199
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
- Tại ngày đầu kỳ	11.546.292.922	11.546.292.922
- Tại ngày cuối kỳ	10.935.978.172	10.935.978.172

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	14.338.142.881	13.099.231.444
Tiền lãi phân bổ trong năm	5.541.857.119	4.669.308.848
Tổng cộng	20.000.000.000	17.888.540.292

14. VAY NGẮN HẠN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Vay ngắn hạn	990.000.000.000	-
Tổng cộng	990.000.000.000	-

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
- Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán	3.640.951.661	1.961.965.939
- Phải trả VSD phí lưu ký chứng khoán	338.651.446	344.743.721
- Phải trả VSD phí chuyển khoản chứng khoán	63.034.794	30.831.649
Tổng cộng	4.042.637.901	2.337.541.309

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	47.451.890.855	62.602.741.750
Thuế Thu nhập cá nhân	8.049.058.113	4.344.369.859
Tổng cộng	55.500.948.968	66.947.111.609

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	10.396.520.548	-
Trích trước - Chi phí dịch vụ mua ngoài	595.921.868	1.708.973.031
Tổng cộng	10.992.442.416	1.708.973.031

18. THU NHẬP

18.1 Lãi/lỗ bán các tài sản tài chính.

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán kỳ này	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này
		Đơn vị	VND	VND	VND	VND
1	Cổ phiếu niêm yết	67.442.600	1.440.090.515.000	1.287.950.729.119	152.139.785.881	152.139.785.881
2	Trái phiếu niêm yết	2.000.000	219.627.000.000	219.613.000.000	14.000.000	14.000.000
3	Trái phiếu chưa niêm yết	3.263	341.223.422.486	336.125.857.744	5.097.564.742	5.097.564.742
		69.445.863	2.000.940.937.486	1.843.689.586.863	157.251.350.623	157.251.350.623

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này
		Đơn vị	VND	VND	VND	VND
1	Cổ phiếu niêm yết	9.818.200	263.324.430.000	296.964.901.612	33.640.471.612,00	33.640.471.612
2	Trái phiếu niêm yết	11.620.000	1.305.746.420.000	1.305.927.380.000	180.960.000,00	180.960.000
3	Trái phiếu chưa niêm yết	10	1.000.000.000	1.001.081.236	1.081.236,00	1.081.236
		21.438.210	1.570.070.850.000	1.603.893.362.848	33.822.512.848	33.822.512.848

18.2 *Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu.*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	14.354.519.177	109.721.705.248
<i>Cổ tức</i>	2.115.417.550	4.818.198.400
<i>Trái tức</i>	12.239.101.627	104.903.506.848
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.547.945	-
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	115.031.252.699	45.066.136.196
<i>Lãi cho vay giao dịch ký quỹ</i>	113.477.880.195	43.837.168.110
<i>Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng</i>	1.553.372.504	1.228.968.086
Tổng cộng	129.410.319.821	154.787.841.444

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu, dự thu cổ tức, phát sinh trong kỳ	450.000.000	-
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.100.141.013	1.224.403.806
Tổng cộng	2.550.141.013	1.224.403.806

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	14.095.397.261	-
Tổng cộng	14.095.397.261	-

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.374.857.361	1.859.358.321
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	167.165.000	142.645.000
Chi phí vật tư văn phòng	13.613.639	9.486.818
Chi phí công cụ, dụng cụ	93.526.407	73.119.819
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.498.072.881	285.737.340
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.100.987.526	2.737.586.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.728.779.796	1.722.330.841
Chi phí khác	2.207.342.824	898.444.035
Tổng cộng	12.184.345.434	7.728.708.578

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC.

Chi phí khác	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khác	4	3
Tổng cộng	4	3

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	239.653.742.277	134.347.807.918
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(2.565.417.550)</i>	<i>(4.818.198.400)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>171.129.546</i>	<i>166.412.217</i>
Thu nhập chịu thuế	237.259.454.273	129.696.021.735
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	47.451.890.855	25.939.204.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	47.451.890.855	25.939.204.347

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	(70.564.976.722)	(195.905.355.510)
Chênh lệch đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	32.747.041.333	73.443.047.009
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(37.817.935.389)	(122.462.308.501)
Thuế suất	20%	20%
Doanh thu/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ	(7.563.587.078)	(24.492.461.700)

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban Điều Hành	2.104.900.000	2.269.347.826
Thù lao HĐQT	915.000.000	439.347.826
Lương của Ban Điều hành	1.189.900.000	1.830.000.000

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Tuyết Mai

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hằng



Nguyễn Ngọc Lâm

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Báo cáo tình hình sử dụng vốn
thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký
chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN-UBCK ("Báo cáo tình hình sử dụng
vốn") cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 09-07-2024

Số chứng thực: 1450 Quyển số: SCT/07



TRƯỞNG CHỨC TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
Nguyễn Thu Hương



Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022	6 - 9
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022	10

MINISTRY OF FINANCE

STATE CAPITAL

HC

BA

70 -

ÔNG T
PH
G KH
'IX

VG - T

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 52/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 300.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 6.694.447.250.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
	Phụ trách HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2023
		Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2023
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2022
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2022
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Ông Trương Ngọc Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Duyên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Trần Hồng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023
Bà Ngô Thị Hồng Duyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Ông Đỗ Ngọc Đình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2017
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 18 tháng 10 năm 2022 là Bà Nguyễn Thị Tuyết, chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 19 tháng 10 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Ngọc Lân, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN-UBCK ("Báo cáo tình hình sử dụng vốn") cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong đợt chào bán ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN-UBCK. Trong quá trình lập báo cáo tình hình sử dụng vốn này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Tuân thủ các yêu cầu của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán trong việc lập và sử dụng Báo cáo sử dụng vốn.
- ▶ Chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.
- ▶ Chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính làm cơ sở cho các số liệu trích dẫn trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 trên cơ sở tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập và trình bày phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn.



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 04 năm 2024



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 11542654/E-66979513-BCSDV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN-UBCK (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn") cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 04 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 10, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022. Báo cáo này được lập trên cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 của Công ty phù hợp với Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu trên Báo cáo sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 1 - Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022. Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để giúp Công ty đáp ứng theo các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. Theo đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được sử dụng để Công ty nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích hay để báo cáo cho đối tượng nào khác.

Công ty Trách-nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 04 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán
VIX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 25/2024/VIX-CV

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2024.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN-UBCK ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: +84(04) 4456 8888
Fax: +84(04) 3978 5380
Vốn điều lệ: 6.694.447.250.000 VND
- Mã cổ phiếu: VIX
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long
Số tài khoản: 1126 1878 9789
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 70/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007 với tên gọi ban đầu là Công ty CP Chứng khoán Vincom. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX theo Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất số 52/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 06 năm 2023.
Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022

II. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

- | | | |
|----|---|---|
| 1. | Tên cổ phiếu phát hành: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX |
| 2. | Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| 3. | Mệnh giá: | 10.000 VND |
| 4. | Số lượng chứng khoán đã chào bán: | 274.595.229 cổ phiếu |
| 5. | Tổng vốn đã huy động: | 4.118.928.435.000 VND (Bốn nghìn một trăm mười tám tỷ chín trăm hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng). |
| 6. | Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: | Đối với cổ đông hiện hữu: Từ ngày 09/03/2022 đến ngày 28/03/2022
Đối với phần xử lý cổ phiếu không đặt mua hết: Từ ngày 08/04/2022 đến ngày 14/04/2022 |
| 7. | Ngày kết thúc đợt chào bán: | 14/04/2022 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Phương án sử dụng vốn theo kế hoạch đã công bố

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/GCN-UBCK như sau:

Tài khoản nhận tiền	1126 1878 9789 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long
Ngày nhận tiền	Từ 05/04/2022 đến 14/04/2022
Ngày tiền được giải tỏa	25/04/2022
Tổng tiền thu được	4.118.958.436.151 VND
Trừ: - Tiền nộp quyền mua cổ phiếu không hợp lệ	30.000.000 VND
- Chi phí phát hành	1.100.000 VND
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.151 VND
Tổng tiền ròng thu được từ đợt chào bán	4.118.927.335.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Tăng vốn góp của chủ sở hữu	2.745.952.290.000 VND
Tăng thặng dư vốn cổ phần từ phát hành mới	1.372.975.045.000 VND

Phương án sử dụng vốn đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39/2021/VIX-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 (“Nghị quyết số 39”): Bổ sung nguồn vốn kinh doanh nhằm nâng cao năng lực đầu tư tự doanh và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán. Theo đó, tổng số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán là 4.118.928.435.000 VND sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)	Tỷ lệ tương ứng	Tiến độ sử dụng vốn
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh	2.059.464.217.500	50%	Ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
2	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	2.059.464.217.500	50%	Ngay sau khi hoàn thành đợt chào bán
	Tổng cộng	4.118.928.435.000	100%	

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN (tiếp theo)

2. Tình hình sử dụng vốn thực tế của Công ty

Số tiền thu được từ đợt phát hành được giải tỏa trên tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu phát hành thêm số 1126 1878 9789 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long. Số tiền nêu trên sau đó đã được Công ty phân bổ và sử dụng cho các hoạt động phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/VIX-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Số liệu các hoạt động kinh doanh của Công ty cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 như sau:

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số tiền lũy kế đã thanh toán/ giải ngân	Trong đó số tiền thanh toán/giải ngân từ nguồn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	Thời gian sử dụng
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh	2.260.074.341.513 (*)	2.059.463.117.500	Từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022
2	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	2.059.978.167.532 (**)	2.059.464.217.500	
	Tổng cộng	4.320.052.509.045	4.118.927.335.000 (***)	

(*) Tổng số tiền Công ty đã thanh toán trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 cho các hợp đồng mua chứng khoán bao gồm cả thanh toán bù trừ cho giao dịch thực hiện qua sàn giao dịch chứng khoán của Công ty.

(**) Tổng số tiền giải ngân cho vay ký quỹ trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022.

(***) Ngoài bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh và cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty sử dụng 1.100.000 đồng trong số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán phí ngân hàng.

3. Những thay đổi (nếu có): Không

4. Lý do thay đổi (nếu có): Không

5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được công bố thông tin tại: không công bố.

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt



Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 04 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022

I. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

1. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 được lập cho mục đích báo cáo về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chứng với số tiền 4.118.927.335.000 VND theo các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, cổ phiếu được chào bán từ ngày 20 tháng 09 năm 2021 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Báo cáo sử dụng vốn này là một trong các tài liệu được sử dụng để Công ty nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chứng. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

2. Cơ sở lập báo cáo

Số tiền lũy kế đã thanh toán/giải ngân bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán được xác định bằng số tiền Công ty đã chuyển vào các tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư căn cứ theo số tiền thực tế khách hàng vay ký quỹ trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022. Trong đó, số tiền thanh toán/giải ngân từ nguồn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chứng được xác định bằng số tiền chuyển đi từ tài khoản phong tỏa.

Số tiền lũy kế đã thanh toán/giải ngân bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh được xác định bằng số tiền Công ty đã thanh toán cho bên bán theo các hợp đồng mua trái phiếu và thực hiện thanh toán bù trừ giao dịch mua cổ phiếu trên các sàn giao dịch chứng khoán (HNX, HOSE và UPCOM) thông qua tài khoản chuyên dụng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022. Trong đó, số tiền thanh toán/giải ngân từ nguồn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chứng được xác định bằng số tiền Công ty chuyển đi từ tài khoản phong tỏa.

Ngoài dòng tiền thu được từ phát hành cổ phiếu, các hoạt động trên cũng được tài trợ bằng các nguồn khác như huy động từ vay các ngân hàng thương mại, phát hành trái phiếu, nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh...

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 04 năm 2022 đến ngày 15 tháng 06 năm 2022 trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

II. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 15 THÁNG 06 NĂM 2022

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2022 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn này.

Người lập biểu

Bà Bùi Tuyết Mai
Kế toán viên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 04 năm 2024

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Ông Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc



Số: ..Q.9../2024/EIBHN/DVKH

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO XÁC NHẬN PHONG TỎA SỔ DƯ TÀI KHOẢN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Căn cứ theo Giấy đề nghị của Quý Công ty ngày 23/04/2024, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – CN Hà Nội địa chỉ số 19 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội xác nhận về việc mở và phong tỏa tài khoản thanh toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX với các thông tin như sau:

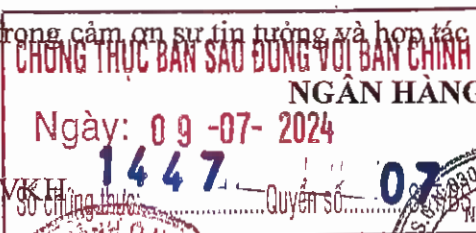
- Tên chủ tài khoản: **Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102576064 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/07/2023
- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 52/GPDC-UBCK ngày 23/06/2023
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số tài khoản: **100234488**
- Loại tiền tệ tài khoản: VND
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
- Mục đích: tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX.

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện phong tỏa tài khoản thanh toán nêu trên và chỉ thực hiện giải tỏa khi Ngân hàng chúng tôi nhận được văn bản đề nghị giải tỏa của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX kèm theo bản sao văn bản/công văn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX được công chứng, chứng thực hợp pháp.

Xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và hợp tác của Quý Khách hàng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Phòng DVKH



NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ NỘI



TUO CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
Nguyễn Thu Hương

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Quang An

